

LÊ MINH HOAN

Ngồi xuống giữa một miền quê!



ĐỌC SÁCH CÙNG XÍCH LÔ

ẤN PHẨM

**NGỒI XUỐNG
GIỮA MỘT MIỀN QUÊ**

Tác giả: Lê Minh Hoan

MỤC LỤC

Đôi lời tự sự.....	9
Lời giới thiệu	16
Một triết lý, một con đường.....	22
<i>Cảm xúc khi đọc cuốn sách “Ngôi xuống giữa một miền quê” của tác giả Lê Minh Hoan</i>	

<u>PHẦN I. NGÔI XUỐNG ĐỂ NHÌN THẤY</u>	25
1. Ngôi xuống giữa một miền quê.....	25
<i>Tại sao muốn hiểu nông thôn phải bắt đầu bằng sự lắng nghe</i>	
2. Người cuối cùng rời khỏi làng	
<i>Câu chuyện di cư nông thôn và câu hỏi ai sẽ ở lại quê hương</i>	
3. Con đường bê tông và con đường trong lòng người	
<i>Xây dựng nông thôn mới không chỉ là hạ tầng</i>	
4. Một buổi chợ quê.....	
<i>Chợ quê như một “trường học xã hội” của nông thôn</i>	
5. Cây đa không còn, làng còn không?	
<i>Bản sắc nông thôn trong thời hiện đại</i>	
6. Tiếng gà gáy có còn cần thiết?.....	
<i>Nông thôn trong thời đại số</i>	

PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI GIỮ HỒN QUÊ

7. Người nông dân không chỉ trồng lúa

Từ người sản xuất sang người kiến tạo giá trị

8. Người thương lái và cây cầu vô hình

Vai trò lịch sử của thương lái

9. Ông chủ nhiệm hợp tác xã

Chuyện người đi gom những cái riêng thành cái chung

10. Bà bán hàng ngoài chợ quê.....

Kinh tế phi chính thức và sức sống nông thôn

11. Người thầy giáo làng

Người âm thầm chuẩn bị tương lai cho một miền quê

12. Cụ già kể chuyện bên ấm trà.....

Có những hạt giống nằm trong ký ức

13. Người trẻ trở về

Khởi nghiệp không phải chỉ ở thành phố

PHẦN III. NHỮNG MỐI QUAN HỆ TẠO NÊN NÔNG THÔN

14. Bữa cơm đám giỗ ở quê

Nơi vốn xã hội được vun bồi

15. Chuyện hùn hạp làm ăn.....

Chiết tự chữ “hợp tác”

16. Hội quán dưới gốc cây.....

Nơi nông dân học cách đối thoại

17. Khi hàng xóm trở thành đối tác.....

Từ cộng đồng cư trú sang cộng đồng kinh tế

18. Một cuộc họp kéo dài ba giờ.....

Dân chủ ở nông thôn không đơn giản

19. Chuyện người góp đất.....

Lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng

PHẦN IV. ĐẤT ĐAI KHÔNG CHỈ LÀ ĐẤT

20. Một thửa ruộng có bao nhiêu người sống nhờ?.....

Bức tranh hệ sinh thái ngành hàng

21. Mùa nước nổi đi đâu?

Biến đổi khí hậu và kỷ ức đồng bằng

22. Câu chuyện một dòng sông.....

Sông không chỉ là nước

23. Cánh đồng không chỉ để trồng lúa.....

Tư duy tích hợp đa giá trị

24. Đất lành nuôi người.....

Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

PHẦN V. KHI NÔNG THÔN BƯỚC RA THỊ TRƯỜNG..

25. Hạt gạo đi xa đến đâu?.....

Chuỗi giá trị bắt đầu từ cánh đồng

26. Chuyện một trái xoài mang hộ chiếu.....

Nông sản và hội nhập

27. Người kể chuyện cho nông sản.....

Sức mạnh của thương hiệu

28. Từ quê nhà đến siêu thị.....

Hành trình tạo niềm tin

29. Điều còn lại sau mùa thu hoạch

Giá trị không nằm ở sản lượng

PHẦN VI. NÔNG THÔN NGÀY MAI.....

30. Một làng quê đáng sống

Khái niệm mới về phát triển nông thôn.

31. Thanh niên làng và trí tuệ nhân tạo

Nông thôn trong kỷ nguyên số

32. Khi nông dân trở thành doanh nhân.....

Tương lai nghề nông

33. Ngôi trường tương lai ở nông thôn

Giáo dục cho cộng đồng học tập suốt đời

34. Bệnh viện cách nhà vài cú chạm màn hình.....

Y tế số ở nông thôn

35. Một ngôi làng thông minh

Công nghệ phục vụ con người

PHẦN VII. NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ ĐO ĐẾM

36. Giá của một lời chào.....

Niềm tin như một nguồn vốn

37. Quê hương là gì?

Khái niệm tưởng đơn giản nhưng không dễ trả lời

38. Vì sao người ta trở về?

Sức hút của nguồn cội

39. Để lại một miền quê cho con cháu

Trách nhiệm liên thế hệ

Bài cuối. Miền quê không đứng ngoài tương lai.....

ĐÔI LỜI TỰ SỰ

Tuổi thơ tôi được nuôi lớn bằng phù sa.

Phù sa của những dòng sông miền Tây miệt mài bồi đắp qua bao thế hệ. Phù sa của những mùa nước nổi mang theo cá tôm và những câu chuyện của đất trời. Phù sa của những cánh đồng lúa trải dài đến tận chân trời, nơi mỗi buổi chiều, mặt trời đỏ rực như đang từ từ chìm xuống giữa biển lúa vàng.



Tôi lớn lên trong tiếng máy đuôi tôm khuấy nước trên những con sông nhỏ.

Lớn lên cùng tiếng gà gáy sáng vọng từ xóm xa.

Lớn lên cùng mùi thơm mới sau mùa gặt, mùi khói đồng những ngày đốt gốc rạ, mùi phù sa ngai ngái còn vương trên đôi chân trẻ nhỏ.

Ký ức tuổi thơ tôi là những buổi trưa hè nằm trên chiếc võng mắc dưới tán cây, nghe tiếng lá lao xao và tiếng ghe thương hồ vọng lại từ ngoài sông lớn. Là những phiên chợ quê nhóm từ tỉnh mơ. Là những đêm trăng sáng cả cánh đồng. Là hình ảnh những người nông dân cúi mình trên ruộng lúa như đang đối thoại với đất.

Ngày ấy, tôi chưa hiểu hết nhọc nhằn của người lớn, chỉ biết quê hương là nơi bình yên nhất. Rồi lớn lên, rời quê để học tập, làm việc. Đi qua nhiều miền đất. Gặp gỡ nhiều con người.

Mỗi lần trở về, tôi nhận ra quê hương vẫn còn đó nhưng cũng đang đổi thay từng ngày. Những con đường đất ngày nào đã thành đường nhựa. Những chiếc cầu khỉ chông chênh đã nhường chỗ cho những cây cầu bê tông vững chãi.

Nhưng cũng có những điều lặng lẽ đổi thay.

Nhiều căn nhà chỉ sáng đèn vào dịp Tết.

Nhiều sân trường thưa dần tiếng trẻ.

Nhiều người trẻ rời quê mang theo những giấc mơ của mình.

Và những người ở lại tiếp tục giữ nhịp sống của làng quê bằng sự bền bỉ vốn có.

Sau này, công việc đưa tôi trở lại với nông thôn theo một cách khác. Không còn là cậu bé đi chân đất trên bờ ruộng năm nào, mà là người đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi của nông thôn hôm nay.

Tôi gặp những người nông dân thức trắng đêm vì giá nông sản giảm.

Gặp những hợp tác xã đang loay hoay tìm đường đi mới.

Gặp những người trẻ khởi nghiệp từ chính mảnh đất quê hương.

Gặp những ngôi làng đang cố giữ lại hồn cốt của mình giữa nhịp sống hiện đại.

Tôi nhận ra rằng, nông thôn không chỉ là nơi sản xuất ra lương thực. Nông thôn là nơi lưu giữ ký ức của một dân tộc. Là nơi những giá trị cộng đồng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Là nơi mỗi dòng sông, mỗi hàng cây, mỗi ngôi đình đều mang trong mình những câu chuyện.

Có những điều chỉ khi đi xa người ta mới thấy nhớ.

Nhớ tiếng mưa rơi trên mái tôn quê nhà.

Nhớ tiếng xuống ghe cập bến lúc tình sương.

Nhớ tiếng gọi nhau í ới ngoài đồng.

Nhớ một bữa cơm đơn sơ nhưng đầy ắp tình thân.

Có những năm tháng, chúng ta nói rất nhiều về phát triển. Nói về tăng trưởng. Nói về sản lượng. Nói về những con số. Nhưng càng đi nhiều, tôi càng hiểu rằng phía sau những con số ấy là những con người.

Mỗi hecta đất là một gia đình.

Mỗi mùa vụ là một niềm hy vọng.

Mỗi quyết sách đều tác động đến cuộc sống của biết bao người dân.

Muốn hiểu nông thôn, không thể chỉ nhìn từ trên cao. Không thể chỉ nhìn qua báo cáo. Không thể chỉ nhìn qua những chuyến đi ngắn ngủi. Phải ngồi xuống.

Ngồi xuống giữa một miền quê.

Ngồi dưới mái hiên một ngôi nhà.

Ngồi bên chiếc bàn trà cũ.

Ngồi trên bờ ruộng lúc hoàng hôn buông xuống.

Ngồi giữa một buổi họp hội quán nơi người dân nói những điều thật lòng.

Ngồi đủ gần để nghe câu chuyện của người nông dân.

Ngồi đủ lâu để hiểu những điều họ chưa nói.

Ngồi đủ sâu để cảm nhận được nhịp đập của vùng đất ấy.

Cuốn sách này không phải là một công trình nghiên cứu. Đây đơn giản chỉ là những ghi chép trên hành trình đi qua nhiều miền quê.

Những điều mắt thấy.

Những điều tai nghe.

Những điều còn day dứt.

Những điều gieo vào lòng tôi biết bao niềm tin.

Có câu chuyện về người rời khỏi làng.

Có câu chuyện về những người trẻ trở về quê hương.

Có câu chuyện về những hợp tác xã đang học cách lớn lên.

Có câu chuyện về những người nông dân không còn muốn được gọi là người yếu thế mà muốn trở thành những doanh nhân của đồng ruộng.

Và cũng có những câu chuyện rất nhỏ. Nhỏ như một hàng bán bên mé sông. Một cây cầu nhỏ nối hai bờ kinh. Một chiếc xuồng ba lá neo lặng lẽ dưới bóng dừa nước. Một quán cà phê hội quán nơi những người nông dân ngồi lại với nhau để bàn chuyện mùa màng. Nhưng chính những điều nhỏ bé ấy làm nên linh hồn của nông thôn.

Nhiều người hỏi tôi có lạc quan về tương lai nông nghiệp và nông thôn không? Tôi thường trả lời rằng, tôi lạc quan khi thấy người nông dân vẫn không bỏ cuộc sau những mùa vụ khó khăn. Tôi lạc quan khi thấy những người trẻ trở về làng mang theo tri thức mới. Tôi lạc quan khi thấy ngày càng nhiều hợp tác xã biết liên kết, biết sẻ chia thay vì đi riêng lẻ. Tôi lạc quan khi thấy những miền quê đang dần trở thành nơi đáng sống hơn, không chỉ cho người già mà cả cho thế hệ trẻ. Bởi một đất nước không thể phát triển bền vững nếu quên đi nơi đã nuôi dưỡng mình.

Cuốn sách này không mong mang đến những câu trả lời hoàn chỉnh, chỉ mong mỗi trang sách sẽ là một khoảng lặng.

Để người đọc dừng lại giữa nhịp sống hối hả.

Để nhớ về một miền quê nào đó trong ký ức.

Để nghĩ thêm về người nông dân.

Để hiểu hơn về những điều bình dị quanh mình.

Và biết đâu, sau khi gấp lại trang sách cuối cùng, mỗi người sẽ tự tìm cho mình một câu trả lời: Mình có thể làm gì cho quê hương? Không phải bằng những điều lớn lao, mà chỉ bằng sự quan tâm. Bằng sự đồng hành. Bằng một niềm tin rằng nông thôn không phải là phía sau của sự phát triển.

Nông thôn chính là một phần của tương lai. Nếu có một lời mời gửi đến bạn đọc, tôi xin mời bằng một điều rất giản dị, một ngày nào đó, hãy thử rời xa những con phố đông đúc, về một miền quê.

Ngồi dưới bóng cây bên dòng sông.

Ngồi trên chiếc chõng tre trước hiên nhà.

Ngồi giữa cánh đồng đang ngả màu lúa chín.

Đừng vội nói. Đừng vội kết luận. Chỉ cần lắng nghe.

Lắng nghe tiếng gió đi qua đồng ruộng.

Lắng nghe tiếng mái chèo khua nước.

Lắng nghe tiếng chim gọi bầy lúc chiều xuống.

Và lắng nghe những câu chuyện của những con người bình dị. Biết đâu, giữa những âm thanh quen thuộc ấy, bạn sẽ nhận ra rằng quê hương không chỉ là nơi để nhớ. Quê hương còn là nơi để trở về. Cũng như tôi, sau bao năm tháng đi qua nhiều miền đất, vẫn luôn muốn tìm cho mình một khoảng lặng để ngồi xuống giữa một miền quê.

Lê Minh Hoan

LỜI GIỚI THIỆU

Có những miền quê chỉ đi qua một lần mà nhớ mãi. Cũng có những miền quê sống cả đời trong đó, vậy mà chưa bao giờ thật sự ngồi xuống để nhìn cho sâu, nghe cho hết.

Miền quê không chỉ là một địa danh. Đó là con đường đất sau cơn mưa, là mùi thơm mới, tiếng gà gáy trong sương, bóng mẹ chờ trước cửa, tiếng gọi nhau bên hàng rào. Những điều bình dị ấy âm thầm làm nên ký ức, căn cước và nơi chôn để mỗi người nhận ra mình từ đâu đến.



Nhưng miền quê đang đổi thay từng ngày.

Đường đất thành đường bê tông. Mái lá thành mái ngói. Cây cầu mới thay chuyển đò ngang. Điện thoại thông minh

đền từng nhà. Người trẻ rời quê đi học, đi làm, lập nghiệp. Cánh đồng rộng hơn, máy móc nhiều hơn, nhưng tiếng người trên đồng đôi khi lại thưa dần.

Đổi thay là cần thiết. Nhưng phát triển để làm gì? Nhà cửa khang trang hơn, thu nhập cao hơn, liệu con người có hạnh phúc hơn? Nông thôn hiện đại hơn, liệu hồn quê có còn nguyên vẹn? Người trẻ đi xa, rồi có muốn trở về? Và khi trở về, miền quê có đủ chỗ cho những ước mơ mới?

Những câu hỏi ấy không thể trả lời chỉ bằng vài con số tăng trưởng hay những công trình mới xây. Có lẽ phải bắt đầu bằng một việc giản dị: **Ngồi xuống**.

Ngồi xuống bên người nông dân vừa trở về sau buổi đồng. Ngồi xuống trong căn nhà có người con đi làm xa. Ngồi xuống dưới gốc cây nơi những người già thường kể chuyện. Ngồi xuống bên phiên chợ quê, trong một cuộc họp hợp tác xã, bên dòng sông, trên bờ ruộng.

Ngồi xuống không chỉ là một tư thế. Đó là một cách nhìn.

Khi còn đứng, người ta dễ nhìn từ trên xuống. Khi bước quá nhanh, người ta chỉ thấy những gì hiện ra trước mắt. Chỉ khi ngồi xuống, người ta mới nghe trọn một câu chuyện, hiểu được một nỗi lo, nhận ra một niềm vui và nhìn thấy con người phía sau mỗi sản phẩm.

Phía sau một hạt gạo là bao nhiêu phận người. Phía sau một trái cây là nắng mưa, giá cả, niềm hy vọng của một gia

đình. Phía sau một con đường bê tông là chuyện người góp đất, dời hàng rào, nhường nhau một lối đi.

Một hợp tác xã chưa mạnh có khi không phải vì thiếu vốn, mà vì thành viên chưa thật sự tin nhau. Một sản phẩm chưa đi xa có khi không phải vì chất lượng thấp, mà vì người làm ra chưa biết kể câu chuyện của đất, của nghề và của cộng đồng. Một cuộc họp kéo dài có khi không phải vì người dân thiếu quyết đoán, mà vì vẫn còn những điều chưa được lắng nghe.

Ngôi xuống cũng để nhận ra miền quê không chỉ có những điều còn thiếu. Trong mỗi làng quê đều có những tài sản đang hiện hữu: đất đai, cảnh quan, nghề truyền thống, tri thức bản địa, ký ức cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, những người giàu kinh nghiệm và những người trẻ đầy khát vọng.

Một cây cổ thụ không chỉ cho bóng mát. Một bến nước không chỉ để lấy nước. Một ngôi đình không chỉ là công trình kiến trúc. Một món ăn quê không chỉ để no lòng. Mỗi thứ đều chứa trong đó lịch sử, văn hóa, niềm tự hào và khả năng tạo ra giá trị mới.

Khi nhìn miền quê bằng tư duy tài sản, câu hỏi không còn chỉ là nơi này thiếu gì, mà còn là nơi này đang có gì. Không chỉ chờ nguồn lực bên ngoài, mà biết khơi dậy nguồn lực bên trong. Không chỉ làm nhiều hơn, mà làm khác đi, thông minh hơn và tạo ra nhiều tầng giá trị hơn.

Một cánh đồng không chỉ để trồng lúa. Đó còn có thể là không gian sinh thái, nơi lưu giữ văn hóa mùa vụ, tổ chức trải nghiệm và kể câu chuyện về đất. Một khu vườn không chỉ bán trái cây. Khu vườn ấy có thể bán trải nghiệm, sự bình yên và niềm tin vào cách sản xuất tử tế. Một làng nghề không chỉ tạo ra sản phẩm. Làng nghề còn gìn giữ kỹ năng, phong tục, nếp sống và lòng tự trọng của người làm nghề.

Phát triển nông thôn vì thế không phải là làm cho miền quê giống thành thị. Phát triển là giúp miền quê trở thành phiên bản tốt đẹp hơn của chính mình: hiện đại mà không mất gốc, tiện nghi mà vẫn gần gũi, mở cửa với thế giới mà vẫn giữ được bản sắc.

Những trang viết trong tập sách này bắt đầu từ những câu chuyện nhỏ như thế.

Chuyện người cuối cùng rời khỏi làng. Chuyện một con đường bê tông và con đường trong lòng người. Chuyện người góp đất, người giám đốc hợp tác xã, người bán hàng ở chợ quê, người thương lái đứng giữa dòng chảy nông sản.

Đó còn là chuyện một bữa cơm đám giỗ, một mùa nước nổi, một đồng rơm sau vụ gặt, một ngôi trường giữa làng, tiếng gà gáy buổi sớm hay cuộc trò chuyện bên ấm trà.

Mỗi câu chuyện không nhằm đưa ra một kết luận cuối cùng. Chỉ mong gợi lên một cách nhìn, mở ra một câu hỏi để người đọc tiếp tục suy ngẫm bằng chính trải nghiệm của mình.

Bởi miền quê trong ký ức mỗi người không giống nhau. Có người nhớ quê bằng một dòng sông. Có người nhớ bằng hương lúa chín. Có người nhớ tiếng rao ngoài chợ. Có người chỉ thật sự nhớ quê sau nhiều năm sống giữa phố đông.

Người trẻ có thể rời quê. Nhưng trong hành trang vẫn mang theo giọng nói, món ăn, ký ức và lời dặn của gia đình. Rồi một ngày, có người trở về bằng một dự án nhỏ, một sáng kiến mới, một cách làm giúp sản phẩm quê nhà đi xa hơn. Có người trở về chỉ để kể cho con mình nghe nơi ông bà từng sống.

Một miền quê đáng sống không phải là nơi không ai rời đi. Đó là nơi người ra đi vẫn muốn nhớ về, người ở lại có thể sống một cuộc đời có phẩm giá, và người trở về tìm thấy cơ hội để cùng dựng xây tương lai.

Câu chuyện miền quê vì vậy không chỉ là chuyện của người nông dân.

Bữa cơm nơi thành thị có hạt gạo từ một cánh đồng xa. Ly cà phê buổi sáng bắt đầu từ một vùng đất đỏ. Trái cây trên bàn đi qua bàn tay người trồng, người thu hoạch, người đóng gói, người vận chuyển. Phía sau đời sống đô thị là rất nhiều miền quê đang lặng lẽ cung cấp lương thực, gìn giữ nguồn nước, bảo vệ cảnh quan và lưu giữ những nền tảng văn hóa của xã hội.

Nông thôn không ở phía sau thành thị. Nông thôn là một phần của tương lai.

Trong một thế giới ngày càng bất định, miền quê có thể trở thành không gian của sinh thái, văn hóa, sáng tạo và an lành. Nhưng điều đó chỉ thành hiện thực khi người dân được đặt vào vị trí chủ thể, cộng đồng biết cùng nhau hành động, và những giá trị truyền thống được kết nối với khoa học, công nghệ và thị trường.

Tập sách này không viết về một miền quê cụ thể. Bởi trong mỗi câu chuyện, người đọc có thể bắt gặp quê hương của chính mình.

Tên đất có thể khác. Giọng nói có thể khác. Mùa vụ và cảnh sắc có thể khác. Nhưng nỗi niềm về quê hương thường gặp nhau ở một chỗ: ai cũng mong nơi mình sinh ra trở nên tốt đẹp hơn mà không đánh mất những điều đã làm nên hồn cốt của nó.

Xin mời người đọc cùng ngồi xuống.

Ngồi xuống để nghe đất kể chuyện.

Ngồi xuống để nghe dòng sông nhớ về những mùa đã qua.

Ngồi xuống để nhìn thấy con người phía sau mỗi sản phẩm.

Ngồi xuống để nhận ra những điều bình dị chưa bao giờ là nhỏ bé.

Và biết đâu, trong khoảnh khắc chậm lại ấy, mỗi người sẽ tìm thấy một miền quê vẫn luôn ở trong mình.

Lê Minh Hoan

MỘT TRIẾT LÝ, MỘT CON ĐƯỜNG

*Cảm xúc khi đọc cuốn sách “Ngôi xuống giữa một miền quê”
của tác giả Lê Minh Hoan*

PGS.TS Bùi Bá Bổng,
nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Chủ tịch Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam (VIETRISA)

Đọc xong cuốn sách “Ngôi xuống giữa một miền quê” của tác giả Lê Minh Hoan (Xích Lô) tôi nhận ra một triết lý hơn là sự bức xúc, một niềm tin hơn là sự bi quan về miền quê nước ta trong sự chuyển đổi của thời đại công nghiệp hóa. Khi tìm hiểu những quốc gia ở châu Á đã là nước phát triển, nông thôn đúng ra là nơi đáng sống nhưng thực tế lại đi lùi, dân số giảm và già hóa, những ngôi nhà không người ở, đất nông nghiệp bỏ hoang, người trẻ không trở về. Xu thế đó cũng đang bắt đầu xảy ra ở nước ta như hiện nay đã có tình trạng nông dân bỏ ruộng, vì vậy có lẽ đã đến lúc cần “ngôi xuống giữa một miền quê” để lắng nghe và thấu hiểu, rồi tự hỏi mình làm gì để miền quê là nơi đáng sống, nơi con người muốn trở về.

Cảm ơn tác giả Lê Minh Hoan đã cho tôi cơ hội “ngôi xuống” và trong sự bình tâm đó, nhận ra trong ông một triết lý cốt lõi để phát triển miền quê đáng sống là **“sự hợp tác, chia sẻ và hòa hợp”**. Tác giả là một chính khách từng giữ những trọng trách: Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông

nghiệp và Môi trường), Phó Chủ tịch Quốc hội nhưng ông không nói những điều to tát về chính sách, chiến lược, chỉ đạo mà là *cúi mình ngồi xuống* kể chuyện trên bờ ruộng, những câu chuyện đi vào lòng người vì chính như từ những con người nhỏ bé ở miền quê đang nói.

Sự hợp tác và chia sẻ giữa người dân ở miền quê với nhau và với những người chung con thuyền trong chuỗi giá trị, trong hệ sinh thái ngành hàng là nền tảng cho sự phát triển bền vững của miền quê. Ông nêu hình ảnh phía sau hạt gạo có nhiều bàn tay và hạt gạo đi xa nhờ có sự liên kết giữa nông dân để tạo nên vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn làm gốc từ đó mở ra những mối liên kết với các tác nhân trong phát triển khoa học công nghệ, quản lý nhà nước, kinh tế tuần hoàn, thị trường và thương hiệu... Hợp tác và chia sẻ là nền móng của niềm tin để cùng nhau đi xa.

Miền quê đáng sống khi có sự hòa hợp giữa giá trị văn hóa và sự thay đổi thời đại, giữa ký ức và tương lai, giữa con người và thiên nhiên. Cây đa đầu làng, tiếng gà gáy báo bình minh có thể không còn nhưng không mất đi trong lòng người. Cuộc sống vật chất hiện đại không làm mất đi không gian xanh và tính cộng đồng của làng quê.

Miền quê đáng sống, nơi con người và thiên nhiên hoà hợp theo triết lý “thuận thiên” nhưng theo tác giả thuận thiên không phải là thụ động, buông xuôi mà là thích ứng thông minh, đặc biệt với biến đổi khí hậu và đề cao trách nhiệm

của con người trong bảo vệ môi trường như nông dân trồng lúa bây giờ nhờ áp dụng khoa học công nghệ có thể đóng góp cho giảm phát thải khí nhà kính.

Sự hòa hợp giữa tri thức bản địa và khoa học hiện đại, bao gồm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo tạo điều kiện cho người trẻ trở về miền quê cùng chia sẻ với bậc lão nông tri điền cách làm ăn hiệu quả, giúp người già không thấy già và người trẻ có cơ hội đóng góp ở nông thôn trong khi vẫn kết nối “không dây” với thành phố và thế giới.

Một miền đáng sống khi “*giáo dục cho cộng đồng học tập suốt đời*”, mỗi làng quê là một trường học mở, nơi ai cũng học và học những điều thiết thực cho mình theo kịp với sự thay đổi để phát triển. Đây là một triết lý của tác giả về ngôi trường ở nông thôn khác với khái niệm truyền thống về đào tạo nông dân qua khuyến nông hoặc qua lớp học hiện trường cho nông dân (Farmer Field School - FFS) mang tính thời vụ. Miền quê đáng sống khi là không gian và môi trường cho cộng đồng biết học và học tập suốt đời.

Một triết lý về miền quê đáng sống nhưng không phải để chiêm nghiệm mà mở ra con đường đi đến tương lai xanh, hạnh phúc, an bình và thịnh vượng cho mọi miền quê và cũng là cho đất nước.

24/8/2026

PHẦN I. NGÒI XUỐNG ĐỂ NHÌN THẤY

BÀI 1

NGÒI XUỐNG GIỮA MỘT MIỀN QUÊ

*Tại sao muốn hiểu nông thôn
phải bắt đầu bằng sự lắng nghe*

Có những chuyến đi bắt đầu bằng một bước chân. Có những hành trình lại bắt đầu bằng một lần ngồi xuống.



Ngôi xuống giữa một miền quê không phải để nghỉ chân, cũng không chỉ để tìm chút bình yên giữa nhịp sống vội vàng. Ngôi xuống là để nhìn kỹ hơn, nghe sâu hơn, hiểu chậm hơn. Bởi nếu chỉ đi ngang qua, ta sẽ thấy cánh đồng, mái nhà, con đường. Nếu nhìn qua báo cáo, ta sẽ thấy sản

lượng, năng suất, thu nhập. Nhưng khi ngồi xuống, ta mới gặp những phận người, những nỗi niềm, những ước mong đang lặng lẽ làm nên một miền quê.

Một buổi chiều, ngồi bên bờ ruộng, nhìn nắng chậm chậm rút khỏi cánh đồng. Gió đưa mùi thơm mới, mùi đất ẩm, mùi bùn non. Xa xa, vài bóng người vấp cúi mình trên ruộng. Một đàn cò trắng bay qua nền trời. Cảnh vật tưởng như không có gì đặc biệt, nhưng chính những điều bình dị ấy đã nuôi lớn biết bao thế hệ.

Miền quê nào cũng có ký ức riêng. Có nơi là tiếng mái chèo khua nước buổi sớm. Có nơi là tiếng mõ trâu lẩn trong sương núi. Có nơi là con đường đất đỏ chạy qua đồi cà phê. Có nơi là mùi biển mặn theo gió vào tận hiên nhà. Có nơi là tiếng chợ quê nhóm lên từ lúc trời chưa sáng. Có nơi là một cây đa, một bến nước, một mái đình đã chứng kiến bao cuộc chia tay và đoàn tụ.

Mỗi vùng đất có một giọng nói, một món ăn, một cách sống, một nếp ứng xử riêng. Những điều ấy hợp lại thành căn cước của quê hương, rồi âm thầm trở thành một phần căn cước của mỗi con người. Đi đâu xa, nghe lại một tiếng rao quen, bắt gặp một mùi khói bếp, nếm một món ăn cũ, tự nhiên thấy lòng mình chùng xuống. Hóa ra quê hương không chỉ nằm trên bản đồ. Quê hương còn nằm trong ký ức, trong thói quen, trong cách người ta nhớ về nhau.

Vậy mà đôi khi, càng phát triển, người ta càng dễ quên những điều đã làm nên mình.

Con đường rộng hơn, nhà cửa cao hơn, điện sáng hơn, mạng internet phủ xa hơn. Đó là những đổi thay đáng mừng. Nhưng phát triển không chỉ là thay cầu gỗ bằng cầu bê tông, thay đường đất bằng đường nhựa. Phát triển còn là làm sao để người dân sống tốt hơn trên chính quê hương mình; để người trẻ không phải rời đi chỉ vì ở lại không nhìn thấy tương lai; để người già không ngồi trước hiên nhà ngóng con cháu chỉ trở về vào dịp Tết.

Ngồi xuống với người nông dân mới thấy phía sau một mùa vụ là biết bao tính toán. Một bao phân tăng giá, một chuyến xe chậm vài ngày, một cơn mưa trái mùa, một lần thương lái đổi ý cũng có thể làm thay đổi thu nhập của cả gia đình. Phía sau một hecta đất không chỉ là sản lượng. Đó còn là tiền học của con, tiền thuốc của cha mẹ, khoản nợ ngân hàng và chi phí cho vụ mùa kế tiếp.

Bởi vậy, nói về nông nghiệp mà chỉ nói đến cây trồng, vật nuôi là chưa đủ. Nói về nông thôn mà chỉ nói đến đường sá, công trình cũng chưa đủ. Cần nói đến con người, cộng đồng, văn hóa, môi trường và những mối liên kết. Cần nhìn một miền quê như một hệ sinh thái sống, nơi mỗi thay đổi đều tác động đến nhiều người và nhiều thế hệ.

Người nông dân không chỉ cần một giống mới hay một quy trình mới. Điều cần hơn là năng lực thích ứng với thị trường, khả năng hợp tác và vị thế bình đẳng trong chuỗi giá trị. Một người có thể làm ra sản phẩm tốt, nhưng khó tự mình đi xa. Nhiều người cùng giữ chất lượng, cùng kể một câu chuyện, cùng xây dựng thương hiệu thì sản phẩm mới có thể bước ra khỏi lũy tre làng.

Hợp tác không bắt đầu từ một bản điều lệ. Hợp tác bắt đầu từ niềm tin. Muốn hùn thì phải hạp. Hạp trong cách nghĩ, hạp trong cách làm, hạp trong cách chia sẻ lợi ích và trách nhiệm. Một hợp tác xã chỉ thật sự lớn khi từng thành viên cùng lớn lên. Không ai có thể mạnh lên lâu dài trên sự yếu đi của người bên cạnh.

Một miền quê đáng sống cũng không thể chỉ trông chờ vào nông sản. Mỗi vùng đất còn có cảnh quan, ký ức, nghề truyền thống, ẩm thực và những câu chuyện riêng. Một hàng cây cổ thụ, một ngôi đình, một phiên chợ, một món ăn tưởng nhỏ bé nhưng có thể trở thành nguồn lực phát triển nếu được trân trọng và đánh thức đúng cách.

Nhưng muốn kể câu chuyện của quê hương, trước hết phải hiểu quê hương có gì. Không chỉ kiểm kê đất đai hay công trình, mà còn phải nhận diện tài sản cộng đồng. Ai đang giữ nghề cũ? Ai biết chuyện xưa? Nơi nào còn cảnh quan đặc sắc? Món ăn nào chứa đựng ký ức của vùng đất? Người trẻ

nào có thể kết nối công nghệ với tri thức bản địa? Người lớn tuổi nào đang giữ những câu chuyện chưa từng được ghi lại?

Ngôi xuống giữa một miền quê còn là ngôi xuống giữa những khác biệt. Người lớn tuổi có kinh nghiệm. Người trẻ có tri thức mới. Nông dân hiểu đất. Doanh nghiệp hiểu thị trường. Nhà khoa học hiểu công nghệ. Chính quyền hiểu chính sách. Không ai có thể thay thế ai. Khi mỗi bên chỉ nói phần của mình, khoảng cách sẽ còn đó. Khi cùng lắng nghe và tôn trọng nhau, những mảnh rời mới kết nối thành một con đường.

Tương lai của nông thôn sẽ ra sao? Có lẽ không ai trả lời trọn vẹn. Nhưng có thể tin rằng nông thôn không chỉ là nơi để nhớ. Nông thôn có thể là nơi để trở về, để khởi nghiệp, để sáng tạo, để sống hài hòa với thiên nhiên và xây dựng những cộng đồng tử tế.

Một người trẻ trở về quê không nhất thiết phải cầm cuốc giống cha ông. Có thể trở về bằng một chiếc máy tính, một ý tưởng kinh doanh, một mô hình du lịch, một sản phẩm chế biến, một câu chuyện được kể bằng công nghệ số. Trở về không phải quay lại phía sau. Trở về có thể là bước tới tương lai từ chính nền tảng của quê hương.

Điều đó bắt đầu từ một cách nhìn khác: không xem người nông dân là đối tượng cần hỗ trợ, mà là chủ thể phát triển; không xem làng quê là phần còn lại phía sau đô thị, mà là một không gian giá trị; không xem văn hóa là chuyện

của quá khứ, mà là nguồn vốn cho tương lai; không xem cộng đồng chỉ là những người sống gần nhau, mà là những người biết tin nhau và cùng nhau hành động.

Và đôi khi, một thay đổi lớn lại bắt đầu từ điều rất nhỏ: một cuộc trò chuyện dưới mái hiên, một buổi họp hội quán, một lần người dân chịu mở lòng, một lần cán bộ chịu lắng nghe, một lần doanh nghiệp giữ lời hứa, một lần người trẻ quyết định trở về.

Một ngày nào đó, hãy thử đi chậm lại giữa một miền quê. Ngồi dưới bóng cây, bên dòng sông, trước hiên một ngôi nhà hay giữa cánh đồng đang vào mùa. Đừng vội hỏi quê hương có gì để bán. Hãy hỏi nơi này có điều gì đáng trân trọng, câu chuyện nào cần được kể, con người nào cần được kết nối và tương lai nào có thể cùng nhau kiến tạo.

Ngồi xuống để thấy quê hương không chỉ nằm trong ký ức. Quê hương đang hiện diện trong từng lựa chọn hôm nay.

Ngồi xuống để hiểu rằng mỗi miền quê đều có những giá trị chưa được đánh thức, những con người vẫn đang âm thầm giữ đất, giữ làng và giữ niềm tin.

Ngồi xuống để nhận ra phát triển không phải làm cho quê hương giống một nơi nào khác, mà là giúp quê hương trở thành phiên bản tốt đẹp hơn của chính mình.

Và ngồi xuống, cũng là để tự hỏi: Đã làm gì, và sẽ làm gì, để một miền quê vẫn là nơi con người muốn trở về?

BÀI 2

NGƯỜI CUỐI CÙNG RỜI KHỎI LÀNG

*Câu chuyện di cư nông thôn
và câu hỏi ai sẽ ở lại quê hương*

Có một câu hỏi cứ trở đi trở lại trong những chuyến đi qua các miền quê: Nếu người trẻ lần lượt rời làng, ai sẽ là người cuối cùng ở lại?



Ngày trước, người ta rời quê vì chiến tranh, thiên tai, mất mùa. Hôm nay, người ta rời quê vì cơ hội. Những chuyến xe khách khởi hành trong đêm, những đoàn lao động đi về các khu công nghiệp, những sinh viên bước qua cánh cổng đại học ở thành phố. Mỗi chuyến đi mang theo một ước

vọng riêng, nhưng cộng lại thành một dòng di cư âm thầm từ làng quê ra phố thị.

Làng tiền người trẻ đi bằng một bữa cơm vội, ánh mắt người mẹ ngoài ngõ, bàn tay người cha lặng lẽ nhét thêm ít tiền vào túi con. Người ra đi hẹn ngày trở về. Nhưng năm tháng trôi qua, nhiều căn nhà xây mới mà cửa vẫn đóng quanh năm.

Ở lại là những mái đầu bạc, những cánh đồng thừa tiếng gọi nhau, những mùa vụ thiếu lao động. Trong nhiều gia đình, người già chăm trẻ nhỏ, còn lớp người ở giữa làm việc cách quê nhà hàng trăm cây số. Có những ngôi trường mỗi năm ít thêm vài học sinh, những ký ức cộng đồng chậm rãi đi qua cùng một thế hệ.

Nhìn vào đó, người ta dễ thấy mất mát. Nhưng di cư cũng là một phần tự nhiên của phát triển. Con người luôn đi về phía có nhiều cơ hội hơn. Không thể trách người trẻ muốn tìm công việc, thu nhập và môi trường tốt hơn để thử sức. Không ai nên bị giữ lại quê hương bằng sự hy sinh. Càng không thể dùng tình cảm quê nhà để thay thế cho sinh kế, việc làm và tương lai.

Vấn đề không nằm ở chuyện người trẻ rời làng, mà ở chỗ sau khi đi xa, họ có còn muốn trở về? Người đang ở lại có nhìn thấy tương lai trên mảnh đất quê mình? Làng quê có đủ sức đón nhận những con người mang theo tri thức và trải nghiệm mới?

Nhiều năm qua, chúng ta thường hỏi làm sao giữ người trẻ ở lại nông thôn. Có lẽ cần đổi câu hỏi. Không phải làm sao giữ họ lại, mà là làm sao để ở lại trở thành một lựa chọn đáng giá. Không phải ngăn họ ra đi, mà là làm sao để sau những hành trình học hỏi và trưởng thành, họ vẫn nhìn thấy một con đường quay về.

Có những cuộc ra đi là để lớn lên. Có người phải bước ra khỏi làng mới thấy rõ hơn giá trị của làng. Sống trong căn phòng chật hẹp giữa thành phố, người ta mới nhớ khoảng sân trước nhà. Thấy một món ăn được nâng thành câu chuyện vùng miền, người ta mới nghĩ đến món quê mình chưa có tên trên bản đồ.

Người trở về có thể mang theo điều làng quê đang thiếu. Một kỹ sư công nghệ có thể làm nông nghiệp số. Người làm thương mại điện tử có thể giúp nông sản đi xa. Một đầu bếp có thể nâng món ăn quê thành trải nghiệm văn hóa. Người từng làm việc trong doanh nghiệp có thể giúp hợp tác xã thay đổi cách quản trị và tiếp cận thị trường.

Đi xa, vì thế, không phải lúc nào cũng là rời bỏ. Điều quan trọng là có một sợi dây để người ra đi vẫn còn kết nối với quê hương. Sợi dây ấy không chỉ được dệt bằng tình cảm, mà còn bằng cơ hội, niềm tin và khả năng cùng nhau làm nên một điều có ý nghĩa.

Một miền quê muốn người trẻ ở lại không thể chỉ có ruộng đồng. Miền quê ấy cần trường học tử tế, y tế thuận tiện, internet đủ mạnh; cần hợp tác xã biết tổ chức người dân, doanh nghiệp tạo việc làm và không gian văn hóa để ký ức cộng đồng không biến mất.

Quan trọng hơn, miền quê ấy cần một hệ sinh thái để người trẻ có thể lập nghiệp mà không phải đơn độc. Một người khởi nghiệp nông nghiệp không chỉ cần vốn. Họ cần hạ tầng phù hợp, dữ liệu thị trường, kiến thức quản trị, sự đồng hành của cộng đồng và một chính quyền biết tạo điều kiện. Một ý tưởng dù hay đến đâu cũng dễ lụi tàn trong môi trường khép kín, ngại thay đổi và thiếu niềm tin.

Người ta không ở lại chỉ vì một lời kêu gọi. Người ta ở lại khi nhìn thấy một đời sống có thể xây dựng được. Người ta trở về khi cảm thấy năng lực của mình được cần đến. Người ta gắn bó khi được xem là một phần của tương lai quê hương, chứ không chỉ là nguồn lao động cho một mùa vụ.

Nhiều ngôi làng trên thế giới từng đối diện với già hóa dân số, thiếu lao động và trường học đóng cửa. Nhưng cũng có nơi hồi sinh, không phải vì cố trở thành thành phố, mà vì tìm được giá trị riêng. Một loại trái cây, một nghề thủ công, một cảnh quan hay món ăn bản địa có thể trở thành điểm khởi đầu, nếu tài sản cộng đồng được nhận diện, kết nối và tổ chức thành giá trị mới.

Mỗi làng quê đều có một câu chuyện. Mỗi dòng sông mang theo ký ức. Mỗi khu vườn, món ăn, nghề truyền thống đều lưu giữ dấu vết của đất đai và tri thức nhiều thế hệ. Làng quê vì thế không chỉ cần đường bê tông dẫn ra quốc lộ, mà còn cần những con đường dẫn đến tri thức, thị trường và tương lai.

Câu hỏi “ai sẽ ở lại quê hương?” không chỉ dành cho người trẻ. Người lãnh đạo địa phương đã tạo không gian nào để dân cùng kiến tạo? Doanh nghiệp nhìn nông thôn như nơi cung cấp nguyên liệu hay một đối tác lâu dài? Nhà trường chuẩn bị cho người trẻ năng lực rời quê, hay cả năng lực trở về làm mới quê hương? Cộng đồng có sẵn lòng đón nhận ý tưởng khác biệt cùng những thất bại ban đầu?

Đôi khi, người trở về mang theo một cách nghĩ khác. Họ muốn thay đổi cách sản xuất, cách bán hàng, cách tổ chức cộng đồng. Nếu làng quê chỉ muốn người trẻ trở về nhưng lại không chấp nhận cái mới họ mang về, cuộc trở về ấy khó kéo dài.

Muốn có người ở lại, trước hết phải tạo ra một không khí của niềm tin. Tin rằng nông nghiệp không chỉ là lấy sức người đổi lấy sản lượng. Nông thôn không chỉ là nơi cung cấp lao động cho thành phố. Một sản vật địa phương không chỉ để bán theo mùa, mà có thể trở thành thương hiệu, trải nghiệm và niềm tự hào. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà là chủ thể cùng thiết kế tương lai cộng đồng mình.

Một ngày nào đó, có thể sẽ có một người cuối cùng rời khỏi một ngôi làng. Khi ấy, biến mất không chỉ là vài mái nhà hay một tên gọi trên bản đồ. Biến mất còn là tiếng nói, phong tục, ký ức, tri thức bản địa và mối quan hệ giữa con người với một vùng đất.

Nhưng đó không phải là tương lai duy nhất.

Vẫn sẽ có những người chọn ở lại. Vẫn sẽ có những người đi xa rồi quay về. Vẫn sẽ có những người biến căn nhà cũ thành một không gian mới, biến khu vườn thành lớp học, biến sản vật thành thương hiệu, biến ký ức thành nguồn lực và biến tình yêu quê hương thành hành động cụ thể.

Bởi làng quê không chỉ là nơi sản xuất lương thực. Làng quê còn là nơi lưu giữ căn tính cộng đồng, sự đa dạng văn hóa và chiều sâu ký ức của một dân tộc.

Tương lai của nông thôn không được quyết định chỉ bằng số người đã rời đi. Tương lai ấy được quyết định bởi chất lượng cuộc sống của những người đang ở lại, cơ hội dành cho những người muốn trở về và khả năng mở lòng với những người muốn cùng chung tay kiến tạo.

Vậy nên, có lẽ không cần quá day dứt hỏi ai sẽ là người cuối cùng rời làng.

Điều cần hỏi là: Hôm nay, mỗi người đang làm gì để quê hương trở thành một nơi đáng sống, đáng trở về và đáng trao lại cho những thế hệ mai sau?

BÀI 3

CON ĐƯỜNG BÊ TÔNG VÀ CON ĐƯỜNG TRONG LÒNG NGƯỜI

Xây dựng nông thôn mới không chỉ là hạ tầng

Có những con đường được đo bằng mét, bằng chiều rộng mặt nhựa, bằng lớp bê tông dày bao nhiêu phân. Nhưng cũng có những con đường không thể đo bằng thước, chỉ có thể cảm bằng sự thay đổi trong ánh mắt, trong cách người ta nhìn nhau, trong cách một cộng đồng bước đi cùng nhau hay tách rời nhau.



Nông thôn mới, suy cho cùng, không chỉ là câu chuyện của đường bê tông, điện sáng, nhà văn hóa hay những hàng

rào được chỉnh trang thẳng tắp. Đó là phần “hình” nhìn thấy được. Còn phần “hồn” nằm ở con đường vô hình, con đường trong lòng người.

Có nơi, đường làng đã thẳng, xe ô tô vào tận ngõ, nhưng trong lòng người vẫn còn những lối rẽ ngược chiều. Người làm nông nhìn thương lái bằng sự dè chừng. Người dân nhìn chính quyền bằng khoảng cách. Người trong cùng một xóm vẫn chưa thật sự “đi cùng nhau” dù chỉ cách nhau một hàng rào. Khi ấy, hạ tầng có thể hiện đại, nhưng sự kết nối xã hội vẫn còn gập ghềnh.

Ngược lại, có những vùng quê đường đất còn lầy lội mỗi mùa mưa, nhưng người ta lại biết ngồi lại với nhau khi bàn chuyện mùa vụ, biết chia sẻ với nhau từng bao phân, từng ngày công lao động, từng vụ mùa rủi ro. Con đường vật chất chưa mở rộng, nhưng con đường lòng người đã có sự thông suốt. Và chính sự thông suốt ấy mới là nền móng đầu tiên của phát triển bền vững.

Xây dựng nông thôn mới, nếu chỉ dừng lại ở các tiêu chí, rất dễ trở thành cuộc chạy đua “làm cho đủ”. Làm đường, dựng cổng chào, xây nhà văn hóa, chỉnh trang cảnh quan... tất cả đều cần thiết. Nhưng những công trình ấy không thể thay thế cho một điều sâu xa hơn: sự bồi đắp niềm tin xã hội.

Niềm tin ấy không được xây bằng xi măng hay sắt thép. Nó được xây từ những việc rất nhỏ. Một cuộc họp thôn không hình thức. Một chủ trương được công khai minh bạch. Một quyết định được bàn bạc cùng người dân. Một mô hình sản xuất mà người nông dân cảm thấy mình là chủ thể chứ không phải người đứng ngoài quan sát. Khi tiếng nói của người dân được lắng nghe, con đường trong lòng họ sẽ bớt gồ ghề. Khi người dân tin chính quyền, chính quyền tin người dân, doanh nghiệp tin nông dân và nông dân tin nhau, những con đường hợp tác sẽ tự nhiên mở ra.

Có một nghịch lý đáng để suy ngẫm: đường càng rộng, xe càng chạy nhanh, nhưng không phải lúc nào con người cũng đến gần nhau hơn. Có những buổi chiều trên con đường bê tông mới đổ, tiếng xe cộ rộn ràng hơn trước, nhưng tiếng gọi nhau qua hàng rào lại thưa dần. Có những ngôi nhà khang trang hơn, nhưng cánh cửa đôi khi khép kín hơn.

Sự phát triển vật chất là điều đáng mừng. Nhưng nếu thiếu đi sự vun đắp cho đời sống tinh thần và những mối quan hệ cộng đồng, thì sự phát triển ấy vẫn còn dang dở. Bởi vậy, xây dựng nông thôn mới không chỉ là câu chuyện của vốn đầu tư hay những con số trong báo cáo tổng kết cuối năm. Đó còn là hành trình nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng, vun đắp niềm tin và khơi dậy khát vọng cùng nhau đi tới.

Một cây cầu bắc qua con kênh có thể hoàn thành trong vài tháng. Nhưng một cây cầu nối những tấm lòng đôi khi cần nhiều năm để được xây nên bằng sự chân thành, minh bạch và sẻ chia.

Người ta thường nói đến hạ tầng cứng và hạ tầng mềm. Đường sá, điện nước, trường học, trạm y tế là hạ tầng cứng. Còn niềm tin, tinh thần hợp tác, sự đồng thuận và ý thức cộng đồng chính là hạ tầng mềm.

Một vùng quê có thể còn thiếu nhiều điều kiện vật chất, nhưng nếu người dân biết tin nhau, biết cùng nhau giải quyết những khó khăn chung, biết đặt lợi ích cộng đồng bên cạnh lợi ích cá nhân, nơi đó vẫn có thể tạo nên những kỳ tích phát triển. Ngược lại, nếu niềm tin bị bào mòn, nếu ai cũng chỉ lo cho phần việc của riêng mình, thì những con đường đẹp nhất cũng khó dẫn tới một tương lai bền vững.

Nhiều người nghĩ rằng phát triển bắt đầu từ những dự án lớn. Nhưng đôi khi phát triển lại bắt đầu từ những điều rất nhỏ.

Một người trưởng ấp chịu khó lắng nghe dân.

Một cán bộ hợp tác xã kiên nhẫn giải thích cho từng hộ dân.

Một nông dân sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm thay vì giữ riêng cho mình.

Một cuộc họp mà mọi ý kiến đều được tôn trọng.

Những điều tưởng như nhỏ bé ấy chính là những viên gạch âm thầm xây nên con đường trong lòng người. Con đường ấy không hiện trên bản đồ. Không thể nhìn thấy từ vệ tinh. Không thể đo bằng mét hay tính bằng tỷ đồng đầu tư. Nhưng chính nó quyết định sức sống của một cộng đồng.

Khi con đường ấy thông suốt, người nông dân sẽ mạnh dạn liên kết với nhau. Hợp tác xã sẽ không chỉ là một pháp nhân mà trở thành mái nhà chung của những người cùng chia sẻ lợi ích và trách nhiệm. Doanh nghiệp và nông dân sẽ không nhìn nhau bằng sự nghi ngờ mà bằng tinh thần đồng hành. Chính quyền và người dân sẽ không đứng ở hai bên một khoảng cách, mà cùng đứng trên một con đường hướng tới tương lai.

Một con đường bê tông có thể đưa nông sản ra thị trường. Nhưng chính con đường trong lòng người mới quyết định nông sản ấy đi xa được bao lâu, đi với giá trị nào và người nông dân có thể đi cùng nhau đến đâu.

Có lẽ vì thế mà mỗi khi trở về một miền quê, điều đáng quý nhất không phải là nhìn thấy thêm bao nhiêu ki-lô-mét đường mới được làm. Điều đáng quý hơn là cảm nhận được sự thay đổi trong ánh mắt của người dân.

Đó là ánh mắt có niềm tin vào ngày mai.

Là nụ cười khi nhắc đến những việc cùng làm được với nhau.

Là niềm tự hào khi nói về quê hương của mình.

Ngồi xuống giữa một miền quê vào một buổi chiều nhiều gió, nhìn lũ trẻ tung tăng trên con đường mới, nghe tiếng người lớn gọi nhau từ cuối xóm, bỗng nhận ra rằng mọi công trình rồi cũng sẽ có lúc cũ đi theo thời gian. Những lớp bê tông rồi sẽ cần sửa chữa. Những công trình rồi sẽ cần nâng cấp. Chỉ có tình người, sự gắn kết và niềm tin được vun bồi mới có thể ở lại lâu dài.

Con đường bê tông giúp người ta đi nhanh hơn. Nhưng con đường trong lòng người mới giúp người ta đi cùng nhau xa hơn. Và có lẽ, đó mới là con đường đẹp nhất của một miền quê đang lớn lên trong sự phát triển.

BÀI 4

MỘT BUỔI CHỢ QUÊ

Chợ quê như một “trường học xã hội” của nông thôn

Chợ quê thường thức dậy khi trời còn chưa sáng rõ.

Từ những con đường nhỏ, người ta chở rau, cá, trái cây, bánh trái về chợ. Ánh đèn xe loang trên mặt đường còn ẩm sương. Tiếng gọi nhau, tiếng mở sạp, tiếng dao thớt, tiếng nước dội xuống nền chợ hòa vào nhau, đánh thức một ngày mới của làng quê.



Có người mang ra chợ vài rổ rau vừa cắt sau vườn. Có người đem theo mớ cá mới kéo lưới dưới sông. Có người chỉ bán vài chục trái cây nhà trồng, vài chục chiếc bánh làm từ

lúc nửa đêm. Hàng hóa không nhiều, sạp hàng chẳng lớn. Nhưng sau mỗi rổ rau, mớ cá, trái cây ấy là một gia đình, một khu vườn, một mùa vụ và một câu chuyện mưu sinh.

Chợ quê trước hết là nơi mua bán. Nhưng nếu chỉ nhìn chợ như nơi trao đổi hàng hóa, có lẽ chưa thấy hết chiều sâu của một không gian đã hiện diện trong đời sống nông thôn qua nhiều thế hệ.

Chợ còn là nơi con người học cách sống với nhau.

Một đứa trẻ theo mẹ ra chợ có thể chưa biết giá một bó rau, nhưng bắt đầu học cách chào hỏi người lớn. Nó nhìn mẹ lựa hàng, hỏi giá, trả tiền, nhận lại tiền thừa. Nó nghe người bán kể về mớ rau mới hái, con cá vừa bắt, trái cây đang vào mùa. Từ những việc tưởng chừng rất nhỏ, đứa trẻ dần hiểu lao động tạo ra giá trị, đồng tiền có giới hạn và mỗi món ăn trên mâm cơm đều đi qua bàn tay của nhiều người.

Chợ quê giống như một trường học không có bảng đen, không tiếng trống vào lớp, không giáo trình in thành sách.

Người bán là thầy của người mua trong câu chuyện về mùa vụ, sản vật và kinh nghiệm chọn lựa. Người mua cũng là thầy của người bán khi phản hồi về chất lượng, giá cả và nhu cầu. Người lớn dạy trẻ nhỏ cách giao tiếp. Người trẻ học người già cách nhận biết con cá tươi, trái cây ngon, loại rau đúng mùa.

Những bài học ấy được truyền qua lời nói, ánh mắt, thái độ và cách con người đối xử với nhau.

Ở chợ quê, người ta không chỉ mua một món hàng. Người ta còn mua bằng sự tin cậy. Khách quen đến, lựa hàng rồi hỏi giá. Người bán nói, người mua gật đầu. Đôi khi không cần cân quá chính xác. Một nắm rau được cho thêm, vài trái ớt, mấy cọng hành được bỏ vào túi như lời cảm ơn. Người mua thiếu tiền có thể hẹn phiên sau trả. Người bán biết nhà người mua ở đâu, gia đình có chuyện gì, hôm nay mua thức ăn cho mấy người.

Những giao dịch ấy nhỏ bé, nhưng phía sau là một loại tài sản lớn: **Vốn xã hội**.

Vốn xã hội được tạo thành từ niềm tin, quan hệ và những quy ước không cần viết ra giấy. Không ai ký hợp đồng cho một bó rau mua chịu. Không có con dấu xác nhận lời hẹn phiên chợ sau sẽ trả tiền. Nhưng phần lớn những lời hẹn vẫn được giữ, bởi người ta còn gặp nhau ngày mai, tuần sau và trong nhiều câu chuyện khác của làng.

Ở siêu thị, người mua có thể không biết người bán là ai. Ở chợ quê, người bán và người mua thường cùng sống trong một cộng đồng. Hôm nay họ trao đổi hàng hóa, ngày mai có thể gặp nhau trong đám giỗ, cuộc họp xóm, lễ hội hay ngoài cánh đồng.

Vì còn phải nhìn thấy nhau lâu dài, người ta học cách giữ chữ tín.

Một lần bán hàng không thật có thể làm mất một khách hàng. Nhưng ở làng quê, điều mất đi không chỉ là khách hàng. Đó còn là tiếng lành, sự tin cậy và vị trí của một người trong cộng đồng. Bởi vậy, chợ quê âm thầm dạy rằng uy tín không được tạo nên bằng lời quảng cáo, mà bằng cách ứng xử lặp lại mỗi ngày.

Chợ quê không phải lúc nào cũng chỉ có những điều đẹp đẽ. Vẫn có chuyện nói thách, cân thiếu, tranh giành chỗ bán, hàng hóa không rõ nguồn gốc. Chợ cũng có va chạm, lời qua tiếng lại và những tập quán cần thay đổi.

Nhưng chính những điều ấy càng cho thấy chợ là một trường học xã hội. Con người học không chỉ từ điều tốt, mà còn từ hậu quả của cách hành xử chưa đúng. Người bán thiếu trung thực có thể bị khách quay lưng. Người cư xử thô lỗ dần bị cộng đồng xa lánh. Một khu chợ mất vệ sinh sẽ khiến người mua ít đến. Những phản ứng ấy tạo thành một cơ chế điều chỉnh tự nhiên, đôi khi hiệu quả hơn nhiều lời nhắc nhở.

Chợ quê còn là nơi thông tin lưu chuyển nhanh chóng.

Ai vừa thu hoạch vụ trái cây đầu mùa. Nhà nào đang cần người làm. Giá lúa ngoài đồng đang lên hay xuống. Một giống cây mới cho năng suất ra sao. Con đường nào đang

sửa. Gia đình nào có người đau bệnh. Đứa trẻ nào vừa đỗ đại học. Người đi xa nào sắp trở về.

Thông tin đi qua các sạp hàng, đôi khi nhanh hơn một cuộc họp chính thức. Dĩ nhiên, có thông tin chính xác, cũng có chuyện được kể thêm bớt. Bởi vậy, chợ còn dạy một bài học khác: biết lắng nghe nhưng không vội tin tất cả, biết kiểm chứng trước khi truyền đi, biết lời nói của mình có thể giúp một người nhưng cũng có thể làm tổn thương người khác.

Trong một buổi chợ, người ta có thể nhận ra nhịp sống của cả vùng quê.

Nhìn hàng hóa, biết mùa nào đang đến. Nhìn sức mua, phần nào hiểu đời sống người dân. Nhìn số người trẻ hay người già đi chợ, có thể cảm nhận sự thay đổi trong cơ cấu dân cư. Nhìn cách bày bán, đóng gói và giao tiếp, có thể thấy tư duy sản xuất đã chuyển biến đến đâu.

Chợ quê là một tấm gương phản chiếu kinh tế nông thôn.

Khi người nông dân chỉ mang ra chợ những gì mình làm ra được, đó là tư duy sản xuất. Khi bắt đầu quan sát người mua cần gì, thích loại nào, muốn đóng gói ra sao, đó là bước chuyển sang tư duy thị trường. Chợ chính là nơi gần nhất để người sản xuất học bài học ấy.

Người trồng rau nhận ra loại nào bán nhanh, loại nào thường bị trả lại. Người làm bánh biết khách thích vị ngọt ra

sao, thích chiếc bánh lớn hay nhỏ. Người bán trái cây hiểu rằng hình thức, cách sắp xếp và câu chuyện về nguồn gốc có thể làm thay đổi giá trị món hàng.

Những dữ liệu đó không nằm trong báo cáo. Chúng hiện ra trong từng ánh mắt, câu hỏi và quyết định mua hàng.

Biết lắng nghe, mỗi buổi chợ là một lớp học về thị trường.

Biết quan sát, mỗi người mua là một người góp ý.

Biết thay đổi, mỗi sạp hàng có thể trở thành nơi thử nghiệm cho một sản phẩm mới.

Chợ quê còn giữ gìn một phần văn hóa của làng.

Tên gọi một loại rau, cách gói chiếc bánh, cách mời khách, cách mặc cả, món ăn theo mùa, lời nói mang âm sắc địa phương, tất cả tạo nên bản sắc. Có những món chỉ còn tìm thấy ở một phiên chợ quê. Có những người già vẫn nhớ cách làm một thức quà mà lớp trẻ chưa từng biết đến.

Mất một khu chợ truyền thống đôi khi không chỉ mất nơi mua bán. Ta có thể mất theo một kho ký ức sống. Nhưng giữ gìn chợ quê không có nghĩa là giữ nguyên mọi thứ như cũ. Một khu chợ ảm thấp, mất vệ sinh, lấn chiếm lòng đường hay không bảo đảm an toàn thực phẩm không thể được bảo vệ chỉ vì hai chữ truyền thống.

Chợ quê cũng cần được làm mới. Làm mới trước hết là sạch hơn, an toàn hơn, văn minh hơn. Người bán cần biết nguồn gốc hàng hóa, cách bảo quản, phân loại rác và giữ gìn không gian chung. Người mua cần lựa chọn sản phẩm có trách nhiệm, không chỉ tìm món rẻ nhất mà bỏ qua chất lượng và công sức của người làm ra.

Chợ quê cũng có thể bước vào không gian số mà không đánh mất hồn cốt. Một sạp hàng nhỏ có thể nhận đơn qua điện thoại. Người bán có thể giới thiệu sản phẩm trên mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt, ghi nhận ý kiến khách hàng. Sản vật của làng có thể đi xa hơn phạm vi một buổi chợ.

Nhưng công nghệ chỉ có ý nghĩa khi giúp con người minh bạch hơn, gần nhau hơn và làm ăn tốt hơn. Nếu số hóa chỉ dừng ở mã thanh toán treo trước sạp hàng, còn hàng hóa vẫn không rõ nguồn gốc, cách ứng xử vẫn cũ, thì chợ mới chỉ đổi công cụ mà chưa đổi cách nghĩ.

Điều đáng quý nhất của chợ quê vẫn là con người. Là người bán nhớ một bà cụ thường mua gì. Là người mua hiểu người làm ra món hàng đã vất vả ra sao. Là tiểu thương sẵn sàng giữ hộ đứa trẻ để người mẹ đi lấy hàng. Là vài người cùng góp tiền giúp một người bán gặp hoạn nạn.

Những việc ấy không lớn, nhưng tạo nên cảm giác rằng không ai hoàn toàn đơn độc trong cộng đồng của mình.

Trong hành trình xây dựng nông thôn mới, chợ quê cần được nhìn như một thiết chế xã hội, chứ không chỉ là hạ tầng thương mại. Đó là nơi hình thành niềm tin, lan truyền thông tin, nuôi dưỡng sinh kế, bảo tồn văn hóa và dạy con người cách sống cùng nhau.

Một khu chợ tốt không chỉ có mái che kiên cố, lối đi sạch sẽ và quầy hàng ngay ngắn. Một khu chợ tốt còn phải giúp người sản xuất hiểu hơn về thị trường, người tiêu dùng hiểu hơn về nguồn gốc sản phẩm và mọi người cùng ý thức rằng hành vi của mình ảnh hưởng đến cộng đồng.

Khi buổi chợ tan, người bán thu dọn những món hàng còn lại. Người mua trở về với bữa cơm gia đình. Nền chợ dần vắng tiếng người. Nhưng những gì được trao đổi trong buổi sáng ấy không chỉ là rau, cá và tiền bạc.

Ở đó có thông tin, kinh nghiệm, niềm tin, lời hỏi thăm, cách ứng xử và những bài học không được ghi thành sách.

Chợ quê không chỉ nuôi sống con người bằng những món hàng được bán ra. Chợ còn âm thầm nuôi dưỡng cộng đồng bằng những mối quan hệ được giữ lại.

Và biết đâu, trong một buổi sáng theo mẹ ra chợ, một đứa trẻ đã học được những bài đầu tiên về lao động, trung thực, sẻ chia và lòng biết ơn, những bài học theo nó lâu hơn cả tiếng ồn của một phiên chợ quê.

BÀI 5

CÂY ĐA KHÔNG CÒN, LÀNG CÒN KHÔNG?

Bản sắc nông thôn trong thời hiện đại

Một người bạn hỏi tôi: “Nếu một ngày cây đa đầu làng không còn nữa, thì làng có còn là làng không?”

Tôi không trả lời ngay. Bởi câu hỏi ấy dường như không chỉ nói về một cái cây, mà nói về bản sắc. Nói về ký ức. Nói về những gì làm nên linh hồn của một miền quê.



Ngày xưa, mỗi làng quê Việt Nam đều có những dấu hiệu nhận diện riêng. Từ xa nhìn về đã thấy lũy tre. Bước vào làng gặp cây đa. Dưới gốc đa là sân đình. Cạnh sân đình là giếng nước. Những hình ảnh ấy xuất hiện trong ca dao, trong hội họa, trong ký ức của nhiều thế hệ người Việt.

Cây đa không chỉ tạo bóng mát, mà còn tạo nên một không gian cộng đồng: nơi người già ngồi kể chuyện, trẻ con tụ tập chơi đùa, khách bộ hành dừng chân nghỉ ngơi, những cuộc họp làng diễn ra và những câu chuyện tình đầu bắt đầu.

Nói cách khác, cây đa là một phần của thiết chế xã hội nông thôn, một “trung tâm cộng đồng” theo cách rất tự nhiên. Ngày nay, nhiều làng quê không còn cây đa, không còn bến nước, không còn sân đình.

Những con đường bê tông thẳng tắp thay thế lối đất quanh co. Những ngôi nhà tầng mọc lên thay cho mái ngói cũ. Xe máy thay cho xe đạp. Điện thoại thông minh thay cho những cuộc trò chuyện dưới gốc cây.

Đó là quy luật của phát triển. Không ai muốn giữ mãi sự nghèo khó chỉ để bảo tồn hình ảnh cũ. Nông thôn phải hiện đại. Người dân phải có cuộc sống tốt hơn. Đó là điều không thể khác. Nhưng giữa những đổi thay ấy, một câu hỏi khác lại xuất hiện: nếu những biểu tượng cũ dần biến mất, điều gì sẽ giữ lại hồn quê?

Nhiều người thường nhầm lẫn giữa bản sắc và hình thức. Họ nghĩ giữ bản sắc nghĩa là giữ nguyên mọi thứ như cũ. Nhưng lịch sử chưa bao giờ đứng yên. Làng quê Việt Nam hôm nay khác làng quê một trăm năm trước. Và làng quê một trăm năm trước cũng khác làng quê của nhiều thế kỷ trước nữa.

Bản sắc không nằm ở việc mọi thứ phải bất biến, mà ở những giá trị cốt lõi được duy trì trong sự thay đổi. Giống như một dòng sông: Nước luôn chảy, nhưng dòng sông vẫn là dòng sông ấy.

Vậy giá trị cốt lõi của làng quê là gì?

Có lẽ không phải cây đa, cũng không phải lũy tre hay mái đình, mà là tinh thần cộng đồng; là sự gắn kết giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên; là văn hóa sẻ chia, tình làng nghĩa xóm, thói quen cùng nhau giải quyết việc chung và cảm giác thuộc về một nơi nào đó. Nếu những giá trị ấy còn tồn tại, làng vẫn còn ngay cả khi cây đa không còn nữa. Nhưng điều đó không có nghĩa là những biểu tượng vật thể không quan trọng.

Con người cần những điểm tựa hữu hình cho ký ức. Một cây đa, một ngôi đình, một con đường làng, một giếng nước, một hàng cau, một cánh đồng đều là những “bộ nhớ vật chất” của cộng đồng.

Nhìn thấy chúng, người ta nhớ về nguồn cội. Nhớ về tuổi thơ. Nhớ về những câu chuyện đã từng xảy ra trên mảnh đất ấy. Bởi vậy, khi quy hoạch nông thôn mới, điều đáng lo không phải là xây thêm bao nhiêu công trình, mà là vô tình xóa đi những ký ức tập thể.

Một làng quê có thể giàu hơn, đẹp hơn. Nhưng nếu giống hệt hàng trăm ngôi làng khác, thì điều gì khiến người ta nhớ đến nó?

Nhiều quốc gia phát triển đã đối diện với câu hỏi này từ rất sớm. Họ hiện đại hóa nông thôn nhưng vẫn giữ lại những hàng cây cổ thụ, quảng trường làng, công trình mang dấu ấn lịch sử và không gian công cộng cho cộng đồng gặp gỡ. Bởi họ hiểu rằng bản sắc chính là nguồn vốn mềm của phát triển. Một vùng đất có bản sắc sẽ có sức hấp dẫn, có khả năng thu hút du lịch, người tài và sự trở về của những người con xa quê.

Ngược lại, một vùng đất mất bản sắc sẽ dần trở nên vô danh.

Tôi từng đi qua nhiều miền quê. Có nơi đường sá rất đẹp nhưng lòng người dường như xa cách. Có nơi kinh tế chưa thật khá giả nhưng cộng đồng lại rất gắn kết. Những buổi chiều, người dân vẫn ngồi trò chuyện dưới một hàng cây. Trẻ con vẫn chơi đùa trên khoảng sân chung. Người già vẫn biết tên từng đứa trẻ trong xóm.

Tôi chợt nghĩ, có lẽ đó mới là điều đáng quý nhất. Không phải cây đa, mà là những gì từng diễn ra dưới bóng cây đa. Không phải cái giếng, mà là những cuộc gặp gỡ bên giếng. Không phải sân đình, mà là tinh thần cộng đồng được nuôi dưỡng nơi sân đình.

Nông thôn mới không nên chỉ là những con đường mới, những ngôi nhà mới hay những tiêu chí đạt chuẩn. Nông thôn mới còn phải là nơi con người muốn sống, muốn trở về,

muốn gắn bó và muốn kể cho con cháu nghe những câu chuyện của quê hương mình. Có thể ngày mai sẽ không còn cây đa. Nhưng làng vẫn còn nếu chúng ta biết tạo ra những “cây đa mới”.

Đó có thể là một công viên cộng đồng, một thư viện làng, một nhà văn hóa mở, một quảng trường nhỏ, một không gian để con người gặp nhau, trò chuyện với nhau và cùng xây dựng cộng đồng.

“Cây đa mới” cũng có thể không phải là một công trình. Đó có thể là một hội quán, một câu lạc bộ, một tổ hợp tác, một nhóm thanh niên khởi nghiệp hoặc một không gian số kết nối những người con của làng. Điều quan trọng là ở đó, con người lắng nghe nhau, cùng bàn việc chung và cùng chịu trách nhiệm với cộng đồng. Công nghệ, nếu được sử dụng, không nhất thiết làm con người xa cách. Trái lại, nó có thể giúp người đi xa gần lại, giúp ký ức làng được lưu giữ, giúp câu chuyện quê hương được kể tiếp bằng một ngôn ngữ mới mẻ.

Bởi suy cho cùng, điều làm nên làng không phải là một cái cây, mà là những con người biết sống cùng nhau dưới một tán cây chung. Và bản sắc nông thôn, xét đến tận cùng, không phải là câu chuyện của quá khứ.

Đó là cách chúng ta mang những giá trị đẹp của quá khứ bước tiếp vào tương lai.

BÀI 6

TIẾNG GÀ GÁY CÓ CÒN CẦN THIẾT?

Nông thôn trong thời đại số

Có một người bạn từ thành phố trở về quê sau nhiều năm xa cách. Đêm đầu tiên ngủ lại căn nhà cũ, anh đặt điện thoại bên đầu giường, cẩn thận hẹn giờ báo thức. Vậy mà sáng hôm sau, khi màn hình còn chưa kịp sáng, anh đã giật mình thức giấc.

Từ phía cuối vườn, một tiếng gà gáy cất lên, trong trẻo, kéo dài, xuyên qua màn sương còn đọng trên những tàu lá chuối. Một con gà ở khu vườn bên kia đáp lại. Rồi thêm một tiếng nữa từ phía bên kia con rạch. Những âm thanh gọi nhau, chuyển từ mái nhà này sang mái nhà khác, khiến cả xóm nhỏ như đang từ từ mở mắt.



Người bạn bật cười: “Bây giờ điện thoại thông minh có rồi, đồng hồ báo thức có rồi, tiếng gà gáy còn cần không?”.

Câu hỏi nghe qua tưởng vui. Nhưng ngẫm kỹ lại, hình như không chỉ là câu chuyện về một tiếng gà.

Ngày trước, tiếng gà gáy giúp người trong làng biết trời sắp sáng. Người mẹ trở dậy nhóm bếp. Người cha chuẩn bị ra đồng. Đứa trẻ trở mình trong chiếc mùng còn vương mùi khói rơm. Dưới bến, chiếc xuồng đã được cột sẵn, chờ một ngày mới bắt đầu.

Tiếng gà khi ấy giống như chiếc đồng hồ chung của cả xóm. Không cần cài đặt, không cần sạc pin, không cần kết nối mạng. Một tiếng gáy vang lên là biết đêm đã gần tàn, người với người lại sửa soạn bước vào một ngày lao động.

Bây giờ, mỗi người có một chiếc đồng hồ riêng. Điện thoại có thể báo thức bằng bất kỳ âm thanh nào. Có người chưa nghe tiếng chuông đã bị những dòng tin nhắn, cuộc gọi và lịch hẹn đánh thức. Tiếng gà không còn phải gánh trách nhiệm báo sáng như ngày trước.

Cũng như chiếc cầu tre đã được thay bằng cầu bê tông. Ngọn đèn dầu đã nhường chỗ cho điện lưới. Những bức thư viết tay được thay bằng tin nhắn gửi đi trong vài giây. Một miền quê đang thay đổi từng ngày.

Cáp quang đi qua những xóm nhỏ. Sóng điện thoại phủ đến những cánh đồng xa. Người nông dân có thể xem dự báo

thời tiết, kiểm tra giá nông sản, trò chuyện với khách hàng ở một tỉnh khác.

Nông thôn cần thay đổi. Người nông dân cần biết sử dụng công nghệ. Hợp tác xã cần biết quản lý bằng dữ liệu. Sản phẩm cần có mã truy xuất nguồn gốc. Một miền quê không thể đứng ngoài dòng chảy của thời đại rồi tự an ủi bằng hai chữ bình yên. Nhưng giữa những bước chân hối hả đi về phía trước, đôi khi cũng cần ngồi xuống để tự hỏi: miền quê sẽ giữ lại điều gì cho riêng mình?

Một con đường bê tông giúp người dân đi lại thuận tiện hơn. Nhưng nếu hai bên đường không còn hàng cây, không còn hàng rào dâm bụt, không còn một khoảng sân để trẻ con chạy nhảy, con đường ấy liệu có còn dẫn người ta trở về ký ức?

Nông thôn không thể mãi cũ kỹ để được gọi là nông thôn. Nhưng nông thôn cũng không cần trở thành một phiên bản thu nhỏ của thành phố mới được xem là phát triển. Nếu thành phố và làng quê giống nhau hoàn toàn, người ta sẽ trở về quê để tìm điều gì?

Người ta trở về vì muốn tìm lại một nhịp sống khác. Một buổi sáng có thể nghe tiếng chim trong vườn. Một buổi chiều có thể nhìn nắng trôi qua hàng cau. Một bữa cơm có thể ngồi lâu hơn mà không vội nhìn đồng hồ. Một câu chuyện có thể được kể trọn vẹn, không bị ngắt quãng bởi những thông báo trên màn hình.

Ai cũng cần một nơi để cảm thấy mình thuộc về.

Tiếng gà gáy vì vậy không chỉ là một âm thanh. Nó là dấu hiệu cho thấy trong làng vẫn còn những khu vườn, những khoảng sân, những con người thức dậy cùng mặt trời. Vẫn còn một nhịp sống gắn với đất, với cây, với mùa màng và sự chuyển động của thiên nhiên. Có thể tiếng gà ấy không còn đánh thức một người đang ngủ. Nhưng nó có thể đánh thức một miền ký ức.

Một người xa quê nghe tiếng gà gáy có thể nhớ căn nhà cũ. Nhớ người mẹ lom khom nhóm bếp. Nhớ người cha dắt chiếc xe đạp ra sân. Nhớ tiếng chổi tre xào xạc trước hiên. Nhớ mùi cơm mới, mùi thơm khô từ ngoài ruộng theo gió đưa về.

Một miền quê không chỉ được tạo nên từ đất đai, đường sá và những ngôi nhà. Miền quê còn được tạo nên từ những điều không thể cầm nắm: một tiếng rao quen, một phiên chợ sớm, một hàng cây cũ, một giọng nói địa phương, một mùi hương từ gian bếp và cả tiếng gà gáy mỗi sớm mai.

Bởi vậy, chuyển đổi số không nên được hiểu là thay tất cả những gì cũ bằng những gì mới. Chuyển đổi số phải giúp những giá trị đang có được nhìn thấy rõ hơn, kết nối xa hơn và tạo ra giá trị lớn hơn.

Người nông dân có thể bán hàng qua mạng nhưng vẫn giữ lại khu vườn xanh. Hợp tác xã có thể quản lý bằng phần mềm nhưng vẫn duy trì những buổi ngồi lại cùng nhau.

Người trẻ có thể làm việc trên nền tảng số mà vẫn biết tên dòng sông chảy qua làng mình.

Một ngôi làng thông minh không phải là ngôi làng có thật nhiều màn hình. Thông minh là biết sử dụng công nghệ để người dân sống tốt hơn mà không đánh mất chính mình. Là biết mở đường cho cái mới đi vào nhưng cũng biết dành chỗ cho những điều đã nuôi dưỡng cộng đồng qua nhiều thế hệ.

Có lẽ rồi sẽ đến một ngày tiếng gà gáy chỉ còn vang lên ở một vài khu vườn. Có thể chẳng ai còn dựa vào tiếng gáy để biết trời sáng. Nhưng tiếng gà vẫn cần cho một lý do khác.

Nó nhắc rằng ở đâu đó, thiên nhiên vẫn đang thức dậy theo cách của thiên nhiên. Thời gian không chỉ được đo bằng lịch hẹn. Cuộc sống không chỉ là những việc phải hoàn thành.

Tiếng gà nhắc một người đi xa rằng vẫn còn một nơi để trở về.

Nông thôn trong thời đại số cần cáp quang, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và thương mại điện tử. Nhưng nông thôn cũng cần những khu vườn, những dòng sông, những phiên chợ, những hàng tre và những khoảng lặng để con người nhận ra mình đang sống.

Và có lẽ vẫn cần cả tiếng gà gáy mỗi sớm mai.

Không phải để thay chiếc đồng hồ báo thức.

Mà để đánh thức trong mỗi người một miền quê.

PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI GIỮ HÒN QUÊ

BÀI 7

NGƯỜI NÔNG DÂN KHÔNG CHỈ TRỒNG LÚA

Từ người sản xuất sang người kiến tạo giá trị

Có những buổi sáng ở quê, người ta thức dậy không phải vì tiếng chuông đồng hồ, mà vì tiếng gà gáy nối nhau từ đầu xóm đến cuối đồng. Trời còn lờ mờ, mặt đất ẩm hơi sương. Ngoài ngõ, một bóng người đội nón, vác cuốc, lặng lẽ đi qua.

Ngồi xuống bên bờ ruộng vào một buổi sớm như vậy, mới thấy miền quê bắt đầu ngày mới rất khác phố thị.



Ở phố, người ta mở cửa hàng, mở máy tính, mở những cuộc họp. Ở quê, người nông dân mở ngày mới bằng cách bước chân xuống ruộng.

Bàn chân ấy đã đi qua bao mùa nắng hạn, bao mùa nước nổi, bao phen giá lúa lên rồi xuống. Vụ mùa thất bát, người nông dân tự gánh. Giá nông sản rớt, người nông dân tự lo. Trời mưa trái mùa, sâu bệnh bất thường, con nước đổi dòng, tất cả đều đi qua mái nhà nhỏ bên cánh đồng.

Từ lâu, người ta quen nói người nông dân là người trồng lúa.

Nói vậy không sai. Nhưng hình như vẫn còn thiếu.

Bởi một người gieo hạt xuống đất không chỉ làm ra hạt lúa. Người ấy còn giữ đất, giữ nước, giữ một phần ký ức của làng quê. Giữ mùi rom mới, giữ con đường bờ ruộng, giữ tiếng chim về sau mùa gặt. Giữ cả những kinh nghiệm không được viết thành sách, chỉ truyền từ đời này sang đời khác bằng vài câu dặn: “Năm nay coi chừng con nước lớn”, “Mạ này phải xuống sớm”, “Đất này phải cho nghỉ một vụ”.

Có những tri thức sinh ra trong giảng đường. Cũng có những tri thức sinh ra từ một đời cúi xuống ruộng đồng.

Người nông dân nhìn màu mây mà đoán mưa. Nhìn lá lúa mà biết đất đang thiếu gì. Nghe tiếng côn trùng mà cảm được thời tiết sắp đổi. Một vệt nước trên mặt ruộng, một sắc

lá hơi nhạt đi, những điều nhỏ bé ấy đôi khi là tín hiệu mà chỉ người sống lâu với đất mới nhận ra.

Vậy mà đã có lúc, người nông dân chỉ được nhìn như người cung cấp nguyên liệu. Trồng lúa rồi bán lúa. Trồng xoài rồi bán xoài. Nuôi cá rồi bán cá.

Bán xong là hết câu chuyện.

Nhưng một hạt gạo đâu chỉ là món hàng. Trong đó có phù sa, có nắng, có nước, có mồ hôi, có sự nhẫn nại của một gia đình đợi chờ qua mấy tháng. Một trái xoài không chỉ có vị ngọt. Nó còn có câu chuyện của vùng đất, của giống cây, của người chăm sóc, của cách người ta gìn giữ khu vườn qua những năm thời tiết đổi thay.

Nếu chỉ bán sản phẩm, người nông dân thường nhận phần giá trị thấp nhất. Nếu biết bán thêm câu chuyện, niềm tin, trách nhiệm với môi trường và bản sắc quê hương, giá trị ấy có thể đi xa hơn.

Nhưng để đi xa hơn, người nông dân không thể đi một mình.

Một người làm tốt chưa đủ. Một cánh đồng sạch bên cạnh một cánh đồng lạm dụng hóa chất vẫn khó tạo nên niềm tin. Một nhà giữ chữ tín, vài nhà khác làm ăn chộp giật, thương hiệu của cả vùng cũng dễ bị tổn thương. Nông

nghiệp ngày nay không chỉ là chuyện của từng thửa ruộng, mà là câu chuyện của những người biết ngồi lại với nhau.

Ngồi lại để cùng làm theo một quy trình.

Ngồi lại để biết thị trường cần gì, thay vì chỉ trông những gì mình quen.

Ngồi lại để một sản phẩm không còn vô danh khi rời khỏi cánh đồng.

Có khi, điều khó nhất không phải là học một kỹ thuật mới, mà là học cách tin nhau.

Nhiều miền quê từng quen với cảnh nhà ai nấy làm, ruộng ai nấy lo. Nhưng ngoài kia, thị trường đã trở nên quá lớn, quá nhanh, quá nhiều biến động. Một hộ nông dân khó thương lượng với doanh nghiệp lớn. Một vườn cây khó xây dựng thương hiệu cho cả vùng. Chỉ khi những bàn tay riêng lẻ tìm được cách nắm lại với nhau, miền quê mới tạo ra một sức mạnh khác.

Sức mạnh ấy không chỉ nằm ở sản lượng. Nó nằm ở sự tử tế có tổ chức. Ngày nay, người nông dân còn phải học những điều cha ông chưa từng phải học: Ghi chép mùa vụ, truy xuất nguồn gốc, kể câu chuyện về sản phẩm, hiểu một tiêu chuẩn mới.

Công nghệ, nếu được dùng đúng, không làm mất đi mùi đất. Nó giúp người nông dân bớt rủi ro, kết nối gần hơn với

thị trường. Chiếc điện thoại trong túi áo bà ba có thể trở thành cuốn sổ tay, quầy hàng và cánh cửa mở ra thế giới.

Những người trẻ trở về quê cũng không chỉ làm lại nguyên vẹn những gì cha mẹ từng làm. Các bạn nối kinh nghiệm của cha với tri thức của con, mảnh vườn gia đình với thị trường rộng lớn, câu chuyện làng quê với ngôn ngữ của thời đại.

Sự trở về ấy làm người ta hiểu rằng quê hương không chỉ là nơi để nhớ. Quê hương còn có thể là nơi để bắt đầu. Một ý tưởng mới có thể nảy mầm từ bờ ruộng cũ. Một thương hiệu có thể khởi đi từ căn bếp nhỏ.

Nông thôn quý nhất không chỉ ở đất đai.

Nông thôn quý nhất ở con người.

Đất có thể bạc màu rồi được bồi dưỡng lại. Một mùa vụ có thể thất bát rồi làm lại. Nhưng nếu con người mất niềm tin, mất tinh thần hợp tác, mất khát vọng làm cho quê hương tốt đẹp hơn, thì cánh đồng dù rộng cũng trở nên trống vắng.

Bởi vậy, nói người nông dân không chỉ trồng lúa không phải để làm đẹp thêm một câu chữ. Đó là để nhìn lại cho đúng vai trò của người đang đứng giữa cánh đồng. Người nông dân trồng lúa, nhưng cũng gìn giữ đất đai. Làm ra nông sản, nhưng cũng làm nên cảnh quan. Nuôi sống gia đình, nhưng cũng góp phần nuôi sống xã hội.

Một buổi chiều, ngồi bên ruộng lúa đang thì con gái, nhìn gió chạy thành từng đợt trên mặt đồng, bỗng nghe lại đâu đó câu hát cũ: “Tía em hùng đông đi cày bừa, má em hùng đông đi cày bừa...”.

Vẫn là tía, là má.

Vẫn là những con người đi ra đồng khi ngày chưa sáng hẳn.

Nhưng sau dáng người lom khom ấy không chỉ có một mùa lúa.

Có một gia đình đang chờ.

Có một làng quê đang đổi thay.

Có một câu chuyện cần được kể lại bằng niềm tự hào, chứ không chỉ bằng nỗi nhọc nhằn.

Và có một tương lai đang được gieo xuống, từ chính những bàn tay từng quen với bùn đất. Người nông dân không chỉ trồng lúa. Người nông dân đang trồng niềm tin vào mảnh đất mình sống.

Đang trồng giá trị cho quê hương.

Và lặng lẽ trồng hy vọng cho những mùa sau.

BÀI 8

NGƯỜI THƯƠNG LÁI VÀ CÂY CẦU VÔ HÌNH

Vai trò lịch sử của thương lái

Tôi từng nghe nhiều lời trách móc dành cho thương lái.

Mỗi khi giá nông sản xuống thấp, người ta thường nhắc đến thương lái đầu tiên. Khi một xe dừa phải bán đồ bán tháo bên vệ đường, khi một ao cá đến ngày thu hoạch mà giá bất ngờ giảm mạnh, khi những vườn trái cây trĩu quả nhưng người mua thưa vắng, thương lái thường trở thành đối tượng dễ bị phê phán nhất.



Có lẽ vì họ là người đứng ở giữa.

Đứng giữa người sản xuất và người tiêu dùng.

Đứng giữa đồng ruộng và thị trường.

Đứng giữa kỳ vọng và những thất vọng.

Nhưng ngồi xuống giữa một miền quê, nhìn kỹ hơn vào lịch sử của nông nghiệp, tôi lại nghĩ khác. Có khi nào chúng ta đã nhìn thấy người thương lái mà chưa thực sự hiểu vai trò của họ?

Ngày xưa, khi chưa có đường nhựa, chưa có xe tải đông lạnh, chưa có điện thoại thông minh, chưa có các sàn thương mại điện tử, người nông dân làm ra sản phẩm rồi biết bán cho ai?

Không phải ai cũng có thể mang vài chục gia lúa đi hàng chục cây số để tìm người mua. Không phải ai cũng biết ở đâu đang cần cá, ở đâu đang cần trái cây. Không phải ai cũng có đủ vốn để trữ hàng, đủ thời gian để đi khắp nơi tìm thị trường. Và rồi người thương lái xuất hiện.

Họ chèo ghe vào tận những con rạch nhỏ.

Họ len lỏi vào những xóm xa.

Họ đến từng ruộng tôm, từng ruộng lúa, từng vườn cây.

Họ gom những thứ nhỏ lẻ thành những lô hàng lớn.

Họ kết nối những người chưa từng gặp nhau.

Nếu người nông dân là người gieo hạt, thì thương lái là người mang hạt giống ấy ra khỏi cánh đồng. Nếu người nông

dân tạo ra giá trị, thì thương lái giúp giá trị ấy tìm được nơi cần đến.

Trong lịch sử phát triển của nhiều nền kinh tế châu Á, thương lái chính là những “nhà logistics” đầu tiên. Dĩ nhiên, ngày đó không ai gọi họ bằng cái tên hiện đại như vậy. Họ chỉ đơn giản là những người mua bán. Nhưng chính họ đã xây dựng nên những mạng lưới lưu thông hàng hóa rộng lớn.

Một thương lái giỏi thường biết rất rõ tình hình mùa vụ.

Họ biết nơi nào đang thiếu hàng.

Họ biết nơi nào đang được mùa.

Họ biết giá cả biến động ra sao.

Họ biết những thông tin mà người nông dân không dễ tiếp cận.

Nói cách khác, họ là người mang thông tin đi cùng hàng hóa.

Trong nhiều giai đoạn lịch sử, thông tin còn quý hơn cả vốn liếng.

Tôi nhớ những chuyến ghe thương hồ trên sông Tiền, sông Hậu. Những chiếc ghe đầy trái cây từ miền Tây xuôi về thành phố. Những chiếc ghe chở gạo từ đồng bằng lên các vùng cao. Những chợ nổi hình thành không chỉ vì có người bán. Chúng tồn tại vì có những người trung gian ngày đêm kết nối cung và cầu.

Nhiều người thương lái không học kinh tế. Nhưng họ hiểu thị trường bằng đôi chân. Họ không có phần mềm dự báo. Nhưng họ đọc được tín hiệu từ những cuộc trò chuyện ở bến sông, ở quán cà phê, ở các đầu mối thu mua.

Họ là những người đi trước internet hàng trăm năm. Có người hỏi: “Nếu thương lái quan trọng như vậy, tại sao nông dân vẫn thường phàn nàn về họ?”. Bởi vì giữa vai trò lịch sử và thực tiễn hiện nay là hai câu chuyện khác nhau. Khi sản xuất còn manh mún, thương lái là cầu nối cần thiết. Nhưng khi thị trường ngày càng phức tạp, sự phụ thuộc hoàn toàn vào một mắt xích trung gian có thể tạo nên những bất cân xứng.

Người bán không biết người mua cuối cùng là ai.

Người sản xuất không biết sản phẩm của mình được bán với giá nào.

Người tiêu dùng cũng không biết người nông dân nhận được bao nhiêu tiền.

Khoảng cách thông tin ấy đôi khi làm phát sinh nghi ngờ. Và rồi người ta dễ đổ lỗi cho nhau. Nhưng nếu bình tĩnh nhìn lại, vấn đề không nằm ở sự tồn tại của thương lái. Vấn đề nằm ở việc chuỗi giá trị chưa đủ minh bạch.

Ở nhiều nước phát triển, thương lái không biến mất.

Họ chỉ tiến hóa.

Họ trở thành doanh nghiệp logistics.

Họ trở thành nhà phân phối.

Họ trở thành trung tâm thu mua.

Họ trở thành nhà cung cấp dịch vụ thị trường.

Họ không còn đơn thuần kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá. Họ tạo ra giá trị từ vận chuyển, bảo quản, phân loại, truy xuất nguồn gốc, dự báo nhu cầu và quản trị rủi ro. Đó là con đường mà nông nghiệp hiện đại đang đi. Không phải loại bỏ người trung gian, mà nâng cấp người trung gian.

Tôi từng gặp những thương lái gắn bó với nông dân hơn cả người thân.

Đầu vụ họ ứng vốn.

Giữa vụ họ chia sẻ thông tin.

Cuối vụ họ thu mua toàn bộ sản lượng.

Có năm được mùa mất giá, họ cũng lỗ.

Có năm thị trường đột ngột thay đổi, họ cũng mất trắng.

Hóa ra người thương lái không đứng bên ngoài rủi ro.

Họ ở ngay trong vùng rủi ro ấy.

Chỉ là ít ai nhìn thấy.

Khi nói về chuyển đổi nông nghiệp, chúng ta thường nhắc đến nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và Nhà nước.

Nhưng có lẽ còn một đối tượng cần được nhìn nhận công bằng hơn. Đó là người thương lái.

Bởi họ đang nắm giữ một mạng lưới quan hệ mà không trường lớp nào có thể đào tạo trong một sớm một chiều.

Họ hiểu từng vùng nguyên liệu.

Họ biết từng mùa vụ.

Họ biết từng tập quán sản xuất.

Họ biết những con đường mà bản đồ chưa chắc đã ghi đầy đủ.

Đó là một dạng vốn xã hội rất lớn. Nếu biết kết nối, thương lái có thể trở thành đối tác của hợp tác xã. Nếu biết đào tạo, thương lái có thể trở thành mắt xích chuyên nghiệp trong chuỗi giá trị. Nếu biết trao niềm tin, thương lái có thể trở thành những đại sứ thị trường của nông sản Việt Nam.

Ngồi xuống giữa một miền quê, tôi chợt nghĩ đến hình ảnh cây cầu. Một cây cầu thường được nhớ đến bởi hai bờ mà nó nối lại. Ít ai đứng giữa cầu để ngắm chính cây cầu. Người thương lái cũng vậy.

Khi hàng hóa đến nơi, người ta nhớ người bán, nhớ người mua. Ít ai nhớ đến người đã kết nối họ. Nhưng nếu cây cầu biến mất, hai bờ sẽ xa nhau biết bao.

Có những cây cầu được xây bằng bê tông và thép.

Có những cây cầu được xây bằng niềm tin, bằng sự quen biết, bằng những cuộc điện thoại lúc nửa đêm, bằng những chuyến xe chạy xuyên mưa gió để kịp giao hàng. Người thương lái chính là những người âm thầm xây nên những cây cầu vô hình như thế. Và có lẽ, trong hành trình kiến tạo một nền nông nghiệp hiện đại, điều chúng ta cần không phải là phá bỏ cây cầu ấy.

Mà là làm cho cây cầu ngày càng vững chắc hơn, minh bạch hơn, chuyên nghiệp hơn, để người nông dân đi qua đó với nhiều niềm tin hơn, và để giá trị của nông sản Việt Nam có thể đi xa hơn trên những hành trình mới.

BÀI 9

ÔNG CHỦ NHIỆM HỢP TÁC XÃ

Chuyện người đi gom những cái riêng thành cái chung

Có lần, ngồi dưới mái hiên một hợp tác xã nhỏ, tôi hỏi người giám đốc: “Mỗi ngày anh làm việc gì nhiều nhất?”

Anh cười: “Đi thuyết phục bà con”.

- Thuyết phục chuyện gì?

Anh nhìn ra cánh đồng trước mặt: “Thuyết phục người ta tin nhau”.



Câu trả lời nghe nhẹ tênh, nhưng nghĩ kỹ lại thấy nặng trĩu.

Lâu nay, nhắc đến giám đốc doanh nghiệp, người ta nghĩ đến chiến lược, thị trường, doanh thu, lợi nhuận. Nhắc đến giám đốc hợp tác xã, nhiều người lại hình dung một người lo sổ sách, ký giấy tờ, tổ chức họp hành. Nhưng công việc khó nhất của người giám đốc hợp tác xã không nằm trong phòng làm việc. Nó nằm ngoài đồng ruộng, dưới những mái nhà, bên những ly trà và trong những cuộc chuyện trò không đầu không cuối.

Công việc ấy không chỉ là quản lý tài sản, mà là quản lý niềm tin.

Ở miền quê, mỗi người nông dân là một thế giới riêng. Người trồng lúa có kinh nghiệm của người trồng lúa. Người trồng xoài có bí quyết của người trồng xoài. Người nuôi cá có cách nhìn con nước của người nuôi cá. Mỗi người có một thửa ruộng, một mảnh vườn, một nỗi lo và một cách tính riêng.

Một thửa ruộng nhỏ khó tạo thành vùng nguyên liệu. Một vườn cây riêng lẻ khó đủ sản lượng cho hợp đồng dài hạn. Một hộ nuôi cá khó tự xây dựng thương hiệu. Nhưng khi nhiều hộ cùng làm một giống, theo một quy trình, thu hoạch theo một kế hoạch, những cái nhỏ bé bắt đầu tạo thành một sức mạnh mới.

Hợp tác xã ra đời từ nhu cầu ấy.

Không phải để làm thay nông dân, mà để kết nối nông dân. Không phải để xóa cái riêng, mà để cái riêng mạnh lên nhờ cái chung.

Nói thì dễ, làm mới khó.

Doanh nghiệp có thể ra quyết định nhanh, còn hợp tác xã phải lắng nghe nhiều tiếng nói. Doanh nghiệp có thể dùng hợp đồng, còn hợp tác xã nhiều khi phải dựa vào uy tín, sự nhân nại và tình nghĩa xóm giềng.

Trông giống gì? Mua vật tư ở đâu? Bán cho ai? Giá không như kỳ vọng thì có bán không? Lợi nhuận được chia thế nào? Mỗi câu hỏi đều liên quan đến quyền lợi. Mà đã liên quan đến quyền lợi thì không thể chỉ nói bằng lý lẽ. Phải nói bằng sự minh bạch, chứng minh bằng kết quả và tạo dựng bằng thời gian.

Có những cánh đồng phải mất nhiều năm mới gom được thành vùng sản xuất chung. Có những quy trình phải giải thích hết lần này đến lần khác. Có những cuộc họp kéo dài hàng giờ chỉ để thống nhất một việc rất nhỏ.

Người ngoài nhìn vào có thể sốt ruột: sao không quyết nhanh lên? Nhưng ở một tổ chức được dựng lên từ sự tự nguyện, cái nhanh chưa chắc đã bền. Một quyết định đúng mà thành viên chưa hiểu thì vẫn khó thành công. Một kế hoạch hay mà người dân chưa tin thì vẫn chỉ nằm trên giấy.

Vì vậy, giám đốc hợp tác xã trước hết phải biết lắng nghe.

Lắng nghe để hiểu vì sao một người còn do dự, để nhận ra phía sau lời phản đối có khi là ký ức về một lần thất bại. Bởi thành viên không chỉ cần giá bán cao hơn, mà còn cần sự công bằng, tôn trọng và cảm giác mình thật sự là người chủ.

Người giám đốc ấy cũng phải biết nói sao cho bà con hiểu việc hôm nay liên quan thế nào đến ngày mai; nói về tiêu chuẩn bằng một lô hàng bị trả về, nói về liên kết bằng những con số mua chung và bán chung.

Nhưng nói thôi vẫn chưa đủ.

Muốn thành viên minh bạch, hợp tác xã phải minh bạch trước. Muốn mọi người giữ chữ tín với doanh nghiệp, ban giám đốc phải giữ chữ tín với thành viên. Niềm tin không được tạo ra bằng khẩu hiệu. Niềm tin được tạo ra khi tiền bạc rõ ràng, hợp đồng được công khai, khó khăn được nói thật, lợi ích được chia công bằng.

Nghĩ cho cùng, giám đốc hợp tác xã giống như người chèo đò trên một dòng sông quê. Con đò ấy không phải của riêng ai. Mỗi thành viên góp một mái chèo. Có người muốn đi nhanh, có người sợ sóng lớn, có người nhìn về phía trước, có người vẫn ngoái lại sau.

Người chèo đò phải làm sao để mọi mái chèo cùng nhịp, không ai bị bỏ lại, không ai nghĩ cái chung đang lấy mất cái

riêng. Phải biết lúc nào nên đi nhanh, lúc nào cần chậm lại, và phải có một bến đến đủ rõ để mọi người cùng tin.

Hợp tác xã hôm nay không thể chỉ mua chung vật tư, bán chung nông sản, mà còn phải giúp thành viên tiếp cận tri thức, thị trường và công nghệ. Người giám đốc vì thế phải biết đọc thị trường, hiểu hợp đồng, tính toán chi phí, xây dựng thương hiệu và làm cho dữ liệu sản xuất minh bạch hơn.

Hợp tác xã không chỉ bán lúa, xoài, cá hay rau, mà còn bán chất lượng ổn định, khả năng thực hiện hợp đồng và trách nhiệm với cộng đồng.

Cao hơn nữa, hợp tác xã bán niềm tin.

Hiểu là vậy, nhưng đi từ hiểu đến làm vẫn là một hành trình dài. Và trên hành trình ấy, người giám đốc hợp tác xã là người nhận về phần khó.

Anh không đi gom đất.

Không đi gom tiền.

Không đi gom tài sản.

Anh đi gom niềm tin.

Đi gom những suy nghĩ còn rời rạc, những ước mơ còn phân tán, những mảnh vườn, thửa ruộng, ao cá. Trên hết là gom con người lại gần nhau, để người bên cạnh không chỉ là hàng xóm mà có thể trở thành đối tác.

Chiều xuống, người giám đốc hợp tác xã vẫn ngồi bên hiên nhà, trước mặt là cuốn sổ ghi những việc chưa xong. Ngoài kia, những thửa ruộng vẫn còn những bờ ranh. Nhưng trên con đường nhỏ dẫn về xóm, vài người nông dân đang cùng nhau bàn chuyện mùa vụ mới.

Có thể ngày mai vẫn còn người chưa đồng ý. Có thể một cuộc họp khác lại kéo dài. Có thể con đường đi chung vẫn còn nhiều chỗ gập ghềnh. Nhưng chỉ cần người ta còn chịu ngồi xuống với nhau, còn lắng nghe nhau, còn tin rằng cái chung không làm mất đi cái riêng, thì hợp tác xã vẫn còn cơ hội lớn lên.

Và miền quê cũng vậy.

Một miền quê không chỉ được dựng nên bằng những ngôi nhà, con đường hay cánh đồng. Một miền quê còn được dựng nên từ khả năng con người tin cậy, nương tựa và cùng làm nên những điều mà từng người riêng lẻ không thể làm được.

Bởi vậy, mỗi khi gặp một giám đốc hợp tác xã, đừng chỉ nhìn vào chức danh.

Hãy nhìn thấy một người đang lặng lẽ đi gom những cái riêng thành cái chung.

Đề từ cái chung ấy, mỗi cái riêng có thể lớn lên, vững vàng hơn và tìm thấy tương lai ngay trên chính mảnh đất quê hương mình.

BÀI 10

BÀ BÁN HÀNG NGOÀI CHỢ QUÊ

Kinh tế phi chính thức và sức sống nông thôn

Có những buổi sáng, chỉ cần bước chậm qua một khu chợ quê cũng đủ để hiểu thêm về một miền đất. Chợ chưa bao giờ chỉ là nơi mang hàng hóa đến đổi lấy tiền. Chợ còn là nơi làng quê tự kể câu chuyện của mình, bằng mùi rau mới cắt, tiếng cá quẫy trong thau, giọng chào mời thân thuộc và những gương mặt đã gặp nhau suốt mấy chục năm mà vẫn không hết chuyện hỏi han.



Tôi thích đi chợ lúc trời còn bàng lảng. Mặt trời chưa lên hẳn, sương còn đọng trên tàu lá chuối, ngoài đồng vẫn

vang tiếng gà gáy. Vậy mà chợ đã thức từ lâu. Người gánh mớ rau vừa hái sau vườn. Người chở thùng cá đồng mới dỡ lờ từ đêm trước. Người mang vài chục trứng vịt, mấy nải chuối chín, một rổ ớt đỏ, đôi ba trái bầu còn vương phần trắng.

Giữa những hàng hóa nhỏ bé ấy, thường có một bà cụ ngồi sau chiếc sạp thấp. Trước mặt bà chỉ là vài bó rau, ít trái cà, mấy quả dưa leo, một rổ đậu phộng luộc còn ấm. Người qua chợ ghé lại, mua một ít, hỏi thăm vài câu rồi đi. Cả buổi, số tiền bà thu được có khi chẳng bao nhiêu. Nhưng nếu chỉ nhìn vào số tiền ấy, ta chưa hiểu hết ý nghĩa của việc bà có mặt ở chợ mỗi ngày.

Có lần tôi hỏi một bà cụ đã ngoài bảy mươi tuổi rằng bán như vậy có lời không. Bà cười hiền, nói lời lải chải đáng là bao. Rồi bà chậm rãi nói thêm: Ở “nhà buồn lắm. Ra đây còn gặp người này người kia, còn thấy mình làm được chút gì”.

Câu nói nhẹ tênh mà ở lại rất lâu.

Hóa ra, có những công việc không chỉ làm ra thu nhập. Chúng còn làm ra niềm vui, làm ra cảm giác mình vẫn đang hiện diện trong cuộc sống này. Một người còn có thể mang mớ rau ra chợ, còn tự tay cân từng ký đậu, còn nhớ khách quen thích trái cà non hay quả bầu nhỏ, thì người ấy vẫn thấy mình hữu ích. Lao động, trong trường hợp ấy, không chỉ là

kê sinh nhai. Lao động còn là cách giữ lấy phẩm giá, giữ nhịp sống và giữ cho lòng mình không trở nên trống trải.

Người ta thường nói về kinh tế bằng những con số lớn: tốc độ tăng trưởng, vốn đầu tư, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu. Những con số ấy cần thiết, nhưng bên dưới chúng còn có một dòng chảy khác, âm thầm hơn và gần với đời sống hơn. Đó là người vá xe đầu ngõ, người bán bánh trước cổng trường, người làm mắm trong sân nhà, người đan giỏ lục bình lúc nông nhàn và bà cụ ngồi ở góc chợ với vài bó cải mới cắt.

Các nhà kinh tế gọi đó là khu vực kinh tế phi chính thức. Cách gọi nghe có phần xa xôi, nhưng thật ra lại rất gần với làng quê. “Phi chính thức” không có nghĩa là không quan trọng. Một mẻ bánh có thể thành tiền mua sách cho con. Một rổ cá đồng có thể góp vào tiền thuốc cho người già. Đằng sau một mớ rau hay một hũ mắm không chỉ là hàng hóa, mà còn có sự chắt chiu, lòng tự trọng và khát vọng tự mình xoay xở.

Chợ quê vì vậy cũng không chỉ là điểm giao dịch. Chợ là nơi dòng chảy hàng hóa gặp dòng chảy tình cảm. Người ta đến mua con cá, nhưng tiện hỏi thăm mùa lúa. Người ta ghé lấy bó rau, rồi biết nhà ai mới có đám cưới, nhà ai có người đi làm xa vừa trở về, vườn xoài nào vừa trúng mùa.

Tin vui, tin buồn, chuyện mùa màng, chuyện con cái cứ thế đi qua những chiếc sạp nhỏ, nối người này với người kia.

Dĩ nhiên, không nên lãng mạn hóa mọi điều. Những người buôn bán nhỏ vẫn đối mặt với vốn mỏng, sản phẩm chưa có bao bì, chưa có thương hiệu, chưa biết cách tiếp cận thị trường xa hơn. Nhiều món ngon chỉ quanh quẩn trong xóm. Nhiều sản vật quý vẫn được bán như hàng hóa thông thường. Công sức bỏ ra nhiều nhưng giá trị nhận lại còn ít.

Nhưng cũng từ đó, một câu hỏi được đặt ra: có phải phát triển là làm cho những người bán hàng nhỏ biến mất, nhường chỗ cho những mô hình lớn hơn? Hay phát triển trước hết phải giúp họ đứng vững hơn, làm tốt hơn và được ghi nhận công bằng hơn?

Một bà bán hàng ở chợ quê không nhất thiết phải trở thành chủ một doanh nghiệp lớn. Người làm mắm trong sân nhà cũng không nhất thiết phải mở nhà máy. Điều cần thiết hơn là giúp sản phẩm sạch hơn, đẹp hơn, có câu chuyện rõ hơn, có thêm kỹ năng số, biết kết nối với hợp tác xã, phiên chợ nông sản, chương trình OCOP và những gian hàng trực tuyến. Không phải để thay đổi hoàn toàn cách sống của họ, mà để giá trị lao động được nhìn thấy đầy đủ hơn.

Có lẽ điều đáng quý nhất ở bà bán hàng nơi chợ quê không nằm ở số tiền bà kiếm được mỗi sáng. Điều đáng quý là bà vẫn chọn bước ra khỏi căn nhà, bày những sản vật nhỏ

bé của mình trước cuộc đời và góp một phần vào nhịp thức dậy của làng quê. Bà giữ cho khu chợ còn tiếng chào nhau, giữ cho người già còn nơi gặp gỡ, giữ cho những món quà từ vườn nhà, ao cá, bếp lửa còn một con đường đến với người khác.

Mỗi lần rời một khu chợ quê, tôi thường mang theo cảm giác yên lòng. Giữa những đổi thay ngày một nhanh, vẫn còn những con người âm thầm làm nên sức sống của nông thôn bằng những việc rất đời bình thường. Họ không xuất hiện trong những bản báo cáo dài, nhưng giống như những mạch nước ngầm lặng lẽ nuôi cánh đồng; giống những con rạch nhỏ âm thầm góp nước cho dòng sông lớn.

Ngồi xuống bên một sạp hàng quê, nghe một bà cụ kể chuyện bán buôn, đôi khi ta hiểu thêm một điều: nền kinh tế tử tế không chỉ được đo bằng độ lớn của những công trình hay quy mô của những doanh nghiệp. Nó còn được đo bằng khả năng tạo ra chỗ đứng cho những người bình thường, để ai cũng có thể lao động, tự nuôi sống mình, được gặp gỡ và được thấy mình hữu ích.

Và có lẽ, khi một bà bán hàng vẫn còn muốn sáng mai ra chợ, khi người làng vẫn còn ghé lại mua mớ rau rồi hỏi nhau một câu chuyện cũ, thì miền quê ấy vẫn còn hơi ấm.

BÀI 11

NGƯỜI THẦY GIÁO LÀNG

Người âm thầm chuẩn bị tương lai cho một miền quê

Ngồi xuống giữa một miền quê, đôi khi người ta nghe được nhiều âm thanh tưởng như rất đời bình thường.

Tiếng gà gọi sáng sau hàng tre. Tiếng xuống máy vọng lên từ con sông nhỏ. Tiếng chổi quét sân trước hiên nhà. Tiếng xe đạp lộc cộc trên con đường còn đọng hơi sương. Và đâu đó, từ cuối làng, tiếng trống trường vang lên, từng hồi chậm rãi.



Tiếng trống ấy đã có mặt trong ký ức của biết bao thế hệ. Có người nghe tiếng trống trường rồi lớn lên, rồi quê ra

phổ. Có người đi xa hơn, qua những đại dương, những biên giới. Có người trở thành kỹ sư, bác sĩ, doanh nhân, công chức. Có người quay về tiếp tục làm ruộng, làm vườn, mở cơ sở sản xuất ngay trên mảnh đất quê nhà.

Mỗi người đi về một hướng. Nhưng sâu trong hành trang của mỗi cuộc đời, dường như vẫn còn một khoảng sân trường, một ô cửa lớp và bóng dáng của một người thầy giáo làng.

Trong mỗi ngôi làng, người ta dễ nhận ra những người trực tiếp làm nên của cải. Người nông dân làm ra hạt lúa. Người làm vườn tạo nên những mùa trái ngọt. Người thợ xây dựng những ngôi nhà. Người buôn bán làm cho hàng hóa lưu thông. Còn người thầy, nhìn bề ngoài, không làm ra hạt lúa nào, không trồng một cây xoài nào, không xây một cây cầu nào.

Nhưng người thầy góp phần tạo nên người kỹ sư thiết kế cây cầu. Góp phần hình thành người bác sĩ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Góp phần giúp người nông dân biết tiếp cận kỹ thuật mới, biết tính toán thị trường, biết thay đổi cách làm ăn. Góp phần tạo nên những con người có đủ tri thức và bản lĩnh để quê hương không đứng yên.

Có những công việc tạo ra sản phẩm có thể nhìn thấy ngay. Một căn nhà hoàn thành sau vài tháng. Một vụ lúa thu hoạch sau một mùa. Một con đường được mở ra sau một công trình.

Công việc của người thầy thì khác.

Hôm nay gieo một lời dạy, có khi nhiều năm sau mới nhìn thấy kết quả. Hôm nay sửa cho một đứa trẻ từng nét chữ, có khi vài chục năm sau mới biết nét chữ ấy đã đi cùng một con người qua bao nhiêu khúc quanh của cuộc sống. Hôm nay khơi lên một câu hỏi, có khi rất lâu sau câu hỏi ấy mới trở thành một công trình nghiên cứu, một ý tưởng kinh doanh hay một lựa chọn làm thay đổi cả cuộc đời.

Nghề giáo, vì vậy, giống như nghề trồng cây.

Người trồng cây không thể kéo ngọn cây lên cho mau lớn. Chỉ có thể chăm đất, tưới nước, đón ánh sáng và kiên nhẫn chờ đợi. Người thầy cũng không thể sống thay cuộc đời học trò. Chỉ có thể gieo vào tâm hồn các em một hạt giống của sự tử tế, một niềm tin vào bản thân, một khát vọng học hỏi và một ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Rồi hạt giống ấy lớn lên thế nào, đôi khi chính người gieo cũng không được nhìn thấy.

Có những thầy cô dạy học mấy chục năm trong một ngôi trường nhỏ. Mái tóc bạc đi theo từng mùa khai giảng. Bục giảng cũ dần. Những lớp học trò nối tiếp nhau lớn lên.

Có người dạy cha rồi dạy đến con. Có người gặp lại học trò cũ trong một buổi chợ quê, nghe tiếng gọi “thưa thầy” mà giật mình nhận ra đứa trẻ ngày nào đã trở thành một người trưởng thành. Có người cả đời không nhận được một

phần thưởng lớn, nhưng trong ký ức của nhiều gia đình, tên thầy cô luôn được nhắc đến bằng sự biết ơn.

Sự ghi nhận lớn nhất của nghề giáo có lẽ không nằm trên những tấm bằng khen. Nó nằm trong cách một người học trò biết cúi xuống nâng một người khác đứng lên. Nằm trong việc một người làm ăn vẫn giữ chữ tín khi đứng trước lợi ích. Nằm trong sự lựa chọn quay về quê hương của một người trẻ. Nằm trong khoảnh khắc một người cha kiên nhẫn dạy con mình, như ngày xưa từng được thầy cô kiên nhẫn chỉ dạy.

Nhiều người cho rằng giáo dục là truyền đạt kiến thức. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ.

Kiến thức ngày nay có thể tìm thấy trong sách, trên mạng, trong những kho dữ liệu rộng lớn. Một đứa trẻ có thể tiếp cận cả thế giới qua một màn hình nhỏ. Trí tuệ nhân tạo có thể giải thích một bài toán, dịch một đoạn văn, cung cấp hàng nghìn thông tin chỉ trong vài giây.

Nhưng không một công nghệ nào có thể hoàn toàn thay thế ánh mắt của người thầy khi nhận ra một học trò đang buồn. Không một thuật toán nào hiểu trọn vẹn vì sao một đứa trẻ bỗng trở nên im lặng. Không một màn hình nào có thể đặt bàn tay lên vai một học sinh và nói: “Em hãy thử thêm một lần nữa, thầy tin em làm được”.

Giáo dục không chỉ làm đầy trí nhớ. Giáo dục còn đánh thức sự tò mò.

Một đứa trẻ còn biết hỏi “vì sao” là một đứa trẻ còn muốn mở cánh cửa bước ra thế giới. Một người trẻ còn tò mò thì còn muốn học, còn muốn khám phá, còn khả năng thay đổi chính mình.

Điều đáng lo nhất không hẳn là một học sinh có điểm số thấp. Điểm số có thể cải thiện. Kiến thức còn có thể bổ sung. Điều đáng lo hơn là một tâm hồn mất đi ham muốn học hỏi, một đứa trẻ không còn tin rằng mình có thể tiến bộ, một người trẻ quen chấp nhận mọi thứ như vốn có.

Người thầy giáo làng, vì vậy, không chỉ dạy một bài học trong sách. Người thầy giữ cho ngọn lửa tò mò không tắt. Giữ cho một đứa trẻ biết mơ ước. Giữ cho những cánh cửa tương lai chưa vội khép lại.

Từ góc nhìn ấy, mỗi ngôi trường làng không chỉ là một cơ sở giáo dục.

Đó còn là nơi một cộng đồng chuẩn bị cho ngày mai.

Một ngôi làng không thể phát triển bền vững nếu chỉ có những con đường rộng hơn, những căn nhà cao hơn hay những cánh đồng đạt năng suất lớn hơn. Một miền quê đáng sống còn cần những con người biết hợp tác, biết giữ lời hứa, biết tôn trọng sự khác biệt, biết sống có trách nhiệm với thiên nhiên và với người chung quanh.

Những phẩm chất ấy không tự nhiên mà có.

Chúng được nuôi dưỡng từng ngày trong gia đình, trong lớp học và trong cách người lớn đối xử với nhau. Một đứa trẻ được dạy phải trung thực nhưng lại nhìn thấy người lớn gian dối sẽ rất khó tin vào bài học. Một học sinh được khuyên giữ gìn môi trường nhưng bước ra cổng trường lại thấy rác vút đầy đường sẽ khó hình thành trách nhiệm.

Bởi vậy, giáo dục không phải công việc riêng của nhà trường.

Cả làng cùng tham gia giáo dục một đứa trẻ. Một lời chào ngoài ngõ là giáo dục. Một lần giữ đúng lời hẹn là giáo dục. Cách người lớn giải quyết bất đồng cũng là giáo dục. Người thầy đứng trên bục giảng, nhưng phía sau người thầy phải là gia đình và cộng đồng cùng chung một hướng.

Ngày nay, làng quê đang đổi khác rất nhanh.

Con đường đất trở thành đường bê tông. Mái trường cũ được thay bằng những phòng học khang trang. Bảng đen, phấn trắng dần có thêm màn hình, máy tính, bài giảng số. Trẻ em ở một miền quê có thể trò chuyện với bạn bè ở nhiều vùng đất khác, có thể bước vào những thư viện chưa từng hình dung. Nhưng càng bước vào thời đại công nghệ, vai trò của người thầy càng không nhỏ đi.

Người thầy không còn chỉ là người cung cấp thông tin. Người thầy giúp học trò biết lựa chọn thông tin, biết phân biệt đúng sai, biết đặt câu hỏi trước những điều tưởng như

hiển nhiên. Quan trọng hơn, người thầy giúp học trò hiểu rằng công nghệ chỉ thật sự có ý nghĩa khi được sử dụng để làm cho con người tốt hơn, cộng đồng nhân văn hơn và quê hương đáng sống hơn.

Một người trẻ có thể đi rất xa nhờ tri thức. Nhưng để không lạc hướng, người trẻ cần một nền tảng giá trị.

Nền tảng ấy được bồi đắp từ những điều rất nhỏ: Biết cảm ơn, biết xin lỗi, biết chia sẻ, biết chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình. Đó là những bài học tưởng như giản đơn nhưng phải đi qua rất nhiều va vấp, người ta mới nhận ra giá trị.

Có lẽ trong cuộc đời mỗi người, có những lời thầy cô nói lúc nhỏ phải nhiều năm sau mới hiểu.

Khi còn ngồi trong lớp, ta nghĩ đó chỉ là một lời nhắc nhở. Khi bước vào cuộc sống, va chạm với được - mất, đúng - sai, hơn - thua, ta mới nhận ra người thầy không chỉ dạy cách làm một bài toán, mà còn âm thầm chỉ dẫn cách làm một con người.

Ngồi xuống giữa một miền quê, nghe tiếng trống trường vọng qua hàng cây, chợt thấy tương lai không phải điều gì ở quá xa. Tương lai đang bắt đầu trong lớp học nhỏ kia. Trong một câu hỏi vừa được đặt ra. Trong một bàn tay rụt rè giơ lên. Trong ánh mắt của người thầy đang kiên nhẫn chờ một đứa trẻ tự tìm ra câu trả lời.

Người thầy giáo làng ít khi đứng ở trung tâm của những câu chuyện phát triển. Nhưng phía sau mỗi bước tiến của một miền quê, thường có dấu chân âm thầm của người thầy.

Từng ngày.

Từng bài học.

Từng thế hệ.

Người thầy cứ lặng lẽ gieo, dù không biết hạt giống nào sẽ nảy mầm trước, hạt giống nào phải đợi qua nhiều mùa mưa nắng.

Và có lẽ vẻ đẹp sâu xa nhất của nghề giáo nằm ở chính niềm tin ấy: tin rằng mỗi đứa trẻ đều có khả năng trở thành một phiên bản tốt đẹp hơn của chính mình; tin rằng một con người tử tế sẽ làm cho một gia đình ấm áp hơn; và nhiều con người tử tế sẽ làm nên một miền quê đáng sống.

Tiếng trống trường rồi sẽ tan vào buổi sớm.

Nhưng những điều được người thầy đánh thức trong tâm hồn học trò có thể còn vang vọng suốt một đời.

BÀI 12

CỤ GIÀ KỂ CHUYỆN BÊN ẤM TRÀ

Có những hạt giống nằm trong ký ức

Chiều ở quê thường xuống chậm.

Mặt trời đã khuất sau rặng tre mà nắng vẫn còn vương trên mái ngói, bờ ruộng, con đường nhỏ. Khói bếp bay lên. Tiếng trẻ con ngoài ngõ thưa dần. Làng quê như chậm lại để nghe tiếng gió và tiếng lòng người.

Đó cũng là lúc một cụ già mang chiếc ghế thấp ra trước sân, châm ấm trà nóng. Cụ thong thả nhìn người qua lại, lâu lâu nhấp một ngụm trà rồi kể chuyện mùa nước lớn, năm hạn kéo dài, giống lúa cũ từng sống được trên đất phèn, con cá chỉ xuất hiện khi nước bắt đầu đổi màu.



Người đi ngang có thể nghĩ cụ chỉ đang nhắc chuyện xưa. Nhưng nếu chịu ngồi xuống lâu hơn một chút, sẽ nhận ra bên trong những lời kể chậm rãi ấy là ký ức của cả một miền quê.

Miền quê không chỉ được tạo nên bởi đất đai, sông nước hay những ngôi nhà. Miền quê còn được tạo nên bởi những mùa được, mùa thất; những lần nước lên, nước xuống; những cách sống được hình thành qua bao đời.

Ngày trước, chưa có điện thoại thông minh, chưa có ứng dụng dự báo thời tiết, người nông dân vẫn biết khi nào xuống giống, khi nào gia cố bờ bao, khi nào con nước đổi chiều. Người ta nhìn đàn kiến chuyển tổ, nghe tiếng ếch nhái, quan sát mây phía chân trời, nhìn màu nước trên con kinh mà đoán nước lớn hay nước ròng.

Thiên nhiên khi ấy giống như một cuốn sách mở, nhưng là cuốn sách không có chữ. Muốn đọc được, con người phải sống đủ lâu với đất, đi qua đủ nhiều mùa vụ, chịu những lần thất bát và ghi nhớ những đổi thay rất nhỏ của cỏ cây, sông nước.

Tri thức ấy không được viết thành chương, thành mục. Nó nằm trong trí nhớ, trong thói quen, trong lời dặn của người đi trước: Cách chọn nhánh cây làm giống, nhận biết rau dại, nhìn dòng nước để tránh xoáy ngầm.

Cứ như vậy, tri thức của một vùng đất được truyền từ đời này sang đời khác, âm thầm như phù sa bồi đắp đáy sông.

Không ai nhìn thấy phù sa đang chảy, nhưng qua nhiều năm, phù sa tạo nên bãi bồi, ruộng vườn và một miền sinh sống.

Những cụ già trong làng cũng giống như những bãi bồi ký ức. Có người nhớ giống lúa bản địa, con rạch nhỏ, lối đi cũ; biết cây nào chịu phèn, chịu mặn; kể được nguồn gốc một nghề thủ công hay món ăn quen thuộc.

Những điều ấy không chỉ là chuyện cũ. Đó là tri thức bản địa, là kinh nghiệm được kiểm chứng bằng thời gian, lao động, mồ hôi và cả những mất mát của nhiều thế hệ. Bởi vậy, mỗi khi một cụ già rời khỏi cuộc đời mà những câu chuyện chưa được kể lại, một phần ký ức của cộng đồng cũng lặng lẽ mất theo.

Người ta thường tiếc khi một ngôi nhà cổ bị tháo dỡ, một ngôi đình xuống cấp. Nhưng đôi khi, một mất mát lớn hơn lại diễn ra trong im lặng: một con người ra đi, mang theo cả kho tri thức chưa từng được ghi chép.

Ngôi nhà có thể dựng lại. Con đường có thể làm mới. Nhưng ký ức của một đời người thì không thể xây lại từ đầu.

Đó là nghịch lý của thời đại hôm nay. Con người lưu trữ hàng tỷ dữ liệu ở rất xa, nhưng lại dễ mất ký ức đang sống trong căn nhà bên cạnh. Người trẻ biết chuyện bên kia thế giới, nhưng không biết tên giống lúa của quê hương mình.

Đó không phải lỗi của người trẻ. Người trẻ không thể nhớ điều chưa từng được nghe kể. Cũng không hẳn là lỗi của

người già. Có khi người già muốn kể nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Có khi nhịp sống quá nhanh khiến không ai đủ kiên nhẫn ngồi lại hết một ấm trà.

Giữa các thế hệ đôi khi không phải là một khoảng cách quá xa. Chỉ là thiếu một buổi chiều, một chiếc ghế nhỏ, một ấm trà nóng, một người kể và một người chịu lắng nghe.

Nhưng lắng nghe không chỉ để lưu lại chuyện cũ. Tri thức bản địa không phải thứ để đóng khung rồi cất vào bảo tàng. Nó cần được sống, được kiểm chứng, được tiếp tục phát triển trong hoàn cảnh mới.

Khoa học hiện đại và tri thức bản địa không đối lập. Khoa học giúp kiểm chứng kinh nghiệm truyền thống; tri thức bản địa giúp khoa học hiểu sâu từng vùng đất và cộng đồng.

Công nghệ đem lại dữ liệu. Kinh nghiệm đem lại chiều sâu của bối cảnh. Khi hai nguồn tri thức gặp nhau, con người có thêm khả năng thích ứng với những đổi thay khó lường.

Bởi vậy, bảo tồn tri thức bản địa không phải quay lưng với hiện đại, cũng không phải giữ nguyên mọi điều thuộc về quá khứ. Đó là chọn lọc những hạt giống tốt từ ký ức để gieo vào tương lai.

Có những điều có thể ghi âm, quay lại, số hóa thành dữ liệu. Nhưng cũng có những điều chỉ có thể truyền từ người sang người, từ ánh mắt sang ánh mắt, từ sự xúc động trong lời kể đến sự rung động của người nghe.

Vì vậy, điều quan trọng không chỉ là lưu trữ tư liệu, mà còn tạo không gian để các thế hệ gặp nhau; để người già được kể, người trẻ được nghe, để mạch ký ức không bị đứt đoạn.

Một miền quê không chỉ cần đường mới, cầu mới hay những cánh đồng hiện đại. Một miền quê còn cần giữ được mạch ký ức của mình. Khi câu chuyện của các thế hệ không còn được tiếp nối, làng quê có thể vẫn còn đó, nhưng trở nên xa lạ với chính những người được sinh ra trên vùng đất ấy.

Chiều nay, ở đâu đó giữa một miền quê, có lẽ vẫn có một cụ già đang ngồi bên ấm trà, chậm rãi kể về mùa nước nổi năm nào, về cánh đồng xưa, về những người đã đi qua cuộc đời mình. Câu chuyện có thể rất nhỏ. Nhưng ký ức của quê hương vốn được tạo nên từ những điều nhỏ bé như vậy.

Có lẽ, giữa nhịp sống ngày càng gấp gáp, điều đáng quý không phải lúc nào cũng là bước thật nhanh về phía trước. Đôi khi, phải biết dừng lại, biết ngồi xuống, biết rót một chén trà và lắng nghe.

Để nhận ra rằng tương lai không chỉ được tạo dựng bằng những điều mới mẻ. Tương lai còn được nuôi dưỡng từ ký ức của một vùng đất. Bởi có những hạt giống không nằm trong kho giống. Chúng nằm trong trí nhớ của người già.

Nếu không kịp gìn giữ, điều mất đi không chỉ là vài câu chuyện.

Mà là một phần linh hồn của quê hương.

BÀI 13

NGƯỜI TRẺ TRỞ VỀ

Khởi nghiệp không chỉ ở thành phố

Có một thời, người trẻ rời quê gần như là một lẽ tự nhiên.

Học xong thì đi. Đi để tìm việc làm, mở mang tầm mắt, bước ra khỏi những con đường quen. Thành phố hiện ra với nhiều cơ hội. Còn quê nhà thường chỉ là nơi để nhớ, để về thăm mỗi dịp Tết.

Rồi một ngày, có người trẻ trở về.



Không phải vì thất bại. Không hẳn vì mỗi một. Có người trở về vì nhận ra cơ hội không chỉ nằm dưới những

tòa nhà cao tầng. Có người nhìn thấy trên mảnh đất gia đình một khả năng trước đây chưa từng được gọi tên. Có người hiểu rằng quê nhà không thiếu tài nguyên, chỉ thiếu một cách nhìn mới.

Nhưng trở về chưa bao giờ là quyết định dễ dàng. Ở lại thành phố, người trẻ có thể nhận lương đều mỗi tháng. Trở về quê, phía trước có khi chỉ là một khu vườn cũ, vài công đất, một nghề truyền thống đang mai một, một sản vật chưa có thương hiệu.

“Đi học bao nhiêu năm rồi về làm ruộng sao?”. Câu hỏi ấy sinh ra từ nỗi nhọc nhằn của nhiều thế hệ. Trong ký ức của cha mẹ, làm nông thường gắn với lam lũ, được mùa mất giá, được giá mất mùa. Vì vậy, điều đầu tiên người trẻ phải vượt qua đôi khi không phải thị trường, mà là nỗi lo của chính gia đình.

Người trẻ trở về không chỉ mang theo một tấm bằng. Điều quý hơn là mang theo một cách nhìn khác.

Một khu vườn không chỉ là nơi trồng cây lấy trái. Nó còn có thể trở thành nơi trải nghiệm, kể câu chuyện bản địa và kết nối với người tiêu dùng.

Một món ăn quê có thể được chuẩn hóa, đóng gói, giới thiệu trên mạng. Một nghề thủ công tưởng sắp mất có thể được thiết kế lại. Một căn nhà cũ có thể trở thành nơi lưu trú

nhỏ, để người thành phố tìm về nghe tiếng chim, ăn bữa cơm có rau vừa hái ngoài vườn.

Khởi nghiệp ở quê không phải làm lại mọi thứ giống như cha ông. Trở về không có nghĩa là quay ngược thời gian. Trở về là đứng trên mảnh đất cũ bằng một tư duy mới.

Người trẻ có công nghệ, người đi trước có kinh nghiệm. Một bên biết thị trường, thương hiệu, nền tảng số; một bên hiểu đất, nước và mùa vụ. Khi hai thế hệ đứng cạnh nhau, cái cũ trở thành nền móng, cái mới trở thành cánh cửa.

Nhưng không nên lãng mạn hóa chuyện trở về.

Khởi nghiệp ở nông thôn không phải ngày ngày uống trà dưới bóng cây rồi chờ đơn hàng từ mạng xã hội. Phía sau một sản phẩm đẹp là những tháng ngày thử nghiệm. Phía sau một thương hiệu nông sản là chất lượng ổn định, truy xuất nguồn gốc, vận chuyển và niềm tin của khách hàng.

Quê hương không cần những người trở về để chứng minh mình giỏi hơn người ở lại. Quê hương cần những người biết cúi xuống.

Cúi xuống để chạm vào đất. Cúi xuống để nghe người lớn tuổi kể chuyện. Cúi xuống để hiểu vì sao một giống cây sống được ở nơi này mà không phải nơi khác. Cúi xuống để nhận ra đằng sau một sản phẩm bình dị là kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều đời.

Khởi nghiệp ở quê trước hết là học lại quê mình. Học lại tên một con rạch, mùa nước lên nước xuống, ký ức của một ngôi đình, một phiên chợ, một làng nghề.

Nhiều khi, tài sản lớn nhất của một miền quê không nằm trong kho hàng hay tài khoản ngân hàng. Nó nằm trong trí nhớ cộng đồng: câu chuyện về người đầu tiên mang giống cây về làng, bí quyết làm một món bánh, tên gọi dân gian của vùng đất, một điệu hò tưởng như sắp quên.

Người trẻ trở về có thể giúp những ký ức ấy bước vào đời sống mới. Không phải biến mọi thứ thành hàng hóa, mà làm cho những giá trị ấy được nhìn thấy và tiếp tục sống. Một sản phẩm có thể được bán đi, nhưng câu chuyện của nó phải được giữ lại.

Khởi nghiệp ở quê cũng không chỉ là câu chuyện của một cá nhân. Một người trẻ có thể bắt đầu bằng ý tưởng, nhưng để đi xa cần cả cộng đồng. Một sản phẩm dù tốt vẫn khó phát triển nếu mỗi người làm một kiểu. Một vùng quê khó trở thành điểm đến nếu từng nhà chỉ lo phần sân của mình.

Vì vậy, người trẻ trở về không chỉ để làm chủ một cơ sở kinh doanh, mà còn để kết nối người trồng với thị trường, tri thức bản địa với khoa học hiện đại, sản phẩm với câu chuyện, người dân với nhau.

Khởi nghiệp không nhất thiết bắt đầu bằng câu hỏi: “Minh sẽ bán gì?”. Có khi nên bắt đầu bằng câu hỏi: “Quê mình đang có điều gì chưa được đánh thức?”. Một khu đất bỏ hoang. Một món ăn sắp thất truyền. Một nghề thiếu người nối tiếp. Một nhóm phụ nữ cần thêm việc làm.

Nhìn thấy vấn đề cũng là nhìn thấy cơ hội.

Nhưng cơ hội ở quê không phải để khai thác đến cạn kiệt. Người trẻ cần tạo ra giá trị mà không làm tổn thương nguồn lực đã nuôi dưỡng mình. Trở về là nhận lấy một phần trách nhiệm với đất, với nước, với ký ức, với những người đang sống hôm nay và những người sẽ sống ở đây mai sau.

Người trẻ trở về không chỉ để tìm một nơi ít cạnh tranh hơn. Người trẻ trở về để cùng làm cho quê hương trở thành nơi đáng sống hơn. Đáng sống không có nghĩa là phải giống thành phố. Miền quê đáng sống cần môi trường lành mạnh, dịch vụ thuận tiện, văn hóa được gìn giữ và cơ hội để người dân sống được bằng nghề của mình.

Ngày nay, một chiếc điện thoại có thể kết nối người sản xuất với khách hàng ở rất xa. Một sản phẩm nhỏ có thể bước vào thị trường lớn nếu được làm tử tế và kể đúng câu chuyện. Nhưng công nghệ chỉ là công cụ.

Điều giữ người trẻ ở lại vẫn là niềm tin rằng công sức của mình có ý nghĩa, rằng quê hương lắng nghe những ý tưởng mới và người đi trước sẵn lòng chia sẻ.

Dĩ nhiên, không phải người trẻ nào cũng cần trở về. Có người phù hợp với thành phố, có người cần đi xa hơn nữa. Điều quan trọng không phải là buộc người trẻ ở lại, mà là để mỗi người có quyền lựa chọn.

Đi mà không quên đường về.

Ở lại mà không cảm thấy thua kém.

Trở về mà không bị xem là thất bại.

Một miền quê thật sự có tương lai không phải là miền quê giữ được tất cả người trẻ. Đó là miền quê khiến người đi xa vẫn muốn đóng góp, khiến người trở về tìm thấy cơ hội, và khiến thế hệ tiếp theo không phải rời đi chỉ vì không còn lựa chọn nào khác.

Một buổi chiều, giữa khu vườn, người trẻ cầm điện thoại kiểm tra độ ẩm của đất, trả lời khách hàng ở một thành phố xa. Bên cạnh, người cha chậm rãi chỉ cho con cách nhìn màu lá để đoán sức khỏe của cây.

Hai thế hệ đứng giữa khu vườn.

Một người giữ kỷ ức.

Một người mở tương lai.

Và có lẽ, khởi nghiệp ở miền quê bắt đầu từ khoảnh khắc ấy: Khi người trẻ nhận ra con đường đi tới ngày mai không nhất thiết phải rời xa nơi mình đã bắt đầu.

BÀI 14

BỮA CƠM ĐÁM GIỖ Ở QUÊ

Nơi vốn xã hội được vun bồi

Có những điều chỉ khi ngồi xuống thật lâu giữa một miền quê, người ta mới nhận ra giá trị của nó. Một bữa cơm đám giỗ là một điều như vậy.



Thoạt nhìn, đó chỉ là ngày con cháu trở về thấp nén nhang cho người đã khuất. Mái nhà đông hơn thường lệ. Gian bếp đỏ lửa từ sớm. Vài chiếc bàn được kê thêm ngoài sân. Tiếng gọi nhau í ới, tiếng chén đĩa lách cách, mùi khói bếp quyện với mùi nhang, những câu chuyện cũ mới đan vào nhau.

Nhưng nhìn kỹ hơn, bữa cơm đám giỗ ở quê không chỉ là chuyện của một gia đình. Đó còn là nơi một cộng đồng tự nhắc mình rằng con người không sống riêng lẻ. Mỗi người có một mái nhà, một hành trình, nhưng sâu trong ký ức vẫn có một lối nhỏ để quay về.

Ngày giỗ, người đi xa trở về. Người ở gần ghé phụ. Người rửa rau, người nhóm bếp, người dựng rạp, người kê bàn ghế, người đón khách. Không ai hỏi mình được trả bao nhiêu. Không ai ký một bản phân công. Mọi việc cứ thế vận hành bằng tình nghĩa, bằng một thứ tài sản vô hình đã được tích lũy từ nhiều năm: Sự tin cậy.

Hôm nay nhà này có việc, cả xóm sang phụ. Ngày mai nhà khác cần, những bàn tay ấy lại có mặt. Không ghi thành sổ nhưng người ta nhớ. Không buộc bằng giấy tờ nhưng người ta giữ. Đó là cách vốn xã hội được hình thành trong làng quê: Chậm rãi, âm thầm, qua những việc tưởng rất nhỏ.

Lâu nay, nhắc đến vốn, người ta thường nghĩ đến tiền, đất đai, máy móc, tri thức, nhân lực. Nhưng có một thứ vốn không nằm trong ngân hàng, không hiện trên bảng cân đối kế toán, mà nhiều khi lại quyết định một cộng đồng có thể đứng vững hay không. Đó là *niềm tin giữa người với người*.

Một tổ hợp tác muốn hình thành, trước khi có nhà kho và máy móc, phải có người tin nhau. Một hợp tác xã muốn đi đường dài, trước khi tăng vốn điều lệ, phải tích lũy vốn

niềm tin giữa các thành viên. Một vùng quê muốn làm du lịch cộng đồng, trước khi xây cổng chào hay chỉnh trang cảnh quan, phải có tinh thần cùng làm, cùng hưởng, cùng giữ gìn.

Những điều ấy không bắt đầu từ các chương trình lớn. Chúng bắt đầu từ lời chào mỗi sáng, từ việc đã hứa thì cố gắng làm, từ sự ngay thẳng trong mua bán, từ cách ứng xử với hàng xóm khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Và đôi khi, chúng bắt đầu từ một bữa cơm đám giỗ.

Trong tiếng trò chuyện quanh mâm cơm, những sợi dây cộng đồng được nối lại. Người già kể chuyện ngày trước. Người trẻ nghe chuyện nguồn cội. Trẻ con học cách nhận mặt bà con. Người lâu ngày không gặp hỏi nhau chuyện gia đình, mùa màng, học hành, việc làm. Có những khoảng cách được kéo gần. Có những hiểu lầm nhẹ đi sau một lời hỏi thăm chân thành.

Mỗi lần gặp gỡ là một lần cộng đồng gửi thêm vào “ngân hàng niềm tin” của mình. Mỗi lần cùng lo một công việc là một lần người ta hiểu nhau hơn. Chính từ những dịp như thế, làng quê duy trì được khả năng nương tựa, phối hợp và cùng hành động.

Đám giỗ vì thế giống như một trường học xã hội không có bảng đen và phấn trắng. Trẻ con học lòng biết ơn trước bàn thờ tổ tiên. Người trẻ học trách nhiệm khi phụ một tay.

Người trưởng thành học cách sẻ chia. Người già truyền lại những giá trị đã được chắt lọc qua bao mùa mưa nắng. Không ai gọi đó là giờ học, nhưng bài học vẫn đi vào mỗi người một cách tự nhiên.

Nhưng càng đi nhanh, càng cần giữ những điều giúp cộng đồng không bị rời rạc. Bởi một miền quê không chỉ sống bằng hạ tầng cứng. Nó còn được nâng đỡ bởi hạ tầng mềm: niềm tin, tình nghĩa, sự hợp tác, những không gian để con người còn muốn gặp nhau và còn có điều để nói với nhau.

Một cây cầu nối hai bờ sông. Một con đường nối những xóm làng. Một đường truyền internet nối miền quê với thế giới. Còn một bữa cơm đầm giỗ có thể nối người đang sống với người đã khuất, nối người đi xa với nơi chôn nhau cắt rốn, nối một thế hệ với những thế hệ trước và sau mình.

Phát triển nông thôn vì vậy không chỉ là xây thêm công trình hay tăng thêm thu nhập. Phát triển còn là làm cho cộng đồng mạnh hơn. Một cộng đồng mạnh không nhất thiết là nơi có nhiều nhà cao tầng, mà là nơi khi một gia đình gặp khó, có người đến gõ cửa; khi một ý tưởng mới xuất hiện, có người sẵn lòng góp sức; khi có khác biệt, người ta vẫn có thể ngồi lại bên nhau.

Đó cũng là nền tảng để làng quê bước vào thời đại mới. Một cộng đồng có niềm tin sẽ dễ hình thành hợp tác xã tốt hơn. Một xóm làng biết cùng làm sẽ dễ xây dựng sản phẩm

chung, thương hiệu chung, không gian du lịch chung. Một vùng quê biết trân trọng ký ức sẽ có câu chuyện để kể cho du khách, cho thị trường và cho chính con cháu mình.

Bữa cơm đám giỗ vì vậy không phải là hình ảnh của một miền quê chỉ biết ngoái nhìn quá khứ. Đó có thể là nơi quá khứ được gìn giữ để nâng đỡ tương lai. Tưởng nhớ người đi trước không phải để níu bước người đang sống, mà để nhắc mỗi người biết giữ lấy gốc rễ trong khi mở lòng đón điều mới.

Ngồi xuống giữa một miền quê, đôi khi mới hiểu rằng phát triển không chỉ là mở thêm những con đường mới, mà còn là giữ cho con đường từ người này đến người khác không bị đứt gãy. Trước khi có vốn tài chính, thường đã có vốn xã hội. Trước khi có hợp tác xã, thường đã có sự hợp tác. Trước khi có một kế hoạch lớn, thường đã có những con người biết tin nhau và nương tựa vào nhau.

Và nhiều khi, sức sống của một vùng đất không bắt đầu từ một dự án thật lớn. Nó bắt đầu từ một lời hỏi thăm, một bàn tay phụ giúp, một lần trở về, một cuộc gặp gỡ dưới mái nhà quen.

Hay từ một mâm cơm đám giỗ, nơi những người đang sống cùng nhau gìn giữ ký ức của người đã khuất, rồi từ ký ức ấy vun thêm niềm tin, sự tử tế và hy vọng cho ngày mai.

BÀI 15

CHUYỆN HÙN HẠP LÀM ĂN

Chiết tự chữ “hợp tác”

Có lần, ngồi uống trà với mấy bác nông dân bên hiên nhà nhìn ra cánh đồng, câu chuyện quanh quẩn từ giá phân bón, tiền thuê nhân công, đến chuyện đầu ra lúc được mùa. Một bác chậm rãi nói: “Chắc phải tính chuyện hùn hạp làm ăn với nhau thôi”.

Câu nói nghe nhẹ tênh, như chuyện nhà này góp cái xuồng, nhà kia góp cái máy, vài người góp tiền mua chung vật tư. Vậy mà nghĩ kỹ, trong hai chữ dân đã ẩn lại chứa đựng cả một triết lý về cách con người nương tựa vào nhau mà sống, mà làm ăn, mà đi qua những lúc thị trường chao đảo.



Bây giờ, người ta thường nói đến liên kết sản xuất, chuỗi giá trị, kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Toàn những khái niệm đúng đắn, bài bản, cần thiết. Nhưng với người dân quê, đôi khi tất cả được gói lại trong hai chữ giản dị: hùn hạp.

“Hùn” là góp lại.

Người có tiền góp tiền. Người có đất góp đất. Người có kinh nghiệm góp kinh nghiệm. Người khỏe mạnh góp sức. Người rành thị trường góp mối quan hệ. Người lớn tuổi có thể góp sự từng trải. Người trẻ tuổi góp kiến thức mới, công nghệ mới, cách nhìn mới. Không ai có tất cả. Nhưng hầu như ai cũng có một điều gì đó để góp vào.

Một người có vài công đất, tự mình mua máy móc thì không kham nổi. Nhiều người hùn lại có thể mua chung một chiếc máy. Một hộ làm ra vài tấn nông sản khó thương lượng với doanh nghiệp. Nhiều hộ cùng làm theo một quy trình, cùng thu hoạch đúng thời điểm, cùng tạo nên một sản lượng đủ lớn thì tiếng nói đã khác.

Hùn lại, cái nhỏ có thể thành lớn. Cái rời rạc có thể thành quy mô. Cái yếu thế có thể có thêm sức mạnh. Nhưng hùn chưa chắc đã đi được lâu. Bởi sau chữ “hùn” còn một chữ quan trọng hơn: chữ “hạp”.

“Hạp” là hợp nhau.

Không chỉ hợp về lợi ích, mà còn hợp về cách nghĩ. Hợp cách làm. Hợp lời ăn tiếng nói. Hợp trong việc giữ chữ tín. Hợp cả khi thuận lợi lẫn lúc khó khăn.

Có những người rất muốn hùn vốn với nhau, nhưng lại không hợp tính. Người muốn làm nhanh, người muốn làm chắc. Người nhìn về lợi ích lâu dài, người chỉ mong thu lời trước mắt. Người sẵn sàng công khai sổ sách, người lại ngại minh bạch. Khi chưa bán được hàng thì cùng động viên nhau. Đến khi có lợi nhuận, mỗi người bắt đầu tính phần hơn về mình.

Bởi vậy, góp tiền có khi không khó. Góp lòng mới khó. Nhiều cuộc hùn hạp đổ vỡ không phải vì thiếu vốn, thiếu đất hay thiếu kỹ thuật, mà vì thiếu lắng nghe. Thiếu chia sẻ. Thiếu sự minh bạch. Và trên hết, thiếu lòng tin.

Người ta có thể ngồi với nhau để ký một bản hợp đồng chỉ trong một buổi. Nhưng để thật sự tin nhau, có khi phải mất nhiều mùa vụ. Một lời hứa không giữ có thể làm tan đi niềm tin được vun đắp suốt nhiều năm. Một sự không rõ ràng trong chia lợi nhuận có thể khiến những người từng là hàng xóm thân thiết trở nên dè chừng nhau.

Ngẫm ra, hùn hạp là một mối quan hệ hai chiều. Muốn hùn được với nhau, trước hết phải hợp. Nhưng muốn biết có thật sự hợp hay không, lại phải cùng hùn vào một việc cụ thể. Cùng làm, cùng chịu trách nhiệm, cùng bước qua những

lúc khó khăn, người ta mới hiểu nhau hơn. Chữ “hạp” vì thế không phải là điều có sẵn. Nó được tạo ra bằng thời gian, bằng trải nghiệm và bằng cách người ta đối xử với nhau.

Ngày trước ở làng quê, mùa gặt đến, nhà này sang giúp nhà kia. Hôm nay gặt ruộng bên này, ngày mai cả nhóm kéo sang ruộng bên khác. Không hợp đồng. Không bằng chấm công. Không tính toán từng giờ. Chỉ có lời hẹn và sự tin cậy.

Khi con đường làng bị lấy, mỗi nhà góp vài ngày công, người góp tre, người góp đá. Khi cây cầu nhỏ bị hư, người có tiền góp tiền, người biết nghề góp sức. Nhà nào có đám giỗ, đám cưới, hàng xóm sang dựng rạp, nấu ăn, dọn dẹp. Đến mùa nước lớn, cùng nhau đắp bờ, giữ ruộng, cứu lúa.

Đó cũng là hùn hạp. Chỉ khác là sự hùn hạp ngày xưa nhiều khi không được gọi thành tên. Nó tồn tại trong nếp làng, trong tình xóm giềng, trong suy nghĩ rằng hôm nay mình giúp người, mai kia người sẽ giúp lại mình. Không phải sự trao đổi nào cũng quy thành tiền. Có những món nợ được trả bằng nghĩa tình.

Kinh tế thị trường làm cho mọi thứ ngày càng rõ ràng hơn. Công sức được tính thành chi phí. Vốn góp được quy thành tỷ lệ. Lợi nhuận được phân chia theo quy định. Điều đó là cần thiết, bởi hợp tác muốn bền vững không thể chỉ dựa vào sự cả nể. Nhưng nếu mọi thứ chỉ còn lại những con số, sự hợp tác cũng dễ trở nên lạnh lẽo.

Một hợp tác xã không chỉ là nơi gom sản lượng. Một tổ hợp tác không chỉ là cách mua vật tư với giá thấp hơn. Một chuỗi liên kết không chỉ là những hợp đồng nối từ người sản xuất đến doanh nghiệp. Đằng sau tất cả vẫn là những con người có niềm vui, nỗi lo, lòng tự trọng và những kỳ vọng riêng.

Hợp tác, vì vậy, không bắt đầu từ tờ giấy. Nó bắt đầu từ việc mỗi người chấp nhận rằng mình không thể làm mọi thứ một mình.

Một hộ nông dân có thể rất giỏi trồng trọt, nhưng chưa chắc giỏi bán hàng. Một doanh nghiệp có thể giỏi thị trường, nhưng không thể tạo ra sản phẩm nếu thiếu người nông dân. Một nhà khoa học có thể đưa ra quy trình tiên tiến, nhưng quy trình ấy chỉ trở thành giá trị khi được tiếp nhận trên đồng ruộng. Chính quyền có thể kiến tạo chính sách, nhưng chính sách chỉ thật sự sống động khi cộng đồng cùng tham gia.

Mỗi người chỉ giữ một phần của câu trả lời. Khi biết hùn những phần ấy lại, một con đường mới mới có thể mở ra.

Nhìn ruộng lúa, đôi khi thấy cây lúa đứng riêng lẻ rất dễ bị gió quạt ngã. Nhưng cả ruộng lúa nương vào nhau lại có thể đi qua một cơn giông. Người nông dân sản xuất riêng lẻ cũng vậy. Chỉ một biến động giá cả, một vụ mùa thất bát,

một thay đổi tiêu chuẩn thị trường cũng có thể làm một hộ gia đình lao đao.

Khi biết liên kết, cái rủi ro của một người có thể được cộng đồng chia sẻ. Cái kinh nghiệm của người này có thể giúp người khác tránh sai lầm. Cái sáng kiến nhỏ ở một thửa ruộng có thể trở thành cách làm mới cho cả vùng.

Nhiều nơi nói đến việc đưa công nghệ cao, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo vào nông nghiệp. Đó là hướng đi không thể chậm trễ. Nhưng trước khi kết nối thiết bị, có lẽ cần kết nối con người. Trước khi đưa dữ liệu lên đám mây, cần đưa niềm tin vào cộng đồng. Trước khi xây dựng một nền tảng số, cần xây dựng một nền tảng hợp tác.

Công nghệ có thể giúp truy xuất nguồn gốc, dự báo thời tiết, quản lý mùa vụ và tìm kiếm thị trường. Nhưng công nghệ không thể thay thế chữ tín. Một ứng dụng hiện đại đến đâu cũng không thể vận hành tốt nếu người tham gia không cung cấp dữ liệu trung thực. Một chuỗi cung ứng được số hóa đến đâu cũng có thể đứt gãy nếu mỗi người chỉ nghĩ đến phần lợi của mình.

Lòng tin cũng là một loại vốn.

Có khi đó là loại vốn quan trọng nhất, bởi khi có lòng tin, người ta mới dám góp tiền, góp đất, góp công, góp ý tưởng. Khi lòng tin đủ lớn, doanh nghiệp mới dám ký hợp đồng dài hạn. Ngân hàng mới mạnh dạn cho vay. Nhà khoa

học mới yên tâm chuyên giao công nghệ. Người trẻ mới muốn trở về quê khởi nghiệp. Còn khi lòng tin chưa có, dù được hỗ trợ bao nhiêu nguồn lực, cuộc hùn hạp vẫn có thể tan rã sau một mùa vụ.

Ngồi xuống giữa một miền quê, nghe câu chuyện hùn hạp làm ăn, mới thấy đó không chỉ là một cách nói dân dã. Đó còn là một thứ vốn văn hóa đã được tích lũy qua bao thế hệ.

Vốn văn hóa ấy không nằm trong kho, không ghi trong sổ sách, nhưng hiện diện trong lời hứa được giữ, trong việc khó cùng gánh, trong cách người ta nhường nhau một phần lợi ích để giữ lấy con đường dài.

Có lẽ, một nền nông nghiệp hiện đại, xanh và bền vững không chỉ được dựng nên từ máy móc, công nghệ hay những nguồn vốn lớn. Nó còn bắt đầu từ những điều rất nhỏ: một cuộc trò chuyện thành thật, một bản thỏa thuận minh bạch, một lời hứa được thực hiện, một lần biết đặt lợi ích chung bên cạnh lợi ích riêng.

Hùn với nhau một phần nguồn lực.

Hạp với nhau một cách nghĩ.

Rồi từ những điều giản dị ấy, người ta không chỉ làm ra một mùa vụ tốt hơn, mà còn cùng nhau tạo dựng một tương lai chung cho miền quê.

BÀI 16

HỘI QUÁN DƯỚI GỐC CÂY

Nơi nông dân học cách đối thoại

Giữa một miền quê, thường có một gốc cây mà người ta vẫn quen tìm đến.

Có thể là cây me bên bờ sông, cây xoài trước sân nhà văn hóa, hay cây đa đã đứng đó từ những ngày con đường còn là lối đất. Không ai đặt tên cho nơi ấy. Cũng chẳng có quyết định nào chọn đó làm chỗ hội họp. Vậy mà mỗi khi có chuyện mùa màng, giá cả, nước lên, sâu bệnh, người ta lại kéo ghế ra ngồi.



Người đến trước pha ấm trà. Người đến sau kê thêm chiếc ghế. Có người vừa từ ngoài ruộng về, ống quần còn vương bùn. Có người ghé ngang sau buổi chợ. Có bác lớn tuổi ngồi lặng lẽ, lâu lâu mới góp một câu. Có người trẻ cầm điện thoại, mở cho mọi người xem một giống cây mới, một cách làm mới vừa học được.

Từ những cuộc ngồi lại giản dị như vậy, Hội quán ra đời.

Không công lớn. Không phòng họp riêng. Không bàn chủ tọa cao hơn những chiếc bàn còn lại. Chỉ có mái che, vài bộ bàn ghế, ấm trà nóng và những con người cùng sống trên một miền đất, cùng nhìn về một cánh đồng, cùng lo một dòng nước. Nhưng điều làm nên Hội quán không phải là mái nhà hay tấm bảng treo phía trước.

Điều làm nên Hội quán là người ta chịu ngồi xuống với nhau.

Ngồi xuống nghe tưởng dễ, nhưng đôi khi lại là việc khó nhất.

Khi đứng ở vị trí của mình, ai cũng nhìn thấy phần đúng của mình. Chỉ khi ngồi thành một vòng tròn, người ta mới nhận ra còn có những phần đúng khác. Người trồng lúa nghĩ về năng suất. Người làm vườn nghĩ về mùa trái chín. Doanh nghiệp nghĩ về tiêu chuẩn. Nhà khoa học nghĩ về quy trình.

Chính quyền nghĩ về quy hoạch. Mỗi người mang theo một mối bận tâm.

Nếu ai cũng chỉ nói phần của mình, cuộc gặp sẽ trở thành nơi những tiếng nói đi ngang qua nhau. Nhưng khi biết hỏi thêm một câu, biết chờ người khác nói hết, biết thử nhìn sự việc từ phía bên kia, những câu chuyện riêng mới có thể gặp nhau thành một câu chuyện chung.

Đó là lúc đối thoại bắt đầu.

Đối thoại không phải là nhiều người cùng nói. Đối thoại là khi lời nói của người này làm người khác suy nghĩ. Là khi một câu hỏi không nhằm làm khó, mà giúp cùng nhìn vấn đề rõ hơn. Là khi người ta có thể chưa đồng ý, nhưng vẫn tôn trọng nhau; có thể tranh luận, nhưng không làm tổn thương nhau; có thể giữ quan điểm riêng, nhưng vẫn tìm được một phần chung để cùng bước tiếp.

Người nông dân vốn quen chuyện trò. Ngoài đồng, bên bờ kênh, trong đám giỗ, ở quán cà phê đầu xóm, câu chuyện có thể kéo dài từ sáng đến trưa. Nhưng chuyện trò và đối thoại không hoàn toàn giống nhau.

Chuyện trò có khi chỉ để vui nổi lòng. Đối thoại là để tìm ra một cách làm.

Chuyện trò có thể dừng ở chuyện năm nay giá thấp, vật tư cao, thời tiết thất thường. Đối thoại phải đi thêm một

bước: Vì sao giá thấp? Vì sao chi phí cao? Có thể thay đổi điều gì? Ai sẽ cùng làm? Bắt đầu từ đâu?

Chính những câu hỏi ấy làm Hội quán khác với một cuộc họp thông thường.

Trong một cuộc họp, người ta thường chờ nghe thông báo, phổ biến chủ trương, giao nhiệm vụ. Còn trong Hội quán, người nông dân không chỉ đến để nghe. Người nông dân đến để nói lên điều mình biết, điều mình lo và điều mình muốn thay đổi.

Có bác kể rằng đất trong vườn ngày càng chai cứng. Người khác nói nhà mình cũng vậy, nhưng từ khi giảm phân hóa học, giữ cỏ và dùng phân hữu cơ thì đất mềm hơn. Một người trẻ mở điện thoại cho mọi người xem cách đo độ ẩm. Bác lớn tuổi chậm rãi kể cách cha ông nhìn màu lá, nhìn kiến bò mà đoán mưa.

Kinh nghiệm cũ gặp kiến thức mới. Sự từng trải gặp công nghệ. Không bên nào phủ nhận bên nào. Mỗi người góp một mảnh hiểu biết để tạo nên bức tranh đầy đủ hơn.

Có cuộc đối thoại bắt đầu từ chuyện rất nhỏ: Con đường vào ruộng quá hẹp, xe thu mua không vào được. Người này nói phải chờ Nhà nước. Người kia hỏi, nếu mỗi hộ lùi hàng rào một chút thì sao. Có người ngần ngại vì sợ mất đất. Có người tính toán xem phần đất mất đi có thể được bù lại bằng chi phí vận chuyển giảm xuống hay không.

Cuộc nói chuyện có thể chưa kết thúc trong một buổi, nhưng một hạt giống đã được gieo xuống. Người ta bắt đầu hiểu rằng việc chung không thể chỉ chờ người khác làm. Cộng đồng không phải là khái niệm ở đâu xa. Cộng đồng chính là những người đang ngồi quanh ấm trà ấy, cùng chịu một bất tiện và cùng có khả năng tạo ra thay đổi.

Cũng có những buổi Hội quán không vui.

Người này trách người kia phun thuốc không đúng lúc, làm ảnh hưởng cả vùng. Có hộ cho rằng quy trình chung quá khắt khe. Người khác băn khoăn chuyện lợi ích chưa công bằng. Có lời nói khiến ai đó chạnh lòng. Có lúc không khí trở nên nặng nề. Nhưng giá trị của Hội quán không nằm ở chỗ mọi người luôn đồng ý.

Giá trị nằm ở chỗ khi chưa đồng ý, người ta vẫn còn một nơi để trở lại. Còn ngồi được với nhau thì còn có thể nói. Còn nói được với nhau thì còn có thể hiểu. Còn hiểu nhau thì vẫn có cơ hội tìm ra cách giải quyết.

Nhiều cộng đồng rạn vỡ không phải vì vấn đề quá lớn, mà vì người ta không còn muốn nghe nhau nữa. Mỗi người mang bức xúc về nhà. Những lời chưa nói dần thành nghi ngờ. Nghi ngờ lâu ngày thành khoảng cách.

Hội quán giữ cho những khoảng cách ấy không lớn thêm.

Ấm trà không thể làm giá nông sản tăng lên. Một buổi ngồi lại cũng không thể khiến thiên tai dừng lại. Nhưng từ những lần gặp gỡ, lòng tin được bồi đắp. Người ta biết nhà bên cạnh đang khó ở đâu. Biết doanh nghiệp cần tiêu chuẩn nào. Biết chính quyền có thể hỗ trợ việc gì và việc gì cộng đồng phải tự làm.

Khi hiểu nhau, người ta bớt đổ lỗi.

Khi bớt đổ lỗi, người ta bắt đầu tìm giải pháp.

Ở Hội quán, người nông dân còn học cách đặt câu hỏi.

Trước đây, có người nghĩ rằng mình chỉ cần trồng cây, nuôi con vật cho thật tốt. Đầu ra đã có thương lái lo. Thị trường ở đâu, người tiêu dùng cần gì, sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn nào là chuyện của người khác.

Nhưng thị trường đã khác. Người mua không chỉ hỏi trái cây có ngon hay không, mà còn hỏi được trồng ở đâu, bằng cách nào, có an toàn không, có bảo vệ môi trường không. Một mùa vụ không còn chỉ phụ thuộc vào nắng mưa, mà còn phụ thuộc vào thông tin, dữ liệu, tiêu chuẩn và niềm tin của người tiêu dùng.

Người nông dân trong Hội quán bắt đầu hỏi: Chúng ta đang bán cái mình có, hay làm ra cái thị trường cần? Vì sao cùng một loại trái cây, nơi này bán được giá cao hơn nơi kia? Có thể cùng mua vật tư để giảm chi phí không? Có thể cùng

xây dựng vùng nguyên liệu không? Có thể kể câu chuyện về miền đất và con người phía sau sản phẩm không?

Mỗi câu hỏi mở ra một cánh cửa.

Người nông dân không còn chỉ chờ câu trả lời từ cán bộ, chuyên gia hay doanh nghiệp. Người nông dân trở thành người chủ động đi tìm lời giải cho sinh kế của mình. Khi biết đối thoại, người ta cũng học cách chấp nhận sự khác biệt.

Trong một Hội quán, không phải ai cũng có cùng điều kiện. Nhà nhiều đất, nhà ít đất. Người mạnh vốn, người thiếu vốn. Người nhanh nhạy với công nghệ, người còn ngại chiếc điện thoại thông minh. Có người muốn thay đổi thật nhanh. Có người cần thêm thời gian để tin.

Không thể bắt tất cả cùng bước một nhịp.

Cộng đồng không phải là nơi xóa bỏ mọi khác biệt. Cộng đồng là nơi những khác biệt có thể đứng cạnh nhau mà không làm nhau chia rẽ. Người đi trước kéo người đi sau. Người biết nhiều chia sẻ với người biết ít. Người còn hoài nghi được quyền hỏi cho đến khi thấy thuyết phục.

Đối thoại không làm tất cả trở nên giống nhau. Đối thoại giúp những người khác nhau vẫn có thể cùng làm một việc chung.

Dưới gốc cây ấy còn có tiếng nói của phụ nữ và người trẻ.

Ban đầu, có người phụ nữ chỉ ngồi bên ngoài, rót trà và lắng nghe. Nhưng khi câu chuyện chuyển sang chế biến nông sản, làm món ăn quê, đón khách tham quan, tiếng nói từ vòng ngoài bắt đầu cất lên. Hóa ra người phụ nữ nắm giữ nhiều tri thức: cách chọn trái ngon, giữ hạt giống, chế biến món ăn, tính toán từng khoản chi nhỏ nhất.

Rồi người trẻ trở về, mang theo kiến thức về thiết kế, truyền thông, thương mại điện tử. Người trẻ nhìn thấy những điều người lớn đã quá quen nên không còn nhận ra: một hàng cây cổ thụ, một món ăn dân dã, một câu chuyện khai phá vùng đất, một mùa hoa nở cũng có thể trở thành tài sản. Nhưng người trẻ cũng phải học cách lắng nghe người già. Một dữ liệu trên màn hình không thể thay thế hoàn toàn kinh nghiệm của người đã đi qua mấy chục mùa mưa nắng.

Hội quán trở thành nơi các thế hệ gặp nhau. Người già trao lại ký ức. Người trẻ mang đến tương lai. Còn hiện tại được tạo nên từ cuộc đối thoại giữa hai phía.

Ngồi xuống giữa một miền quê, nhìn những người nông dân quây quần dưới gốc cây, chợt hiểu rằng phát triển không phải lúc nào cũng bắt đầu từ một công trình lớn. Có khi nó bắt đầu từ việc kê những chiếc ghế thành vòng tròn.

Từ việc người nói nhiều biết nói ít lại. Người ít nói được mời cất lời. Người đang giận vẫn chịu ngồi thêm một

lúc. Người cho rằng mình đúng bắt đầu tự hỏi liệu còn một cách nhìn nào khác.

Hội quán không chỉ giúp người nông dân học kỹ thuật hay tìm đầu ra. Hội quán giúp người nông dân học cách làm chủ tiếng nói của mình, đồng thời biết dành chỗ cho tiếng nói của người khác. Đó cũng là cách một cộng đồng trưởng thành.

Một miền quê đáng sống không chỉ là nơi có đường rộng, nhà đẹp, ruộng vườn xanh tốt. Đó còn là nơi người ta có thể nói với nhau những điều khó nói, nghe nhau cả khi chưa đồng thuận và cùng tìm câu trả lời cho những vấn đề chung.

Gốc cây rồi sẽ già thêm. Mái Hội quán có thể được sửa sang khang trang hơn. Điện thoại thông minh, màn hình và dữ liệu có thể xuất hiện trong mỗi buổi sinh hoạt. Nhưng có một điều không nên thay đổi. Đó là vòng tròn của những người biết ngồi xuống ngang hàng với nhau.

Ở nơi ấy, không ai chỉ là người nghe. Không ai luôn là người nói. Mỗi người vừa mang đến một câu chuyện, vừa học từ câu chuyện của người khác.

Và từ những cuộc đối thoại tưởng như bình dị dưới một gốc cây, một miền quê bắt đầu học cách tự tìm đường đi cho mình.

BÀI 17

KHI HÀNG XÓM TRỞ THÀNH ĐỐI TÁC

Từ cộng đồng cư trú sang cộng đồng kinh tế

Ở quê, người ta sống gần nhau trước khi nghĩ đến chuyện làm ăn với nhau.

Nhà bên này biết nhà bên kia trông giống gì. Ai mới mua chiếc máy cày. Vườn nào sắp thu hoạch. Ruộng nào bị sâu bệnh. Nhà ai có chuyện vui, chuyện buồn. Một tiếng gọi qua hàng rào, một cái hẹn ngoài đầu ngõ, một buổi ngồi lại bên ấm trà cũng đủ để biết làng xóm đang có chuyện gì.



Sự gần gũi ấy làm nên một cộng đồng cư trú.

Người ta cùng sống trên một vùng đất, cùng đi một con đường, cùng uống một nguồn nước, cùng chịu nắng mưa, cùng chứng kiến mùa màng được mất. Khi có đám cưới, đám giỗ, đám tang, người trong xóm tự tìm đến. Nhà ai gặp chuyện, người có công góp công, người có của góp của.

Nhưng khi bước vào chuyện làm ăn, sự gần gũi ấy đôi khi lại dừng trước cổng nhà. Nhà này trông theo cách nhà này. Nhà kia bán cho thương lái quen. Mỗi người tự mua vật tư, tự thuê nhân công, tự tìm đầu ra, tự gánh lấy rủi ro. Ngoài đường vẫn chào nhau, trong đám vẫn ngồi cạnh nhau, nhưng bước vào mùa vụ thì lại mạnh ai nấy làm.

Một xóm có thể rất đông người làm cùng một nghề, nhưng chưa chắc đã tạo thành một cộng đồng kinh tế.

Sống gần nhau chưa chắc đã làm cùng nhau

Có những vùng quê, hàng chục năm nay cùng trồng một loại cây, nuôi một loại con. Nhà nào cũng có kinh nghiệm, cũng chịu khó. Nhưng vì mỗi nhà sản xuất một kiểu, sử dụng giống khác nhau, quy trình khác nhau, thu hoạch khác thời điểm, nên sản phẩm làm ra khó đồng đều.

Thương lái đi từng nhà, trả từng giá. Người bán trước không biết người bán sau được bao nhiêu. Người được giá thì vui riêng. Người mất giá thì buồn riêng. Khi thị trường thuận lợi, ai cũng nghĩ mình giỏi. Khi giá xuống thấp, lại trách thương lái, trách thị trường, trách thời tiết.

Ít khi người ta ngồi lại để hỏi: Nếu cùng mua vật tư thì có giảm được giá không? Nếu cùng thống nhất quy trình thì sản phẩm có đồng đều hơn không? Nếu cùng thu hoạch, sơ chế, đóng gói thì có thể bán cho khách hàng lớn hơn không?

Những câu hỏi ấy chạm vào một điều rất sâu: **Niềm tin**.

Hàng xóm tin nhau trong việc làng, việc xóm, nhưng chưa chắc tin nhau trong chuyện tiền bạc. Có thể cho nhau mượn cái cuốc, chiếc xường, nhưng khi góp vốn làm ăn thì bắt đầu e dè. Sợ người làm nhiều, người làm ít. Sợ tiền bạc không minh bạch. Sợ cuối cùng mất cả vốn lẫn tình làng nghĩa xóm.

Nỗi lo ấy không phải không có lý. Bởi cộng đồng tình cảm được vận hành bằng sự tự nguyện và bao dung. Cộng đồng kinh tế lại cần thêm nguyên tắc, trách nhiệm, sổ sách, phân chia lợi ích và cách giải quyết bất đồng.

Muốn hàng xóm trở thành đối tác, chỉ có tình là chưa đủ. Cần cả cách làm.

Từ “tôi làm” sang “chúng ta cùng làm”

Trong sản xuất nhỏ, mỗi gia đình quen tự quyết định mọi việc. Trồng giống gì, bón phân lúc nào, bán cho ai đều là chuyện riêng. Cách làm ấy tạo cảm giác chủ động, nhưng cũng khiến mỗi người trở nên nhỏ bé trước thị trường.

Một hộ có thể làm ra vài tấn nông sản. Một xóm có thể làm ra hàng trăm tấn. Nhưng nếu không tổ chức lại, thị trường vẫn chỉ nhìn thấy những hộ nhỏ lẻ. Nhỏ lẻ không chỉ vì diện tích nhỏ. Nhỏ lẻ còn là tư duy riêng lẻ.

Khi mỗi người mua một ít vật tư, giá mua thường cao. Khi mỗi nhà thu hoạch một thời điểm, sản lượng không đủ lớn để thương lượng. Khi chất lượng không đồng đều, khách hàng khó ký hợp đồng dài hạn. Khi xảy ra rủi ro, từng hộ tự gánh chịu.

Ngược lại, khi cùng thống nhất giống, quy trình, lịch mùa vụ và tiêu chuẩn chất lượng, nhiều khu vườn nhỏ có thể trở thành một vùng nguyên liệu lớn. Khi cùng mua vật tư, có thể giảm chi phí. Khi cùng sơ chế, đóng gói, sản phẩm có hình thức đồng nhất hơn. Khi cùng thương lượng, tiếng nói mạnh hơn.

Sự thay đổi không nằm ở việc ai phải từ bỏ mảnh vườn hay quyền sở hữu của mình. Mỗi nhà vẫn làm trên đất của mình, nhưng cùng làm theo một cam kết chung.

Đó là bước chuyển từ “tôi làm” sang “chúng ta cùng làm”; từ cộng đồng cư trú sang cộng đồng kinh tế.

Người hàng xóm là đối tác đầu tiên

Người ta thường nghĩ đối tác là doanh nghiệp ở thành phố, là người mặc áo sơ mi đến ký hợp đồng, là khách hàng

từ nơi khác. Ít ai nghĩ người hàng xóm sát bên cũng có thể là đối tác đầu tiên. Nhưng chính người hàng xóm mới là người cùng chung điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu và mùa vụ. Cùng đối mặt với sâu bệnh, thời tiết và biến động giá cả.

Nếu hai khu vườn nằm cạnh nhau, một bên sử dụng thuốc không đúng cách thì bên kia cũng có thể bị ảnh hưởng. Nếu một hộ để dịch bệnh phát sinh, cả vùng có thể chịu thiệt hại. Nếu một vài người làm không đúng quy trình, uy tín của cả vùng sản xuất có thể bị tổn thương.

Trong nền kinh tế thị trường, chất lượng của một người đôi khi không còn là chuyện riêng của một người. Một lô hàng bị cảnh báo có thể ảnh hưởng đến cả vùng trồng. Một sản phẩm không bảo đảm có thể khiến khách hàng mất niềm tin với cả nhãn hiệu địa phương. Ngược lại, một người làm tốt nhưng đứng một mình cũng khó tạo được sản lượng ổn định.

Người hàng xóm vì thế không chỉ là người sống gần. Đó còn là người cùng chia sẻ rủi ro và danh tiếng. Khi nhìn thấy điều ấy, tình làng nghĩa xóm không mất đi. Nó được nâng lên thành năng lực hợp tác.

Muốn hùn thì phải hạp

Ở quê, người ta thường nói đến chuyện “hùn”.

Hùn tiền mua một chiếc máy. Hùn công làm con đường. Hùn sản lượng để bán một chuyến hàng. Hùn vốn mở điểm sơ chế. Nhưng nhiều cuộc hùn không đi được xa, bởi mới có phần “hùn” mà chưa có phần “hạp”.

Muốn hùn phải hạp. Hạp về cách nghĩ, mục tiêu, nguyên tắc, cách chia sẻ lợi ích và trách nhiệm.

Nếu một người muốn làm ăn lâu dài, người kia chỉ muốn bán được mùa này; một người coi trọng chất lượng, người kia chỉ muốn giảm chi phí bằng mọi cách; một người ghi chép rõ ràng, người kia quen làm theo trí nhớ, thì khó đi chung. Hạp không có nghĩa là không bao giờ bất đồng. Hạp là khi có bất đồng vẫn còn nguyên tắc chung để cùng giải quyết.

Trước khi cùng làm, cần nói rõ: làm việc gì, mỗi người góp gì, ai chịu trách nhiệm, lợi ích phân chia ra sao, nếu không giữ cam kết thì xử lý thế nào. Những điều ấy càng rõ từ đầu, tình cảm càng ít bị tổn thương về sau.

Nhiều người ngại nói thẳng chuyện tiền bạc vì sợ mất lòng. Nhưng càng không nói rõ, càng dễ mất lòng. Sổ sách minh bạch không làm mất đi sự tin cậy. Minh bạch là cách giữ gìn sự tin cậy.

Niềm tin bắt đầu từ việc nhỏ

Không thể một buổi họp mà biến cả xóm thành đôi tác. Cũng không thể chỉ bằng vài lời vận động mà tạo ra một cộng đồng kinh tế bền vững.

Niềm tin phải được xây bằng những việc nhỏ, có kết quả cụ thể. Có thể bắt đầu bằng việc cùng mua một loại vật tư để giảm giá. Cùng thuê máy làm đất. Cùng mời cán bộ kỹ thuật hướng dẫn. Cùng ghi chép lịch sử dụng thuốc. Cùng phân loại sản phẩm. Cùng bán thử một lô hàng nhỏ.

Khi việc nhỏ thành công, người ta bắt đầu tin vào khả năng làm chung. Từ mua chung có thể tiến tới sản xuất chung theo quy trình. Từ bán chung một chuyên hàng có thể tiến tới ký hợp đồng dài hạn. Từ chia sẻ máy móc có thể tiến tới xây dựng điểm sơ chế. Từ một nhóm nhỏ có thể hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã.

Hợp tác cũng giống như trồng một cái cây, không thể vừa gieo hạt hôm nay đã đòi bóng mát ngày mai.

Không chỉ bán cái mình có

Khi đứng riêng lẻ, người làm vườn thường chỉ xuất hiện ở cuối quá trình: có trái rồi mới tìm người mua. Vì sản lượng ít, thời gian bảo quản ngắn, khả năng thương lượng thấp, nên nhiều khi phải chấp nhận giá do người mua đưa ra.

Khi trở thành cộng đồng kinh tế, vị thế có thể khác. Cả nhóm có thể tìm hiểu nhu cầu thị trường trước mùa vụ.

Khách hàng cần giống gì, kích thước nào, thời điểm nào, sản lượng bao nhiêu, tiêu chuẩn ra sao? Từ đó mới tổ chức sản xuất.

Không còn chỉ bán cái mình có, mà cùng làm ra cái thị trường cần.

Khi có sản lượng đủ lớn, chất lượng đồng đều và lịch cung ứng ổn định, cộng đồng có thể kết nối với doanh nghiệp, siêu thị, bếp ăn hoặc khách hàng trực tuyến. Có thể xây dựng nhãn hiệu chung, bao bì chung, câu chuyện chung. Lúc ấy, sản phẩm không còn mang tên một hộ riêng lẻ.

Nó mang tên của vùng đất.

Mỗi thành viên vừa là người sản xuất, vừa là người giữ gìn uy tín chung. Một nhà làm không tốt không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập của nhà đó, mà còn ảnh hưởng đến tất cả những người cùng đứng dưới một thương hiệu.

Hợp tác xã không chỉ là một tấm bảng

Có nơi thành lập hợp tác xã nhưng mỗi người vẫn làm riêng, bán riêng, mua riêng. Hợp tác xã tồn tại trên giấy tờ, trên bảng hiệu, nhưng chưa đi vào từng mùa vụ. Như vậy mới chỉ có hình thức tổ chức, chưa có tinh thần hợp tác.

Hợp tác xã phải là nơi giải quyết những việc từng hộ không thể tự giải quyết hoặc tự làm sẽ tốn kém hơn: cung cấp dịch vụ đầu vào, quản lý mã số vùng trồng, ghi chép, sử

dụng máy móc chung, sơ chế, bảo quản, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường và bảo vệ quyền lợi thành viên.

Một hợp tác xã tốt không làm thay tất cả. Hợp tác xã giúp thành viên làm tốt hơn. Khi người hàng xóm trở thành thành viên cùng một tổ chức kinh tế, quan hệ giữa hai bên cũng thay đổi. Không chỉ là người sống cạnh nhà, mà là người cùng góp phần tạo ra chất lượng, doanh thu và uy tín chung.

Ngồi xuống để đi cùng nhau

Buổi chiều, con đường trong xóm vẫn còn mùi thơm mới. Một vài người ngồi trước hiên nhà, nhìn sang những mảnh vườn liền kề. Mỗi khu vườn có một hàng rào, nhưng gió thì đi qua tất cả. Nước trong con mương cũng chảy từ vườn này sang vườn khác. Sâu bệnh, nắng hạn, giá cả thị trường không dừng lại trước ranh giới đất của từng nhà.

Những điều cùng chịu đựng đã có từ lâu, chỉ có những điều có thể cùng làm vẫn chưa được nhận ra hết. Có lẽ trước khi nói đến những mô hình lớn, cần bắt đầu bằng một buổi ngồi xuống. Không phải để nghe ai đó nói về lợi ích của hợp tác, mà để từng người nói ra điều mình đang gặp khó. Nhà này thiếu nhân công. Nhà kia mua vật tư giá cao. Nhà nọ không biết bán cho ai. Nhà khác có kinh nghiệm nhưng thiếu vốn.

Khi khó khăn được đặt cạnh nhau, có khi người ta nhận ra câu trả lời cũng đang ở ngay trong xóm. Người này có thứ người kia thiếu. Nhà này làm được việc nhà khác chưa quen. Những nguồn lực rời rạc, nếu biết kết nối, có thể trở thành sức mạnh chung.

Từ một buổi ngồi xuống, có thể bắt đầu một việc nhỏ. Từ một việc nhỏ, hình thành niềm tin. Từ niềm tin, hình thành hợp tác. Và từ hợp tác, một cộng đồng cư trú có thể dần trở thành cộng đồng kinh tế. Khi ấy, hàng xóm không chỉ là người biết nhà nhau có chuyện gì. Hàng xóm còn là người cùng nhau tính chuyện ngày mai.

Một miền quê sẽ khác khi người trong xóm không chỉ sống cạnh nhau, mà biết làm ăn cùng nhau.

Bởi đi một mình có thể nhanh trong một mùa vụ. Nhưng muốn giữ nghề, giữ đất, giữ người và giữ cho quê hương còn sức sống qua nhiều thế hệ, phải học cách đi cùng nhau.

BÀI 18

MỘT CUỘC HỌP KÉO DÀI BA GIỜ

Dân chủ ở nông thôn không đơn giản

Cuộc họp được thông báo bắt đầu lúc bảy giờ tối. Nhà văn hóa nằm giữa xóm, bên con đường vừa được đổ bê tông cách đây vài năm. Trời mới tạnh mưa. Người đến sớm dựng xe dưới mái hiên, phúi bùn dưới dép rồi tìm chỗ ngồi. Người đến sau đứng ngoài cửa hỏi vọng vào: “Bắt đầu chưa bà con?”.



Chuyện đưa ra bàn cũng không quá lớn. Xóm dự định mở rộng con đường nội đồng, làm thêm công thoát nước và sửa cây cầu nhỏ đã xuống cấp. Nhà nước hỗ trợ một phần, người dân cùng góp một phần. Có hộ góp tiền, có hộ góp công, có hộ phải nhường một khoảng đất sát hàng rào.

Người chủ trì dự tính cuộc họp chỉ kéo dài một giờ. Nhưng rồi hết một giờ, người nói chuyện con đường, người hỏi về cây cầu, người muốn biết dự toán bao nhiêu, ai giám sát, thu chi công khai thế nào. Có người đồng ý mở rộng đường nhưng không muốn chặt hàng cây trước ngõ. Có người nhắc lại một công trình cũ mà khoản đóng góp chưa từng được giải thích rõ ràng. Có người ngồi im từ đầu, đến lúc tưởng sắp kết thúc mới chậm rãi đứng lên.

Cuộc họp kéo dài ba giờ. Ra về, có người thở dài: “Chuyện có chút xiu mà bàn hoài không xong”. Nhưng dân chủ ở nông thôn chưa bao giờ là chuyện đơn giản.

Mỗi người mang theo một câu chuyện

Nhìn từ bên ngoài, cuộc họp chỉ có một nội dung: làm con đường. Nhưng mỗi người bước vào đó với một hoàn cảnh khác nhau.

Người có xe chở nông sản mong đường rộng để đi lại thuận lợi. Người chỉ có chiếc xe máy thấy đường hiện tại vẫn còn sử dụng được. Nhà ở sâu bên trong muốn cây cầu sớm được sửa. Nhà ở đầu đường ít đi qua lại nghĩ mình phải đóng góp nhiều hơn phần lợi ích nhận được.

Có hộ dư dả, khoản đóng góp không đáng kể. Có hộ đang lo tiền học cho con, tiền thuốc cho cha mẹ, vài trăm nghìn đồng cũng phải cân nhắc. Có gia đình sẵn lòng góp

công nhưng không thể góp tiền. Có người đồng ý nhường đất, nhưng muốn biết rõ ranh giới và cách tính toán.

Mỗi ý kiến vì vậy không chỉ là một câu nói. Phía sau nó là sinh kế, ký ức, lợi ích, nỗi lo và cả những điều chưa từng được nói ra.

Có khi người phản đối không phải vì không muốn con đường tốt hơn, mà vì cảm thấy mình chưa được tôn trọng. Có người hỏi đi hỏi lại không hẳn vì tiếc tiền, mà vì từng mất niềm tin. Có người im lặng không phải vì đồng ý, mà vì ngại nói trước đám đông.

Nếu chỉ nghe lời nói mà không hiểu câu chuyện phía sau, người ta dễ chia cuộc họp thành hai phía: người đồng thuận và người cản trở. Nhưng đời sống cộng đồng không đơn giản như một lần giơ tay.

Được nói chưa chắc đã được lắng nghe

Một cuộc họp thường được xem là dân chủ khi người dân được mời đến, được phát biểu và được biểu quyết. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ. Được nói khác với được lắng nghe.

Có người phát biểu rất dài nhưng ý kiến không được trả lời. Có người nói nhỏ, bị tiếng bàn luận xung quanh lấn át. Có người không quen trình bày nên nói vòng vo, người chủ trì vội ngắt lời vì sợ cuộc họp kéo dài. Có người không nói gì, nhưng khi ra về lại bày tỏ một suy nghĩ hoàn toàn khác.

Ở làng quê, người ta sống với nhau rất lâu. Người phát biểu hôm nay, ngày mai vẫn gặp nhau ngoài ngõ, ngoài đồng, trong đám cưới, đám giỗ. Vì vậy, có những điều người ta nghĩ nhưng không muốn nói. Sợ mất lòng hàng xóm. Sợ bị cho là ích kỷ. Sợ mang tiếng chống đối. Sự im lặng chưa chắc là đồng thuận. Đôi khi, đó chỉ là cách người yếu thế tự bảo vệ mình.

Một cuộc họp dân chủ không thể chỉ đếm số cánh tay giơ lên. Nó còn phải nhận ra những cánh tay chưa dám giơ, những tiếng nói chưa tìm được cách cất lên và những băn khoăn còn nằm lại sau cánh cửa.

Đồng thuận không có nghĩa là nghĩ giống nhau

Trong nhiều cuộc họp, người chủ trì thường mong mọi người nhanh chóng thống nhất. Càng ít ý kiến trái chiều, cuộc họp càng được xem là thành công.

Nhưng một cộng đồng không có ý kiến khác nhau chưa chắc đã thật sự đồng thuận. Có thể người dân chưa hiểu hết vấn đề. Có thể vì ngại tranh luận. Có thể vì nghĩ rằng nói cũng không thay đổi được gì. Có thể quyết định đã được chuẩn bị từ trước, cuộc họp chỉ còn là một thủ tục.

Đồng thuận thật sự không phải là mọi người cùng nói một câu. Đồng thuận là sau khi nghe những điều khác nhau, cộng đồng tìm được một phương án mà phần lớn có thể chấp

nhận, phần thiểu số không cảm thấy bị bỏ rơi và người chịu thiệt thòi được quan tâm thỏa đáng.

Có người phải nhượng nhiều đất hơn để mở đường. Nếu chỉ nói rằng đa số đã biểu quyết, người ấy có thể chấp hành nhưng trong lòng vẫn còn tổn thương. Một quyết định đúng về thủ tục chưa chắc đã tạo ra sự đồng thuận về cảm xúc.

Dân chủ không chỉ tìm phương án có nhiều người ủng hộ nhất. Dân chủ còn phải nhìn thấy người chịu phần bất lợi nhiều nhất.

Ba giờ đôi khi không phải là quá dài

Trong cuộc họp ấy, có người sốt ruột nhìn đồng hồ. Có người đề nghị biểu quyết cho nhanh. Nhưng chuyện của cộng đồng càng ảnh hưởng lâu dài thì càng không thể quyết định bằng sự vội vàng.

Một con đường làm xong sẽ tồn tại nhiều năm. Một khoảng đất nhượng đi sẽ không lấy lại được. Một mức đóng góp không hợp lý có thể trở thành gánh nặng cho một vài gia đình. Một sự thiếu minh bạch hôm nay có thể làm mất niềm tin trong nhiều năm sau.

Ba giờ ngồi lại có thể khiến người ta mệt, nhưng nhiều năm nghi ngờ nhau còn mệt hơn. Vấn đề không nằm ở việc cuộc họp dài hay ngắn, mà là thời gian ấy có giúp mọi người

hiểu nhau hơn, hiểu rõ công việc hơn và tiến gần hơn đến một quyết định chung hay không.

Có cuộc họp kéo dài vì chuẩn bị thiếu thông tin. Có cuộc họp dài vì người nói cứ lặp lại ý cũ. Nhưng cũng có cuộc họp dài vì những điều bị nén lại quá lâu nay mới có dịp xuất hiện.

Khi ấy, ba giờ không chỉ dành cho một con đường.

Ba giờ còn để sửa lại những vết nứt trong niềm tin.

Người chủ trì không chỉ điều hành

Người chủ trì không chỉ đọc nội dung, mời phát biểu rồi tổ chức biểu quyết. Người chủ trì phải biết nghe xem điều gì đang được nói và điều gì chưa được nói. Phải phân biệt giữa một ý kiến phản đối công việc chung với một nỗi lo chưa được giải đáp. Nếu chỉ muốn cuộc họp kết thúc nhanh, người chủ trì có thể chọn cách áp đặt. Nhưng một quyết định được thông qua nhanh chưa chắc được thực hiện thuận lợi.

Người dân có thể giơ tay đồng ý trong nhà văn hóa, nhưng chậm đóng góp khi trở về nhà. Có thể không phản đối trực tiếp, nhưng không tham gia ngày công. Có thể làm theo, nhưng niềm tin vào việc chung ngày càng ít đi. Điều hành dân chủ không phải là làm cho mọi người im lặng, mà là làm cho những khác biệt có thể đi đến một điểm gặp nhau.

Muốn vậy, thông tin phải rõ ràng. Phần Nhà nước hỗ trợ bao nhiêu, người dân đóng góp bao nhiêu, phương án thi công thế nào, ai giám sát, quyết toán ra sao đều phải được trình bày bằng ngôn ngữ dễ hiểu.

Càng minh bạch, cuộc họp càng bớt lời đồn đoán.

Dân chủ cũng cần được học

Không phải cứ mời người dân họp là người dân tự nhiên có thể tham gia tốt. Muốn góp ý cho một công trình, người dân phải biết công trình ấy tốn bao nhiêu, có những phương án nào, lợi ích và bất lợi ra sao. Nếu chỉ đưa ra một phương án duy nhất rồi hỏi đồng ý hay không, sự lựa chọn đã bị thu hẹp từ đầu.

Dân chủ cần thông tin. Dân chủ cũng cần kỹ năng đối thoại.

Người phát biểu cần biết nói vào vấn đề, biết lắng nghe người khác, biết phân biệt lợi ích riêng với lợi ích chung. Người đại diện cộng đồng cần biết tổng hợp ý kiến, giải thích và chịu trách nhiệm.

Những năng lực ấy không tự nhiên có sẵn. Chúng được hình thành qua nhiều lần cùng bàn, cùng làm, cùng kiểm tra và cùng rút kinh nghiệm. Dân chủ vì thế cũng là một quá trình học tập.

Học cách nói. Học cách nghe.

Học cách bắt đồng mà không trở thành đối đầu.

Sau cuộc họp mới là lúc dân chủ được kiểm chứng

Gần mười giờ tối, cuộc họp kết thúc. Phương án cuối cùng không hoàn toàn giống dự kiến ban đầu. Hộ khó khăn có thể góp công thay tiền. Những nhà phải nhường nhiều đất được trao đổi riêng. Một nhóm người dân được đề nghị tham gia giám sát. Các khoản thu chi sẽ được niêm yết tại nhà văn hóa.

Mọi người ra về. Con đường còn ướt sau mưa. Nhưng dân chủ không kết thúc khi cuộc họp kết thúc. Nó được kiểm chứng trong những ngày sau đó.

Lời hứa công khai có được thực hiện không? Ý kiến của người dân có được đưa vào phương án cuối cùng không? Khi phát sinh thay đổi, cộng đồng có được thông báo không? Công trình hoàn thành rồi, thu chi có được quyết toán rõ ràng không?

Một cuộc họp có thể rất dân chủ trong lời nói, nhưng việc thực hiện lại thiếu dân chủ. Ngược lại, một cuộc họp còn vụng về nhưng nếu người tổ chức biết tiếp tục lắng nghe, điều chỉnh và minh bạch thì niềm tin vẫn có thể lớn dần.

Ngồi xuống không chỉ để nói

Người ở quê vốn quen ngồi lại với nhau. Ngồi bên hiên nhà, dưới gốc cây, ngoài quán nước, trong nhà văn hóa. Nhưng ngồi gần nhau chưa chắc đã hiểu nhau. Nói nhiều chưa chắc đã nghe được nhau.

Một cuộc họp kéo dài ba giờ có thể khiến người ta sốt ruột. Nhưng có lẽ điều đáng sợ hơn là một cuộc họp kết thúc quá nhanh, nơi mọi người chỉ đến để nghe một quyết định đã có sẵn.

Dân chủ ở nông thôn không đơn giản bởi cộng đồng vừa có tình cảm, vừa có lợi ích; vừa có ký ức chung, vừa có những khác biệt riêng. Mỗi quyết định đều chạm vào đất đai, sinh kế, danh dự và niềm tin của con người. Không thể chỉ dùng đa số để giải quyết mọi điều. Cũng không thể vì sợ bất đồng mà né tránh đối thoại.

Dân chủ không bảo đảm rằng mọi cuộc họp đều ngắn, mọi ý kiến đều giống nhau, mọi quyết định đều làm tất cả hài lòng.

Dân chủ chỉ mở ra một con đường: Để mỗi người được nhìn thấy, được lắng nghe và được tham gia vào những công việc ảnh hưởng đến cuộc đời mình.

Con đường ấy có thể chậm, nhưng những bước chân đi trên đó sẽ vững hơn. Bởi một miền quê đáng sống không chỉ là nơi có con đường rộng hơn, cây cầu mới hơn hay nhà văn hóa khang trang hơn. Đó còn là nơi người dân tin rằng tiếng nói của mình có ý nghĩa.

Nơi một quyết định chung không được tạo nên bằng sự im lặng, mà bằng những con người biết ngồi xuống, biết lắng nghe và biết cùng nhau chịu trách nhiệm về ngày mai.

CHUYỆN NGƯỜI GÓP ĐẤT

Lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng

Con đường mới chạy ngang qua xóm, rộng gần gấp đôi con đường cũ. Hai bên đường, những hàng rào đã được lùi vào. Có nhà mất một khoảng sân. Có vườn phải chặt mấy cây đang cho trái. Có người nhường một dải đất dài trước cửa, phần đất không lớn nếu nhìn trên bản đồ, nhưng lại là nơi gia đình đã sinh sống qua mấy thế hệ.



Ngày con đường hoàn thành, trẻ con chạy xe đạp thành từng nhóm. Xe chở nông sản vào được tận vườn. Người già đi bộ không còn phải nép sát lề mỗi khi xe tải chạy qua. Mùa

mưa, nước thoát nhanh hơn, đường không còn lầy lội. Ai cũng vui vì xóm có con đường mới, nhưng ít người còn nhớ tên những người đã góp đất.

Người ta nhớ con đường dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu, kinh phí bao nhiêu. Người ta chụp hình trong ngày khánh thành, nói về sức dân và tinh thần đồng thuận. Còn phía sau một con đường rộng ra là những khoảng đất hẹp lại. Phía sau lợi ích của cộng đồng là phần lợi ích riêng có người đã lặng lẽ nhường đi.

Đất không chỉ được đo bằng mét vuông

Với một công trình, đất thường được tính bằng diện tích. Bao nhiêu mét vuông cần sử dụng. Bao nhiêu hộ phải lùi hàng rào. Bao nhiêu cây trồng, vật kiến trúc bị ảnh hưởng. Những con số giúp lập phương án, tính chi phí và xác định tiến độ. Nhưng với người có đất, mỗi mét vuông không chỉ là một đơn vị đo.

Đó có thể là gốc cây do người cha trồng trước ngày người con đi xa. Là góc sân nơi mấy đứa trẻ từng chơi đùa. Là bờ rào người mẹ vẫn vịn vào mỗi buổi chiều. Là mảnh vườn được tích góp từ nhiều năm lam lũ. Là ranh đất ông bà để lại, được nhắc trong những câu chuyện gia đình.

Có những mảnh đất giá trị không nằm ở giá thị trường.

Nó nằm trong ký ức.

Vì vậy, khi một người được vận động góp đất, câu chuyện không chỉ là mất bao nhiêu mét vuông. Đó còn là việc người ấy phải tự bước qua cảm giác mất mát, thuyết phục người thân, tháo bỏ những thứ quen thuộc và chấp nhận rằng từ ngày mai, ngôi nhà của mình không còn nguyên như trước.

Người ngoài nhìn vào có thể nói: “Chỉ một chút đất thôi mà”. Nhưng cái “một chút” của cộng đồng đôi khi lại là một phần rất lớn trong đời sống của một gia đình.

Lợi ích chung không thể làm mờ mất lợi ích riêng

Trong những cuộc vận động, người ta thường nói đến lợi ích chung. Đường mở rộng thì cả xóm được hưởng. Kênh được khơi thông thì cả cánh đồng có nước. Nhà văn hóa được xây thì bà con có nơi sinh hoạt. Công trình càng cần thiết, lời kêu gọi hy sinh lợi ích riêng càng dễ nhận được sự đồng tình.

Nhưng lợi ích cộng đồng không vì được gọi là “lợi ích chung” mà tự nhiên đứng trong mọi trường hợp. Lợi ích chung chỉ có ý nghĩa khi được xác định công bằng, minh bạch và không đặt toàn bộ phần hy sinh lên vai một số ít người.

Một con đường đem lại lợi ích cho hàng trăm hộ, nhưng chỉ vài hộ phải nhường đất. Một công trình làm tăng giá trị của cả khu vực, nhưng có người mất đi một phần sinh kế. Nếu chỉ nói về niềm vui của số đông mà bỏ qua mất mát của

số ít, sự đồng thuận sẽ không thể trọn vẹn. Cộng đồng không thể lớn lên bằng cách xem sự thiệt thòi của một người là điều đương nhiên, càng không thể lấy hai chữ “tự nguyện” để che đi một sức ép vô hình.

Có người góp đất vì thật lòng mong quê hương đổi thay. Có người đồng ý vì không muốn bị xem là cản trở việc chung. Có người thấy nhà bên cạnh đã ký nên mình cũng khó từ chối. Có người chưa thật sự thông suốt nhưng ngại nói ra. Một chữ ký có thể xác nhận sự đồng ý, nhưng chưa chắc xác nhận được sự thanh thản.

Người góp đất cần được nhìn thấy

Trước khi hỏi một người có đồng ý góp đất hay không, có lẽ cần hỏi người ấy đang nghĩ gì. Phần đất đó đang được sử dụng ra sao? Gia đình sẽ bị ảnh hưởng thế nào? Có cây trồng, nguồn thu hay ký ức nào gắn với nơi ấy? Sau khi lùi hàng rào, lối ra vào có còn thuận tiện không? Người già và trẻ nhỏ trong nhà có gặp khó khăn không?

Những câu hỏi ấy không làm chậm công trình.

Chúng giúp công trình tránh để lại tổn thương.

Có khi chỉ cần điều chỉnh hướng tuyến một chút, một gia đình sẽ bớt mất đất. Có khi thay đổi vị trí cống thoát nước sẽ giữ được hàng cây. Có khi cộng đồng cùng góp công xây

lại hàng rào, di chuyển cổng, trồng lại cây mới, người góp đất sẽ cảm thấy phần hy sinh của mình được trân trọng.

Đôi khi điều người ta cần không hẳn là một khoản hỗ trợ lớn, mà là cảm giác mình được nhìn thấy. Được giải thích rõ. Được quyền đặt câu hỏi. Được tham gia vào phương án có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của mình.

Khi ấy, việc góp đất không còn là sự nhượng bộ trong im lặng, mà trở thành một quyết định có ý thức.

Dừng để người đi đầu trở thành người chịu thiệt

Trong làng thường có những người đồng ý trước. Có thể vì tin tưởng. Có thể vì muốn làm gương. Có thể vì nghĩ đường sá thuận lợi thì con cháu sau này được hưởng. Họ không tính toán nhiều, chỉ nói một câu giản dị: “Nếu việc chung cần thì gia đình tôi góp”. Nhưng người đi đầu đôi khi lại trở thành người chịu thiệt nhiều nhất.

Sau khi một vài hộ đã góp đất, phương án có thể thay đổi. Người góp sau được tính toán kỹ hơn, được hỗ trợ tốt hơn. Trong khi người góp trước đã tháo hàng rào, chặt cây, lùi cổng mà chưa ai kịp ghi nhận đầy đủ. Nếu điều đó xảy ra, niềm tin sẽ bị tổn thương. Không chỉ niềm tin của người đã góp đất, mà cả niềm tin của cộng đồng vào những cuộc vận động sau này.

Người đi đầu cần được bảo vệ bằng sự công bằng. Cùng một chính sách, cùng một cách tính, cùng một cách hỗ trợ. Không thể để người dễ đồng thuận trở thành người dễ bị bỏ quên. Sự tử tế của một người không nên bị xem là nguồn lực có thể sử dụng miễn phí. Tinh thần vì cộng đồng càng không nên trở thành một sự thiệt thòi kéo dài.

Một con đường không chỉ mở bằng đất

Người góp đất có thể mất đi một phần diện tích, nhưng con đường mới cũng có thể đem lại giá trị cho phần đất còn lại. Việc đi lại thuận lợi hơn. Nông sản vận chuyển dễ hơn. Hàng hóa, dịch vụ có thêm cơ hội phát triển.

Nhưng không nên vì thế mà cho rằng mọi người góp đất đều đã được đền đáp đầy đủ. Lợi ích tương lai không phải lúc nào cũng đến ngay. Không phải gia đình nào cũng có khả năng biến con đường mới thành cơ hội kinh tế. Nhà có cửa hàng hưởng lợi khác với nhà chỉ có một mảnh vườn nhỏ. Người còn trẻ có thể tìm sinh kế mới, nhưng người già chưa chắc thay đổi được cách sống.

Lợi ích cộng đồng thường được phân bổ không đều. Vì vậy, sau khi công trình hoàn thành, vẫn cần nhìn lại xem ai đang được hưởng lợi nhiều hơn, ai còn khó khăn, ai cần được hỗ trợ để thích nghi. Một con đường chỉ thật sự có ý nghĩa khi không bỏ ai lại phía sau lề đường.

Ghi nhớ những phần đất đã lùi vào

Năm tháng trôi qua, hàng rào mới mọc lên, cây mới được trồng. Người trẻ đi qua con đường rộng mỗi ngày mà không biết phần đất dưới bánh xe từng là góc sân, bờ vườn hay hàng cây của một gia đình nào đó.

Có lẽ mỗi cộng đồng nên có cách ghi nhớ những người đã góp đất, góp công, góp của cho việc chung. Không nhất thiết bằng những lời tán dương lớn lao. Có thể bằng một lời cảm ơn trong cuộc họp dân. Một danh sách được lưu giữ minh bạch. Một hàng cây được cộng đồng cùng trồng lại. Một sự quan tâm khi gia đình gặp khó khăn. Một câu chuyện được kể cho thế hệ sau.

Ghi nhớ không phải để tạo ra món nợ, mà để cộng đồng hiểu rằng những điều mình đang thụ hưởng không tự nhiên mà có. Một con đường rộng được làm nên từ nhiều phần đất hẹp. Một công trình chung được dựng lên từ những nhượng bộ riêng.

Từ góp đất đến góp niềm tin

Buổi chiều, người đàn ông đứng trước cánh cổng vừa được xây lúi vào trong. Hàng xoài cũ chỉ còn lại hai cây. Phần đất trước kia là khoảng sân nay đã trở thành mặt đường. Ông nhìn những chuyến xe chở trái cây chạy qua, nghe tiếng trẻ con gọi nhau rồi nói: “Đường rộng thì mừng. Chỉ mong bà con biết giữ cho tốt”.

Câu nói nghe nhẹ tênh, nhưng phía sau là cả một sự gửi gắm. Người góp đất không chỉ trao cho cộng đồng một phần tài sản. Người ấy còn trao đi niềm tin rằng phần đất mình nhường lại sẽ được sử dụng đúng mục đích; rằng công trình sẽ được làm minh bạch, chất lượng; rằng lợi ích chung thật sự đến với mọi người; rằng sự đóng góp của mình không bị lãng quên.

Nếu công trình làm cầu thả, nếu lợi ích rơi vào tay một số ít, nếu người góp đất bị bỏ mặc với những khó khăn sau đó, thứ mất đi không chỉ là một khoảng đất, mà còn là niềm tin.

Đất có thể đo bằng mét vuông.

Niềm tin thì không.

Lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng không nhất thiết đứng ở hai phía đối lập. Khi việc chung được bàn bạc công bằng, khi người chịu thiệt được tôn trọng, khi sự đóng góp được ghi nhận, cái riêng có thể tự nguyện mở lòng cho cái chung.

Con đường khi ấy không chỉ được mở rộng bằng đất.

Nó được mở rộng bằng lòng người.

PHẦN IV. ĐẤT ĐAI KHÔNG CHỈ LÀ ĐẤT

BÀI 20

MỘT THỪA RUỘNG CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI SỐNG NHỜ?

Bức tranh hệ sinh thái ngành hàng

Buổi chiều, ngồi bên bờ ruộng vừa gặt xong, nhìn những gốc rạ còn thơm mùi nắng, có người hỏi: “Một thửa ruộng này nuôi sống được mấy người?”.

Nghe qua tưởng là phép tính đơn giản. Lấy sản lượng nhân với giá bán, trừ giống, phân bón, thuốc, máy móc và công lao động, rồi xem còn lại bao nhiêu. Nếu tính như vậy, thửa ruộng dường như chỉ nuôi sống gia đình người đứng tên trên giấy đất.



Nhưng ngòi lâu thêm một chút, nhìn con đường hạt lúa đã đi qua, sẽ thấy thửa ruộng không chỉ nuôi người cày ruộng.

Hạt lúa rời khỏi bờ ruộng còn đi qua nhà máy xay xát, kho chứa, cửa hàng, bếp ăn, rồi có thể lên tàu đi xa. Tắm, cám, trấu, rơm cũng tiếp tục một đời sống khác: thành thức ăn chăn nuôi, chất đốt, phân hữu cơ hay nguyên liệu thủ công. Một thửa ruộng vì vậy không chỉ tạo ra hạt gạo. Nó tạo ra việc làm, dịch vụ, tri thức và những mối quan hệ. Vậy một thửa ruộng có bao nhiêu người sống nhờ?

Có lẽ không ai đếm hết được.

Lâu nay, khi nói về nông nghiệp, người ta thường chỉ nhìn thấy hai đầu: người trồng và người mua. Nhưng ở giữa là cả một thế giới: người làm giống, người cung ứng vật tư, thương lái, hợp tác xã, doanh nghiệp, ngân hàng, nhà khoa học và người vận chuyển.

Nếu chỉ nhìn sản phẩm đi từ người này sang người khác, ta gọi đó là chuỗi ngành hàng. Nhưng thực tế không đơn giản như một sợi dây thẳng. Người nông dân còn gắn với hợp tác xã, ngân hàng, nhà khoa học, cơ quan quản lý. Doanh nghiệp không chỉ mua nguyên liệu, mà còn mang đến tiêu chuẩn, tín hiệu thị trường và quy trình kỹ thuật.

Đó không còn là một chuỗi. Đó là một hệ sinh thái ngành hàng. Trong hệ sinh thái tự nhiên, cây không sống

một mình. Cây cần đất, nước, ánh sáng, vi sinh vật, côn trùng và không khí. Một phần suy yếu, cả hệ sinh thái bị ảnh hưởng.

Hệ sinh thái ngành hàng cũng vậy. Có sản lượng lớn mà vận chuyển yếu, chi phí sẽ tăng. Có thị trường mà thiếu tiêu chuẩn và niềm tin, sản phẩm cũng khó đi xa.

Không ai có thể mạnh một mình.

Khi không nhìn thấy toàn cảnh, người ta dễ trách nhau. Người nông dân trách doanh nghiệp ép giá. Doanh nghiệp trách nguyên liệu không đồng đều. Người tiêu dùng nghi ngại chất lượng. Ai cũng có phần đúng. Nhưng sự thật thường nằm ở những mối quan hệ chưa được tổ chức tốt.

Một hệ sinh thái không vận hành chỉ bằng mệnh lệnh. Nó vận hành bằng chia sẻ thông tin, phân bổ lợi ích và cùng chịu trách nhiệm. Nếu doanh nghiệp chỉ xuất hiện lúc thu hoạch, liên kết sẽ ngắn ngủi. Nếu người nông dân chỉ nhìn giá bán hôm nay mà không quan tâm tiêu chuẩn ngày mai, hợp tác khó bền. Nếu hợp tác xã chỉ đứng tên trong hợp đồng mà không thật sự tổ chức sản xuất, vai trò ấy sẽ trở nên hình thức.

Hệ sinh thái ngành hàng chỉ hình thành khi mỗi chủ thể hiểu mình đang tạo ra giá trị gì cho người khác. Người nông dân tạo ra nguyên liệu. Hợp tác xã tổ chức vùng sản xuất. Doanh nghiệp đưa tín hiệu thị trường vào đồng ruộng. Nhà

khoa học giải quyết nút thắt kỹ thuật. Ngân hàng tạo dòng vốn. Nhà nước kiến tạo hạ tầng và luật chơi. Người tiêu dùng đưa ra lựa chọn cuối cùng.

Không có vai trò nào là phụ.

Khi ấy, câu chuyện không còn là ai thắng, ai thua trong một cuộc mua bán. Câu chuyện là làm sao để tổng giá trị của ngành hàng lớn lên và được chia sẻ hợp lý hơn. Người nông dân cần biết sản phẩm đi đâu, người mua cần gì. Doanh nghiệp cũng phải nhìn người nông dân như người đồng hành, bởi vùng nguyên liệu suy yếu thì doanh nghiệp cũng mất nền tảng.

Nhà nước không thể làm thay mọi việc, nhưng có thể giúp các chủ thể tìm thấy nhau, đối thoại với nhau và tin nhau hơn. Cần có một nơi để những người trong ngành hàng cùng ngồi xuống, cùng nhìn vào một bản đồ và cùng trả lời: vùng nguyên liệu ở đâu, thị trường nào đang mở ra, ai chịu trách nhiệm ở từng khâu?

Ngồi xuống không phải để ai phát biểu dài hơn ai. Ngồi xuống để hiểu rằng nếu một mắt xích đứt, tất cả đều chịu thiệt.

Trở lại với thửa ruộng chiều hôm ấy, câu hỏi “Có bao nhiêu người sống nhờ?” bỗng trở thành một câu hỏi khác: “Có bao nhiêu người đang cùng chịu trách nhiệm với thửa ruộng này?”.

Nếu đất bạc màu, ai chịu trách nhiệm? Nếu nguồn nước ô nhiễm, ai chịu trách nhiệm? Nếu người nông dân làm ra sản phẩm nhưng vẫn không đủ sống, hệ sinh thái ấy có thể gọi là bền vững không?

Một hệ sinh thái ngành hàng đúng nghĩa không chỉ tạo ra nhiều sản phẩm hơn. Nó phải tạo ra sinh kế tốt hơn, môi trường lành mạnh hơn, cộng đồng gắn kết hơn và niềm tin thị trường lớn hơn.

Thừa ruộng vì vậy không chỉ là tài sản của một hộ gia đình. Nó là điểm khởi đầu của nhiều dòng giá trị. Nhưng để những dòng giá trị ấy không đứt đoạn, người ta phải nhìn thấy nhau.

Người nông dân nhìn thấy người tiêu dùng ở cuối hành trình. Doanh nghiệp nhìn thấy sức khỏe của đất ở đầu hành trình. Nhà khoa học nhìn thấy bài toán thị trường. Người tiêu dùng nhìn thấy những nhọc nhằn phía sau hạt gạo. Khi ấy, hạt lúa không chỉ được mua bằng tiền, nó được mua bằng niềm tin.

Một thửa ruộng có bao nhiêu người sống nhờ?

Có người sống nhờ hạt lúa. Có người sống nhờ cộng rơm. Có người sống nhờ chuyển xe chở hàng, chiếc máy xay, kho chứa, cửa hàng và bữa cơm. Có người sống nhờ tri thức và câu chuyện của miền quê. Và có cả một miền quê

sống nhờ cách con người biết kết nối những giá trị tưởng như rời rạc ấy thành một hệ sinh thái.

Ngồi bên thửa ruộng, nhìn những gốc rạ im lặng sau mùa gặt, mới hiểu rằng cánh đồng không bao giờ chỉ thuộc về người đang đứng trên bờ.

Phía sau một hạt gạo là rất nhiều bàn tay.

Phía sau một bàn tay là một gia đình.

Phía sau nhiều gia đình là một cộng đồng.

Và phía sau một cộng đồng biết cùng nhau tạo ra, chia sẻ và gìn giữ giá trị, chính là sức sống lâu dài của một miền quê.

BÀI 21

MÙA NƯỚC NỔI ĐI ĐÂU?

Biến đổi khí hậu và kỷ ức đồng bằng

Có những buổi chiều, ngồi bên con kênh cạn, nhìn những vệt nước còn in trên bờ cỏ, người ta chợt nhớ một mùa từng trở về rất đúng hẹn.

Mùa nước nổi.

Ngày trước, cứ khoảng tháng Bảy, tháng Tám âm lịch, nước từ thượng nguồn theo dòng Mekong đổ về. Nước không ào ạt như một trận lũ bất ngờ. Nước lên chậm, từng ngày một, len qua bờ ruộng, tràn vào đồng trũng, phủ lên những gốc rạ còn sót lại sau mùa gặt.



Sáng thức dậy thấy nước cao thêm một gang tay. Chiều về, chiếc cầu tre trước cửa phải kê thêm tám ván. Mấy đứa trẻ đem xuống ra tập chèo. Người lớn giăng lưới, đặt lợp, cắm câu. Cá linh theo dòng nước vào đồng. Bông điên điển vàng lên dọc những bờ kênh.

Người miền Tây không chỉ sống bên nước.

Người miền Tây từng sống cùng nước.

Nước vào đồng mang theo phù sa, rửa mặn, làm sạch ruộng, bổ sung nguồn lợi thủy sản. Nước cho đất một mùa nghỉ, cho con người một mùa sinh kế khác. Khi ruộng không trồng lúa, người ta đánh bắt cá, hái bông điên điển, làm mắm, làm khô, đan lưới, sửa xuống. Mùa nước nổi vì vậy không chỉ là một hiện tượng tự nhiên.

Đó còn là một mùa văn hóa.

Trong ký ức của nhiều người, mùa ấy có tiếng mái chèo khua trong đêm, tiếng cá quẫy bên mạn xuống, tiếng gọi nhau từ bờ kênh này sang bờ kênh khác. Có những bữa cơm chỉ vài con cá linh kho, một tô canh chua bông điên điển mà người đi xa nhớ hoài.

Nhưng rồi có những năm nước về ít hơn. Con kênh vẫn nằm đó. Đồng ruộng vẫn nằm đó. Những chiếc xuống vẫn được treo dưới mái hiên. Chỉ có nước là không còn về như trước.

Có người đứng bên bờ ruộng, nhìn xuống lòng kênh rồi hỏi: “Mùa nước nổi đi đâu?”. Câu hỏi nghe như hỏi về một dòng nước, nhưng thật ra là câu hỏi về sự đổi thay của cả một vùng đất.

Nước ít không chỉ vì trời ít mưa. Dòng sông từ thượng nguồn về đến đồng bằng đã đi qua nhiều hồ chứa, công trình điều tiết và vùng khai thác nước. Lòng sông biến đổi. Cát bị lấy đi. Đê bao, đường giao thông, khu dân cư và những cánh đồng sản xuất liên tục cũng làm thay đổi không gian trữ nước.

Cùng lúc đó, khí hậu trở nên khó đoán hơn. Có khi mưa đến muộn. Có khi mưa dồn dập trong thời gian ngắn. Mùa khô kéo dài hơn. Nước biển dâng. Mặn theo sông lấn sâu vào đất liền.

Nước không mất hẳn.

Nhưng nhịp điệu của nước đã khác.

Mà đồng bằng vốn được hình thành và nuôi dưỡng bằng nhịp điệu ấy. Nước lên, nước xuống. Phù sa bồi đắp. Sông mở lối. Đất sinh sôi. Khi nhịp điệu thay đổi, cách con người sống với đồng bằng cũng phải thay đổi.

Lâu nay, người ta thường xem nước lũ như một mối đe dọa cần ngăn lại. Đê cao hơn, bờ bao kín hơn, máy bơm mạnh hơn. Nước được dẫn đi thật nhanh để bảo vệ mùa vụ,

nhà cửa và đường sá. Điều đó có lý do của nó. Nhưng khi chỉ nghĩ cách đẩy nước đi, có lúc lại quên rằng đồng bằng cũng cần nước ở lại.

Một vùng đất được tạo nên từ phù sa không thể mãi quay lưng với dòng nước. Khi đồng ruộng không còn đón lũ, phù sa không vào được, đất phải phụ thuộc nhiều hơn vào phân bón. Cá đồng mất nơi sinh sản. Nước ngầm bị khai thác nhiều hơn. Mặt đất lún xuống. Biển tiến vào gần hơn.

Có khi, thứ từng bị gọi là thiên tai lại là một phần của cơ chế tự chữa lành của đồng bằng. Vấn đề không phải là mở hết để nước tràn vào, cũng không phải đóng kín để nước không thể vào. Vấn đề là hiểu nước, dành chỗ cho nước và tổ chức lại không gian sống cùng nước.

Đồng bằng cần những vùng trữ nước mùa mưa, những cánh đồng có thể đón nước khi cần, những dòng kênh còn khả năng lưu thông, những vùng đất ngập nước được phục hồi. Cần những sinh kế thích ứng với mùa nước thay vì chỉ cố giữ một lịch sản xuất cố định.

Ở nơi nước về, có thể làm lúa mùa, nuôi cá, trồng sen, phát triển sản phẩm từ đồng nước. Ở nơi khô hạn, có thể chuyển sang cây trồng ít nước hơn. Ở vùng mặn, có thể tổ chức sinh kế theo hướng thuận thiên, không nhất thiết tìm mọi cách biến nước mặn thành nước ngọt.

Thuận thiên không có nghĩa là buông xuôi trước tự nhiên.

Thuận thiên là hiểu giới hạn của tự nhiên để lựa chọn cách sống phù hợp.

Ngày trước, người dân nhìn màu nước, hướng gió, con nước lớn ròng mà sắp xếp mùa vụ. Hôm nay, kinh nghiệm ấy cần được nối dài bằng dữ liệu khí tượng, bản đồ ngập, dự báo dòng chảy, công nghệ quan trắc và các kịch bản biến đổi khí hậu.

Ký ức và khoa học không loại trừ nhau. Ký ức giúp con người nhớ đồng bằng từng vận hành như thế nào. Khoa học giúp hiểu vì sao nhịp điệu ấy đang thay đổi và cần chuẩn bị điều gì cho ngày mai.

Nhưng có một điều đáng lo hơn cả chuyện nước nhiều hay ít. Đó là khi thế hệ sau không còn biết mùa nước nổi từng là gì. Một đứa trẻ lớn lên giữa đồng bằng nhưng chưa từng thấy cá linh theo nước vào đồng, chưa từng ngồi trên xuồng hái bông điên điển, chưa từng nghe tiếng nước vỗ dưới sàn nhà lúc nửa đêm, liệu có còn cảm nhận được đồng bằng là một cơ thể sống?

Khi ký ức về nước mất đi, con người dễ xem sông chỉ là dòng dẫn nước, kênh chỉ là công trình thủy lợi, cánh đồng chỉ là nơi sản xuất và mùa vụ chỉ là những con số. Nhưng một miền quê không thể sống lâu chỉ bằng những con số.

Miền quê còn sống bằng ký ức, tập quán, món ăn, tiếng nói và cách con người nhận ra mình thuộc về một vùng đất. Vì vậy, gìn giữ mùa nước nổi không chỉ là giữ một hiện tượng thiên nhiên. Đó còn là giữ lại một phần căn tính của đồng bằng.

Không phải năm nào nước cũng sẽ về như xưa. Có những điều đã thay đổi và khó trở lại nguyên vẹn. Nhưng con người vẫn có thể giữ tinh thần sống cùng nước, giữ những không gian cho nước, những sinh kế theo nước, những câu chuyện về nước và sự tôn trọng dành cho nước.

Dừng để đến một ngày, mùa nước nổi chỉ còn nằm trong bức ảnh cũ hay lời kể của một người già. Bởi khi một mùa biến mất, không chỉ cảnh quan thay đổi. Một phần sinh kế cũng mất đi. Một phần văn hóa cũng nhạt đi. Một phần trí nhớ của cộng đồng cũng dần chìm xuống.

Ngồi bên con kênh cạn, có thể nghe câu hỏi “Mùa nước nổi đi đâu?” như một lời than. Nhưng cũng có thể nghe đó như một lời nhắc.

Nhắc rằng đồng bằng không bất biến. Nhắc rằng con người không thể chỉ lấy từ dòng sông mà không trả lại cho dòng sông một khoảng thở. Nhắc rằng thích ứng với biến đổi khí hậu không chỉ là xây thêm công trình, mà còn là thay đổi cách nhìn về nước, đất và sinh kế.

Mùa nước nổi có thể không còn về như trước.

Nhưng ký ức về mùa nước nổi vẫn có thể dẫn đường cho tương lai.

Từ ký ức ấy, người ta học cách dành chỗ cho nước, xem mỗi cánh đồng không chỉ là nơi tạo ra sản lượng mà còn là một phần của hệ sinh thái. Học cách để phát triển không làm đồng bằng mất đi khả năng tự hồi phục.

Rồi một buổi chiều nào đó, nước lại chạm vào bờ cỏ.

Có thể không cao như những mùa xưa. Có thể không mang theo nhiều cá linh như trong ký ức. Nhưng nếu con người vẫn còn biết lắng nghe dòng nước, vẫn còn nhớ vì sao đồng bằng cần nước, thì mùa nước nổi chưa thật sự biến mất.

Nó chỉ đang chờ một cách sống khác để trở về.

BÀI 22

CÂU CHUYỆN MỘT DÒNG SÔNG

Sông không chỉ là nước

Có những buổi chiều, ngồi bên một dòng sông, người ta không cần nói gì nhiều.

Nước cứ trôi. Một chiếc ghe nhỏ lặng lẽ đi qua. Bên kia sông, khói bếp bay lên từ mái nhà khuất sau hàng cây. Nhìn như vậy, dòng sông dường như chỉ là một dòng nước đang chảy. Nhưng sông chưa bao giờ chỉ là nước.



Trong một dòng sông có phù sa, cá tôm, bãi bồi, cồn nổi, những nhánh kênh dẫn nước vào ruộng vườn. Có ghe xuồng, bến chợ và những cuộc chia tay. Một dòng sông chảy

qua miền quê cũng chảy qua đời sống con người. Ngày trước, nhà quay ra bến nước, chợ họp ven sông, trẻ con học bơi trước khi biết đi xe đạp. Người lớn nhìn con nước lớn ròng để tính mùa vụ và chuyển đi.

Dòng sông vừa là con đường, vừa là nguồn sống.

Từ con nước ấy, người ta tưới ruộng, vun vườn, nuôi cá. Lúa gạo và trái cây đi từ làng này sang làng khác. Ven sông hình thành xóm chài, bến đò, chợ nổi và làng nghề. Bao nhiêu phận người đã lớn lên nhờ dòng sông, có lẽ không ai đếm hết. Nhưng sông không chỉ tạo ra sinh kế.

Sông còn tạo ra một cách sống.

Người sống bên sông hiểu rằng mọi thứ đều có lúc đầy, lúc vơi. Nước lớn rồi nước ròng. Bờ bên này được bồi thì bờ bên kia có thể bị lở. Dòng sông nhắc con người rằng không có gì đứng yên mãi.

Có lẽ vì sống bên dòng chảy, người miền sông nước học được cách thích nghi. Mùa nước về thì làm nghề theo nước. Nước rút xuống lại trở về với ruộng vườn. Sông dạy con người cách nương theo tự nhiên, trước khi hai chữ “thuận thiên” được nhắc đến trong những hội nghị.

Dòng sông còn chảy trong ký ức. Có người nhớ bến tắm tuổi thơ, chuyến đò sang trường mỗi sáng, chiếc ghe máy đưa mình rời quê. Có người nhớ tiếng mẹ gọi về ăn cơm

khi trời vừa sụp tối, tiếng gọi lan trên mặt nước rồi vọng sang bên kia bờ.

Một dòng sông vì vậy không chỉ nằm trên bản đồ. Nó nằm trong tâm trí những người từng sống bên sông. Có người đi xa nhiều năm, trở về thấy bờ kè đã dựng lên, đường đã mở rộng, bến đò cũ không còn. Dòng sông vẫn đó mà cảm giác đã khác. Không phải vì nước ngừng chảy, mà vì mối liên hệ giữa con người với dòng sông đã dần thưa đi.

Ghe xuồng ít dần. Trẻ con biết sử dụng điện thoại trước khi biết tên những loài cá dưới dòng nước trước nhà. Dòng sông dần bị thu nhỏ thành một khái niệm: nguồn nước, tuyến giao thông hay công trình thủy lợi.

Nhưng gọi sông chỉ là nguồn nước thì giống như gọi một khu vườn chỉ là nơi có cây. Nguồn nước có thể đo bằng lưu lượng. Nhưng giá trị của một dòng sông còn nằm trong hệ sinh thái, cảnh quan, văn hóa, lịch sử và sinh kế cộng đồng. Nước có thể được bơm từ nơi này sang nơi khác, nhưng không thể dễ dàng chuyển một ký ức, một làng nghề hay một nếp sống đã hình thành qua nhiều thế hệ.

Bởi vậy, khi một dòng sông bị ô nhiễm, mất đi không chỉ là chất lượng nước. Cá tôm mất nơi sinh sống. Người đánh bắt mất nghề. Vườn ruộng chịu ảnh hưởng. Trẻ con không còn dám xuống tắm. Một phần ký ức cộng đồng cũng bị phủ lên bởi rác thải và mùi hôi.

Con người thường thấy dòng sông trôi đi nên tưởng mọi thứ ném xuống cũng sẽ biến mất. Nhưng sông chỉ mang chúng đến một nơi khác, rồi cuối cùng trở lại trong nguồn nước, con cá, hạt gạo và bữa ăn.

Không có chất thải nào thật sự biến mất khỏi một hệ sinh thái.

Sông còn chịu nhiều tổn thương khác. Cát bị lấy đi làm lòng sông hạ thấp. Bờ bị lấn chiếm khiến không gian của nước thu hẹp. Công trình làm dòng chảy thay đổi. Nước bị giữ lại ở thượng nguồn, trong khi biển ngày một lấn sâu từ hạ lưu.

Ai cũng cần nước, nhưng ít người hỏi dòng sông cần gì để tiếp tục sống. Một dòng sông cũng cần được chảy. Cần những khoảng bờ để thở, bãi bồi để phù sa lắng lại, những nhánh kênh còn thông thoáng và con người biết dừng trước giới hạn.

Bảo vệ sông là nhìn toàn bộ lưu vực như một cơ thể sống. Những gì xảy ra ở thượng nguồn sẽ để lại hệ quả ở hạ nguồn. Một cánh rừng bị mất có thể làm dòng nước thay đổi. Một vùng trữ nước bị san lấp có thể khiến nơi khác ngập sâu hơn. Một nhà máy xả thải có thể ảnh hưởng đến nhiều cộng đồng phía dưới.

Dòng sông không biết đâu là ranh giới xã này hay tỉnh khác.

Nước chỉ chảy theo địa hình. Vì vậy, không thể quản lý một dòng sông bằng những phần việc rời rạc. Cần những cộng đồng cùng sống bên sông nhìn chung một dòng chảy và cùng chịu trách nhiệm. Người ở thượng nguồn phải nghĩ đến người ở hạ nguồn. Người phát triển đô thị phải nghĩ đến không gian tự nhiên của sông.

Một đoạn sông sạch có thể tạo ra thủy sản, cảnh quan, du lịch và không gian cộng đồng. Một bến cũ có thể kể chuyện lịch sử. Một làng nghề ven sông có thể gìn giữ tri thức bản địa.

Dừng chỉ khai thác dòng sông.

Hãy đánh thức những giá trị mà dòng sông đang mang theo. Nhưng trước hết, con người phải nối lại mối quan hệ với sông. Để trẻ nhỏ biết dòng nước trước nhà chảy từ đâu và sẽ đi về đâu. Để người dân hiểu rằng giữ sạch một con kênh cũng là giữ sạch dòng sông lớn. Để mỗi làng quê còn một bến nước, một khoảng bờ cây, một nơi người ta có thể ngồi xuống và nhìn thấy mình trong dòng chảy.

Bởi một khi con người không còn cảm thấy thuộc về dòng sông, việc bảo vệ sông dễ trở thành công việc của một cơ quan nào đó.

Còn khi dòng sông là một phần ký ức và căn tính, người ta sẽ biết đau khi thấy nước đổi màu, biết tiếc khi một bến

xưa biến mất và biết giữ gìn không phải vì mệnh lệnh, mà vì đó là nơi mình thuộc về.

Ngồi bên sông vào cuối ngày, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, mới hiểu rằng sông đang mang nhiều hơn những gì mắt nhìn thấy. Sông mang phù sa, cá tôm và những chuyện ghe. Sông mang ký ức của làng, sinh kế của người và nhịp sống của miền quê. Sông mang cả những gì con người đã đối xử với nó, từ đầu nguồn đến cuối dòng.

Và rồi tất cả sẽ trở lại.

Bởi sông không chỉ là nước.

Sông là một phần đời sống đang chảy.

Giữ cho dòng sông còn sống cũng là giữ cho miền quê còn một mạch nguồn để nhớ, để dựa vào và để đi tiếp.

BÀI 23

CÁNH ĐỒNG KHÔNG CHỈ ĐỂ TRỒNG LÚA

Tư duy tích hợp đa giá trị

Có những buổi chiều, đứng giữa cánh đồng vừa gặt xong, nhìn rơm rạ nằm vàng dưới nắng, người ta dễ nghĩ mùa vụ đã kết thúc. Lúa đã được chở đi. Máy gặt đã rời khỏi đồng. Người nông dân trở về nhà, chờ một vụ mới.

Cánh đồng dường như trống vắng. Nhưng sau hạt lúa vẫn còn nhiều giá trị nằm lại: trong rơm rạ, lớp đất, dòng nước, cảnh quan, ký ức và những câu chuyện chưa được kể.



Cánh đồng chưa bao giờ chỉ trồng lúa. Lúa là sản phẩm nhìn thấy rõ nhất, nhưng không phải giá trị duy nhất. Trên

một thửa ruộng có lúa, cá, vịt, chim trời và vi sinh vật nuôi đất. Từ hạt lúa có gạo, cám, trấu; từ rom có nấm, phân hữu cơ và vật liệu. Cánh đồng còn giữ nước, bảo vệ đa dạng sinh học và lưu giữ dấu tích văn minh lúa nước.

Nhưng lâu nay, người ta thường đo cánh đồng bằng một con số: Mỗi hecta thu được bao nhiêu tấn lúa. Con số ấy cần thiết, nhưng chưa đủ.

Một cánh đồng cho sản lượng cao mà đất bạc màu, nước ô nhiễm, người trồng lúa vẫn thiếu thu nhập thì liệu có thể gọi là hiệu quả? Một mùa vụ được nhiều lúa nhưng phải dùng thêm phân bón, thuốc, nước và công lao động thì giá trị tăng thêm thật sự nằm ở đâu?

Có khi năng suất tăng mà niềm vui của người nông dân không tăng. Bởi giá trị không chỉ nằm ở thứ thu hoạch được, mà còn ở những gì được giữ lại sau mùa vụ: độ màu mỡ của đất, sự trong lành của nước, sức khỏe người sản xuất và niềm tin của người tiêu dùng. Tư duy tích hợp đa giá trị bắt đầu từ việc nhìn cánh đồng bằng nhiều lớp hơn.

Lớp đầu tiên là giá trị sản xuất. Thay vì chỉ bán lúa thô, có thể phân loại, chế biến, xây dựng thương hiệu và kể câu chuyện về vùng đất, giống lúa, phương thức canh tác.

Hạt gạo khi ấy không chỉ được bán bằng trọng lượng. Nó còn được bán bằng chất lượng, sự minh bạch và niềm tin.

Lớp thứ hai là giá trị của phụ phẩm. Rơm rạ thường bị xem là thứ còn lại sau thu hoạch. Có nơi đốt ngay trên đồng cho tiện, để rồi chất hữu cơ bị mất đi, không khí thêm ô nhiễm.

Nhưng rơm không phải rác. Rơm có thể trồng nấm, nuôi bò, làm phân hữu cơ. Phần còn lại tiếp tục được ủ để trả về cho đất. Trấu có thể làm chất đốt; cám làm thức ăn chăn nuôi. Khi thứ tưởng như bỏ đi trở thành đầu vào của một hoạt động mới, cánh đồng bắt đầu vận hành theo vòng tròn thay vì đường thẳng. Không chỉ lấy đi, mà còn biết trả lại.

Lớp thứ ba là giá trị sinh thái. Một cánh đồng biết đón nước có thể trở thành nơi sinh sản của cá, nơi trú ngụ của chim trời, nơi phù sa lắng lại. Bờ ruộng có cỏ và hoa bản địa có thể nuôi côn trùng có ích. Khi đất được chăm sóc như một cơ thể sống, cánh đồng không chỉ cho lúa trong một vụ mà còn duy trì sức sản xuất qua nhiều thế hệ. Đất cũng cần được ăn, được nghỉ và được hồi phục.

Lớp thứ tư là giá trị văn hóa. Trong cánh đồng có tập quán canh tác, món ăn và ký ức cộng đồng. Có bóng dáng người mẹ mang cơm ra đồng, người cha lội ruộng khi trời chưa sáng, những đứa trẻ chạy theo đàn vịt sau mùa gặt. Nếu chỉ nhìn cánh đồng như một nhà máy sản xuất lúa, những giá trị ấy sẽ dần biến mất mà không ai kịp nhận ra.

Cánh đồng có thể thành lớp học cho trẻ nhỏ, nơi trải nghiệm cho người thành thị và không gian tạo thêm thu nhập từ sản phẩm bản địa.

Nhưng tích hợp đa giá trị không có nghĩa là việc gì cũng làm. Không phải nơi nào cũng làm du lịch, nuôi cá hay trồng sen. Mỗi nơi cần bắt đầu từ tài sản mình có: Đất, nước, cảnh quan, tri thức, văn hóa và con người.

Một hộ riêng lẻ khó tự tổ chức hết các tầng giá trị. Người trồng lúa cần hợp tác xã để hình thành vùng nguyên liệu, doanh nghiệp để chế biến và mở thị trường, nhà khoa học để hoàn thiện quy trình, người trẻ để kể chuyện và kết nối trên không gian số.

Tư duy đa giá trị vì thế cũng là tư duy hợp tác. Mỗi người làm một phần, nhưng cùng nhìn về một bức tranh chung.

Trong bức tranh ấy, người nông dân không chỉ sản xuất lúa. Người nông dân còn quản trị đất, bảo vệ nguồn nước, tạo cảnh quan và kể câu chuyện của cánh đồng.

Một cánh đồng giảm phát thải, giữ nước, tăng hữu cơ và bảo vệ đa dạng sinh học đang tạo ra lợi ích cho cả cộng đồng. Những giá trị ấy cần được đo lường và từng bước chuyển thành lợi ích kinh tế cho người thực hiện.

Khi ấy, chuyện trồng lúa không chỉ còn là bán hạt gạo. Đó còn là bán sự an toàn, trách nhiệm với môi trường, câu chuyện văn hóa và niềm tin vào một phương thức sản xuất bền vững.

Tích hợp đa giá trị không nhất thiết bắt đầu từ dự án lớn. Nó có thể bắt đầu bằng một việc nhỏ: Không đốt rơm, giảm một lần phun thuốc, giữ lại một bờ hoa, ghi nhật ký, phân loại lúa tốt hơn. Mỗi thay đổi nhỏ mở ra một cách nhìn mới. Rồi từ cách nhìn mới, người ta sẽ thấy cánh đồng rộng hơn diện tích được ghi trên giấy.

Cánh đồng kéo dài đến nhà máy chế biến, cửa hàng, bếp ăn và bàn ăn của người tiêu dùng. Cánh đồng còn kéo dài vào ký ức của người đi xa và tương lai của những đứa trẻ sẽ tiếp tục sống trên vùng đất ấy.

Ngồi xuống giữa cánh đồng sau mùa gặt, nhặt một cọng rơm lên, mới hiểu rằng thứ tưởng như đã kết thúc vẫn có thể mở đầu cho một vòng đời khác.

Hạt lúa đi vào bữa cơm.

Rơm trở về nuôi đất.

Nước nuôi cá.

Cảnh quan nuôi dưỡng ký ức.

Câu chuyện tạo nên niềm tin.

Và con người, khi biết kết nối những giá trị ấy, không chỉ làm ra nhiều hơn từ cánh đồng, mà còn gìn giữ cánh đồng lâu hơn cho ngày mai.

Cánh đồng không chỉ trồng lúa. Cánh đồng còn trồng sinh kế, trồng văn hóa, trồng niềm tin và trồng cả hy vọng về một miền quê biết làm giàu mà không làm nghèo đất đai.

BÀI 24

ĐẤT LÀNH NUÔI NGƯỜI

Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

Có những buổi chiều ngồi giữa một miền quê, nhìn người nông dân cúi xuống nhặt một nắm đất, bóp nhẹ trong lòng bàn tay rồi đưa lên ngửi, chợt nhận ra giữa con người và đất đai có một thứ ngôn ngữ không cần thành lời.

Chỉ một màu đất, một mùi đất, một độ ẩm còn lưu trên đầu ngón tay, người làm ruộng đã có thể đoán đất đang no nước, thiếu nước hay đã mệt sau nhiều mùa bị thúc ép.



Người ở phố có thể nhìn đất như một khoảng không gian để xây dựng, phân lô, định giá. Người nông dân nhìn

đất khác hơn. Đất là nơi gieo hạt, là chỗ dựng nhà, là phần mộ ông bà, là bờ ruộng giữ nước, là mảnh sân phơi lúa những ngày mùa. Đất không chỉ nằm dưới chân người. Đất nằm trong ký ức.

Người quê thường nói: “Đất lành chim đậu”. Đất lành không chỉ gọi chim về làm tổ, mà còn giữ con người ở lại, tạo ra sinh kế và hình thành tính cách của một vùng quê.

Dòng sông đi vào giọng nói, cánh đồng đi vào nếp nghĩ, mùa nước đi vào cách dựng nhà. Tự nhiên không đứng bên ngoài con người. Tự nhiên âm thầm tạo nên con người.

Ngày trước, người nông dân làm ruộng bằng cách lắng nghe đất trời. Nhìn mây để tính lúc xuống giống, quan sát con nước để biết khi nào thả lưới. Những kinh nghiệm ấy được truyền từ đời này sang đời khác bằng lao động và trải nghiệm.

Tự nhiên luôn có những quy luật của mình. Con người có thể hiểu, thích nghi và hợp tác với những quy luật ấy, nhưng không thể ra lệnh cho tự nhiên mãi mãi.

Có một thời, chúng ta tin rằng phát triển đồng nghĩa với chinh phục thiên nhiên. Đồng ruộng phải được khai thác đến mức tối đa. Cây trồng phải cho năng suất cao hơn sau mỗi vụ. Mọi khoảng đất đều phải tạo ra sản lượng có thể đo đếm ngay lập tức.

Những cánh đồng nhiều loại cây trở thành vùng độc canh. Những ao nhỏ được lấp để lấy thêm diện tích. Năng suất có thể tăng lên, nhưng cùng lúc ấy đất bắt đầu mệt. Đất không biết lên tiếng nên con người thường quên rằng đất cũng cần được nghỉ ngơi, được bổ sung hữu cơ, được che phủ và được bảo vệ bởi những sinh vật nhỏ bé trong lòng đất.

Khi đất suy kiệt, cây trồng trở nên yếu. Khi cây yếu, con người phải dùng thêm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Chi phí tăng lên, rủi ro lớn hơn, còn sức sống tự nhiên của đất ngày càng giảm xuống.

Có những thửa ruộng nhìn từ xa vẫn xanh nhưng bên trong đã mất dần sinh khí; những dòng kênh vẫn chảy nhưng nước không còn trong như trước. Tự nhiên thường im lặng rồi gửi lại thông điệp bằng hạn hán, sạt lở, ngập lụt, dịch bệnh. Mỗi sinh vật đều giữ một vai trò trong hệ sinh thái. Con người đứng trong hệ sinh thái ấy, chứ không đứng bên trên.

Có người từng hỏi: Đất lành nuôi người, vậy ai sẽ nuôi đất?

Câu trả lời tưởng như đơn giản: chính con người. Nhưng nuôi đất không chỉ là bón thêm phân. Nuôi đất là trả lại cho đất những gì đã lấy đi. Là giữ lại rơm rạ, lá cây, phụ phẩm để tạo nguồn hữu cơ thay vì đốt bỏ. Là luân canh cây

trồng để đất có thời gian phục hồi. Là giữ những bờ cây, ao nước nhỏ làm nơi trú ngụ cho sinh vật. Là giảm dần những tác động làm hệ sinh thái mất cân bằng.

Nuôi đất còn là biết dừng lại trước lòng tham sản lượng. Một vụ mùa cao chưa chắc tạo ra một nền nông nghiệp bền vững. Một cánh đồng chỉ được đánh giá bằng tấn lúa trên mỗi hecta sẽ bỏ sót khả năng giữ nước, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì cảnh quan và gìn giữ văn hóa canh tác.

Đất lành không chỉ tạo ra nhiều nông sản. Đất lành tạo ra nông sản an toàn, giảm chi phí cho người trồng, giúp cây chống chịu tốt hơn và giữ lại cảm giác yên tâm cho người sống trên đất.

Ngày nay, khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo giúp con người hiểu đất, cây trồng và thời tiết chính xác hơn. Nhưng công nghệ chỉ có ý nghĩa khi giúp con người sống hài hòa hơn với tự nhiên, chứ không phải khai thác tự nhiên nhanh hơn. Công nghệ có thể cho biết đất đang thiếu gì; con người phải tự hỏi vì sao đất thiếu và làm gì để đất khỏe lại lâu dài.

Tương lai của nông nghiệp có lẽ không nằm ở câu hỏi làm sao buộc tự nhiên tạo ra nhiều hơn, mà ở câu hỏi làm sao hợp tác với tự nhiên để cùng tạo ra giá trị. Có thể học cách sống cùng nước, đưa phụ phẩm trở lại vòng tuần hoàn,

kiến tạo những khu vườn nhiều tầng, nhiều loài. Đó là cách hợp tác với tự nhiên thay vì chỉ khai thác tự nhiên.

Không có một mô hình duy nhất thích hợp cho mọi miền quê. Đất ven biển khác đất phù sa. Đất đồi khác đất trũng. Nông nghiệp bền vững bắt đầu từ việc hiểu nơi mình đang sống.

Hiểu đất rồi mới chọn cây. Hiểu nước rồi mới tính mùa vụ. Hiểu hệ sinh thái rồi mới tổ chức sản xuất. Hiểu cộng đồng rồi mới nghĩ đến phát triển lâu dài.

Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên cũng là một mối quan hệ đạo đức. Người hôm nay không phải là chủ sở hữu tuyệt đối của đất đai, sông ngòi, rừng cây. Chúng ta chỉ là những người được trao quyền sử dụng trong một khoảng thời gian của lịch sử. Đất đã từng nuôi ông bà. Đất đang nuôi chúng ta. Và đất còn phải nuôi những thế hệ chưa ra đời.

Một hạt gạo chưa bao giờ chỉ do con người làm ra. Trong đó có nước của dòng sông, dinh dưỡng của đất, ánh sáng mặt trời, vi sinh vật và bàn tay người lao động. Mỗi mùa vụ là công trình chung của tự nhiên và con người. Khi hiểu điều đó, con người sẽ bớt kiêu hãnh trước tự nhiên và biết cúi xuống nhiều hơn.

Cúi xuống để nhận ra một mầm cây đang nhú. Cúi xuống để nghe đất kể câu chuyện của nhiều mùa vụ. Cúi

xuống để hiểu rằng phát triển bền vững bắt đầu từ cách ta đối xử với mảnh đất ngay dưới chân mình.

Một miền quê đáng sống không chỉ có đường rộng, nhà đẹp hay những cánh đồng đạt năng suất cao. Miền quê đáng sống còn phải có đất khỏe, nước sạch, cây xanh, chim chóc, cá tôm và những con người biết sống vừa đủ với tự nhiên.

Đất lành nuôi người.

Nhưng đất chỉ tiếp tục lành khi người biết nuôi lại đất.

Đó không chỉ là câu chuyện của nông nghiệp. Đó là cách con người lựa chọn tương lai cho chính mình.

PHẦN V. KHI NÔNG THÔN BƯỚC RA THỊ TRƯỜNG

BÀI 25

HẠT GẠO ĐI XA ĐẾN ĐÂU?

Chuỗi giá trị bắt đầu từ cánh đồng

Có những buổi sáng ngời bên một cánh đồng vừa gặt, nhìn những bao lúa còn thơm mùi rom mới được chất lên xe, chợt tự hỏi: Từ nơi này, hạt gạo sẽ đi về đâu?

Có thể hạt lúa ấy vào một nhà máy xay xát gần đó, được đóng trong một túi gạo mang thương hiệu ở thành phố, hoặc vượt đại dương, xuất hiện trong bữa cơm của một gia đình rất xa.



Nhưng hạt gạo đi xa không chỉ được đo bằng số ki-lô-mét.

Có hạt gạo vượt nửa vòng trái đất nhưng giá trị quay trở lại cánh đồng vẫn rất ít. Có hạt gạo chỉ đi đến một nhà hàng trong tỉnh, nhưng mang theo câu chuyện vùng đất, giống lúa, mùa vụ và người trồng nên được trân trọng hơn. Bởi vậy, câu hỏi không chỉ là hạt gạo đi xa đến đâu, mà còn là hạt gạo mang theo được bao nhiêu giá trị trên hành trình ấy.

Lâu nay, người nông dân thường đứng ở điểm đầu của một chuỗi dài. Gieo hạt, chăm sóc, chống chọi với nắng hạn, sâu bệnh, nước mặn, nước phèn. Đến ngày thu hoạch, lúa được bán đi, rồi câu chuyện của người trồng dường như cũng dừng lại ở đó.

Sau cánh đồng là cơ sở sấy, nhà máy xay xát, doanh nghiệp chế biến, vận chuyển, phân phối và người tiêu dùng. Mỗi công đoạn đều làm hạt lúa thay đổi hình hài và tăng thêm giá trị; ngay cả tấm, cám, trấu, rom rạ cũng có thể trở thành sản phẩm mới.

Vậy mà nhiều khi, nơi tạo ra nguyên liệu lại nhận phần giá trị thấp nhất. Người nông dân bán lúa, còn giá trị lớn hơn được hình thành ở những công đoạn phía sau: Chế biến, tiêu chuẩn hóa, bao bì, thương hiệu và phân phối. Làm sao để người trồng không chỉ đứng ngoài nhìn hạt gạo của mình đi

xa? Chuỗi giá trị bắt đầu từ cánh đồng, nhưng không thể kết thúc ở cánh đồng.

Nếu chỉ sản xuất rồi chờ người đến mua, người nông dân luôn ở thế bị động. Giá cao thì vui, giá thấp thì buồn. Một mùa trúng có thể trở thành mùa thất giá. Công sức nhiều tháng đôi khi được quyết định trong một cuộc trả giá rất ngắn bên bờ ruộng. Muốn thay đổi điều đó, cánh đồng phải được kết nối với thị trường ngay từ đầu.

Trồng giống gì, cho phân khúc nào, theo tiêu chuẩn nào, sản lượng bao nhiêu, ai thu mua, ai chế biến, những câu hỏi ấy phải được đặt ra trước khi gieo hạt, chứ không phải chờ đến ngày thu hoạch.

Đó là lúc người nông dân không chỉ trồng lúa mà tham gia vào một kế hoạch kinh doanh. Hợp tác xã không chỉ gom lúa mà tổ chức vùng nguyên liệu. Doanh nghiệp không chỉ đến mua hàng mà cùng người trồng xây dựng quy trình, kiểm soát chất lượng và chia sẻ rủi ro.

Muốn hạt gạo đi xa, trước hết cánh đồng phải có tổ chức.

Một thửa ruộng riêng lẻ khó đáp ứng đơn hàng lớn hay đồng nhất chất lượng. Nhưng nhiều thửa ruộng được liên kết, cùng giống, cùng quy trình, cùng tiêu chuẩn sẽ tạo thành vùng nguyên liệu đáng tin cậy. Hợp tác xã giúp các hộ nhỏ

có sức thương lượng, tổ chức dịch vụ dùng chung, giảm chi phí và hạn chế thất thoát.

Hạt gạo đi xa còn nhờ vào chất lượng. Nhưng chất lượng không được tạo ra ở cuối dây chuyền đóng gói. Chất lượng bắt đầu từ đất, nước, giống, quy trình canh tác và ý thức của người trồng.

Một bao bì đẹp không thể che giấu hạt gạo kém chất lượng. Một câu chuyện hay không thể thay thế cho sự an toàn của sản phẩm. Thương hiệu chỉ bền khi lời hứa trên bao bì giống với trải nghiệm trong bữa cơm.

Người nông dân giữ gìn thương hiệu từ những việc rất nhỏ: dùng vật tư đúng cách, ghi chép sản xuất, thu hoạch đúng độ chín, không trộn lẫn giống lúa.

Ngày nay, người tiêu dùng không chỉ hỏi gạo ngon hay không. Họ còn muốn biết gạo được trồng ở đâu, có an toàn không, có làm tổn hại môi trường không, người trồng có được hưởng lợi công bằng không.

Hạt gạo vì thế mang theo nhiều lớp giá trị: *Dinh dưỡng, văn hóa, môi trường và trách nhiệm xã hội.*

Hạt gạo giảm phát thải kể câu chuyện tiết kiệm nước, giảm phân bón. Hạt gạo đặc sản kể chuyện giống lúa, vùng đất. Hạt gạo của hợp tác xã kể chuyện những người nông

dân cùng thay đổi cách làm ăn. Kể chuyện không phải để tô vẽ. Kể chuyện là làm rõ giá trị thật đã được tạo ra.

Nhưng câu chuyện chỉ có sức thuyết phục khi có dữ liệu và khả năng truy xuất. Công nghệ số có thể giúp người tiêu dùng nhìn thấy hành trình của hạt gạo từ ngày gieo sạ đến lúc đóng gói.

Một chuỗi giá trị không mạnh nếu chỉ có một doanh nghiệp mạnh. Chuỗi chỉ mạnh khi các mắt xích hiểu nhau, tin nhau và cùng có lợi. Không ai có thể đưa hạt gạo đi xa một mình. Và đi xa cũng chưa phải đích đến cuối cùng. Điều quan trọng là sau mỗi hành trình, phần giá trị nào quay trở lại cánh đồng. Có quay lại thành thu nhập ổn định hơn cho người trồng không? Có giúp hợp tác xã đầu tư và đào tạo thành viên không? Có giúp đất khỏe hơn, nước sạch hơn không? Có tạo cơ hội để người trẻ nhìn thấy tương lai trên quê hương mình không?

Nếu hạt gạo đi rất xa nhưng người nông dân vẫn bất an, cánh đồng vẫn suy kiệt và lớp trẻ vẫn muốn rời quê, thì hành trình ấy vẫn còn dang dở.

Chuỗi giá trị không chỉ là đường đi của sản phẩm. Đó còn là đường đi của lợi ích, trách nhiệm và niềm tin. Nhìn chiếc xe chở lúa khuất dần sau đường làng, có thể hình dung mỗi hạt gạo đang bắt đầu hành trình qua nhiều bàn tay, nhà máy, cửa hàng và biên giới. Nhưng dù đi đến đâu, hạt gạo

vẫn mang theo dấu vết của cánh đồng đầu tiên đã sinh ra mình: Mùi phù sa, giọt mồ hôi người trồng, nắng, gió và những mùa nước lên xuống.

Hạt gạo đi xa đến đâu không chỉ do con tàu lớn, thị trường rộng hay thương hiệu mạnh. Hành trình ấy bắt đầu từ một cánh đồng được tổ chức, một người nông dân chuyên nghiệp, một hợp tác xã biết liên kết và một doanh nghiệp biết đồng hành. Khi những mắt xích ấy cùng nhìn về một hướng, hạt gạo không chỉ đi xa hơn. Hạt gạo còn mang về nhiều giá trị hơn cho chính miền quê nơi nó bắt đầu.

BÀI 26

CHUYỆN MỘT TRÁI XOÀI MANG HỘ CHIẾU

Nông sản và hội nhập

Buổi sáng, trong khu vườn ven sông, người nông dân cầm trái xoài vừa hái lên, đưa ngang tầm mắt. Trái xoài vàng ươm, còn lớp phấn mỏng, cuống thơm mùi nhựa mới. Bao năm rồi, xoài vẫn lớn lên từ phù sa, từ những cơn mưa đầu mùa, từ bàn tay tỉa cành, bao trái, canh con nước. Nhưng hôm nay, trái xoài ấy chuẩn bị đi xa hơn những phiên chợ huyện, xa hơn những vựa trái cây ven quốc lộ.

Người trong vườn nói vui: “Trái xoài này có hộ chiếu rồi”.



Dĩ nhiên, trái xoài không có cuốn hộ chiếu với ảnh chân dung, không phải xếp hàng trước cửa khẩu. Nhưng để bước

vào một thị trường xa lạ, nó cũng phải được nhận diện, xác nhận nguồn gốc, bảo đảm rằng mình đến từ đâu, được chăm sóc thế nào, có an toàn hay không.

“Hộ chiếu” của trái xoài là mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, nhật ký canh tác, hồ sơ kiểm dịch và hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Hội nhập, nhìn từ khu vườn, thường bắt đầu bằng những việc rất nhỏ: ghi lại ngày phun thuốc thay vì chỉ nhớ trong đầu; tuân thủ thời gian cách ly dù thương lái đang hối thúc; bao trái để hạn chế sâu bệnh; giữ khu vực tập kết sạch sẽ.

Hội nhập vì vậy không bắt đầu ở sân bay, bến cảng hay bàn đàm phán quốc tế. Hội nhập bắt đầu từ cách người trồng chăm một gốc xoài, từ cách hợp tác xã tổ chức vùng nguyên liệu, từ cách doanh nghiệp giữ chữ tín với khách hàng. Một hiệp định thương mại có thể mở ra cánh cửa. Nhưng bước qua được cánh cửa ấy hay không còn phụ thuộc vào từng người trong chuỗi ngành hàng.

Trái xoài có hộ chiếu phải thuộc về một vùng trồng có danh tính. Điều đó làm thay đổi cả cách nghĩ về sản xuất. Nhưng thị trường quốc tế không chỉ mua một chuyến xoài. Thị trường mua sự ổn định của cả vùng sản xuất.

Một hộ làm đúng chưa đủ. Cả vùng phải cùng làm đúng. Một hộ vi phạm quy trình có thể ảnh hưởng đến mã số của nhiều hộ khác. Một lô hàng không đạt yêu cầu có thể khiến cả vùng nguyên liệu bị cảnh báo, thậm chí tạm dừng xuất khẩu.

Lúc ấy, hàng xóm không còn chỉ là người sống cạnh nhau. Hàng xóm trở thành những người cùng giữ một tấm hộ chiếu chung.

Chuyện làm ăn không còn là “vườn ai nấy lo”. Người trong vùng phải ngồi lại, thống nhất quy trình, chia sẻ thông tin, giám sát lẫn nhau và cùng xử lý rủi ro. Có lúc phải nhắc nhau một liều thuốc. Có lúc phải chấp nhận bỏ một lứa trái chưa đạt chuẩn. Có lúc phải từ chối cách làm nhanh nhưng không bền vững.

Mã số vùng trồng không chỉ là một dãy ký tự in trên bao bì. Đó là mã số của lòng tin. Bởi vậy, không có trái xoài nào thực sự đi ra thế giới một mình. Phía sau nó là người nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà khoa học, cơ quan kiểm dịch và đơn vị logistics. Trái xoài là sản phẩm của một hệ sinh thái ngành hàng.

Một người có thể trồng được trái xoài ngon. Nhưng để hàng triệu trái xoài cùng đạt chuẩn, cùng có chất lượng ổn định và cùng đi được xa, cần có tổ chức.

Tổ chức không chỉ là lập một hợp tác xã rồi treo bảng trước cổng. Tổ chức là phân công trách nhiệm, quản lý dữ liệu, xây dựng lịch mùa vụ, dự báo sản lượng, kiểm soát chất lượng và cùng thương lượng với doanh nghiệp. Khi sản xuất có tổ chức, người nông dân không còn đứng một mình trước thị trường.

Có người hỏi: Trái xoài đã xuất khẩu rồi, vậy là hội nhập thành công chưa?

Có lẽ chưa hẳn.

Đưa được một chuyến hàng ra nước ngoài mới là bước đầu. Giữ được thị trường qua nhiều năm mới là thành công. Bán được xoài tươi là một cơ hội. Xây dựng được thương hiệu, phát triển sản phẩm chế biến, kể được câu chuyện vùng đất và nâng cao thu nhập cho người trồng mới là mục tiêu lâu dài.

Thị trường thế giới rộng lớn nhưng cũng khát khe. Hôm nay người mua tìm trái cây ngon. Ngày mai người mua còn quan tâm đến cách sản xuất, vật liệu bao bì và trách nhiệm với môi trường.

Tâm hộ chiếu của trái xoài vì thế cũng phải được làm mới: Từ an toàn thực phẩm tiến tới sản xuất xanh; từ truy xuất nguồn gốc tiến tới minh bạch chuỗi cung ứng; từ bán nông sản tiến tới bán thương phẩm; từ cạnh tranh bằng giá thấp tiến tới cạnh tranh bằng chất lượng, bản sắc và uy tín.

Nhưng khi cắt trái xoài ra, người mua sẽ cảm nhận được những gì làm nên chất lượng của nó. Vị ngọt ấy đến từ đất đai, khí hậu, giống cây và kinh nghiệm. Nhưng vị ngọt ấy còn đến từ kỷ luật sản xuất, tinh thần hợp tác và trách nhiệm của cả cộng đồng.

Nông sản hội nhập không phải là nông sản mất đi căn tính quê nhà. Ngược lại, càng đi xa, nông sản càng cần một câu chuyện rõ ràng về nơi mình sinh ra. Khi ấy, trái xoài không chỉ mang hộ chiếu để qua cửa khẩu. Nó mang theo căn cước của một miền quê.

Chiều xuống, người nông dân lại bước giữa những hàng xoài. Trên cành, những trái non đang lớn dần trong lớp bao giấy. Chưa ai biết chúng sẽ được bán ở chợ quê, vào siêu thị hay đi qua một đại dương xa xôi.

Nhưng mỗi trái xoài đều đang được chăm sóc như một lời hứa: Người làm nông không làm tổn thương đất đai chỉ để đạt thêm vài ký năng suất; hợp tác xã không đánh đổi uy tín chung vì lợi ích nhất thời; doanh nghiệp không bỏ người trồng lại phía sau khi thị trường biến động.

Hội nhập suy cho cùng không chỉ là đưa nông sản đi xa. Hội nhập là học cách làm tốt hơn ngay trên mảnh vườn quê mình.

Hành trình quan trọng nhất của trái xoài không phải là vượt qua bao nhiêu cây số, mà là làm thay đổi tư duy của những người tạo ra nó: Từ sản xuất theo thói quen sang sản xuất theo tiêu chuẩn; từ bán cái mình có sang làm ra cái thị trường cần; từ những khu vườn riêng lẻ sang một cộng đồng cùng giữ gìn chất lượng và danh tiếng.

Tấm hộ chiếu giúp trái xoài bước qua cửa khẩu.

Còn lòng tin mới giúp trái xoài ở lại với thị trường.

BÀI 27

NGƯỜI KỂ CHUYỆN CHO NÔNG SẢN

Sức mạnh của thương hiệu

Buổi chợ sớm, trên chiếc sạp nhỏ bên đường, những trái cam vàng nằm cạnh mấy rổ quýt, vài nải chuối và những túi xoài vừa hái. Người mua đi qua, cầm lên, hỏi giá rồi đặt xuống. Trái nào cũng tươi, cũng được chăm chút qua bao tháng ngày. Vậy mà có thứ vừa bày ra đã có người tìm mua, có thứ phải đợi đến cuối buổi.



Người bán hàng thở dài: “Nông sản quê mình ngon, nhưng ít người biết”. Câu nói nghe nhẹ tênh, mà chạm vào một khoảng trống rất dài trong hành trình của nông sản.

Bao lâu nay, người làm nông quen kể chuyện bằng mùa vụ, năng suất, bằng sổ ký thu hoạch được sau mỗi công đất. Người mua lại muốn biết trái cây này đến từ đâu, vùng đất ấy có gì đặc biệt, người trồng đã chăm sóc ra sao, điều gì làm nên hương vị không thể lẫn với nơi khác.

Nông sản có thể ngon nhờ đất, nhờ nước, nhờ khí hậu và bàn tay người trồng. Nhưng để được nhớ đến, nông sản cần một người kể chuyện. Câu chuyện không làm cho trái cam ngọt hơn, nhưng giúp người mua hiểu vì sao nó ngọt. Cũng không làm hạt gạo trắng hơn, nhưng giúp người ăn biết phía sau hạt gạo là giống lúa, mùa nước, thửa ruộng và nhọc nhằn của người nông dân.

Đó là lúc nông sản bước từ *vô danh* sang *có danh tính*.

Hôm nay, trên một kệ hàng có thể có hàng chục sản phẩm gần giống nhau. Người mua không thể nếm thử tất cả. Họ chọn bằng tên gọi, hình ảnh, thông tin trên bao bì và cảm giác mà sản phẩm gợi lên.

Thương hiệu bắt đầu từ khoảnh khắc ấy.

Thương hiệu không chỉ là một logo đẹp, một cái tên in lớn trên hộp hay vài câu quảng cáo hoa mỹ. Thương hiệu là điều người ta nhớ đến khi nghe tên một sản phẩm: mùi thơm của hạt gạo, vị ngọt của trái cây, sự đàng hoàng của một hộp tác xã.

Thương hiệu vì vậy không nằm hoàn toàn trên bao bì. Thương hiệu nằm trong trí nhớ và lòng tin của người tiêu dùng, mà trí nhớ thì cần câu chuyện. Lòng tin lại cần sự thật.

Mỗi nông sản đều có một câu chuyện. Có nơi kể về giống cây được ông bà gìn giữ qua nhiều thế hệ. Có nơi kể về vùng đất từng nhiễm phèn, nhiễm mặn nhưng người dân vẫn kiên trì cải tạo. Có nơi kể chuyện người trẻ trở về, đưa nông sản quê nhà đến gần người tiêu dùng hơn.

Chỉ tiếc rằng nhiều câu chuyện vẫn nằm yên trong ký ức của người làng, trong lời kể bên ấm trà. Khi đưa sản phẩm ra thị trường, người ta lại chỉ ghi vài dòng quen thuộc: ngon, sạch, chất lượng cao.

Những lời ấy đúng, nhưng chưa đủ. Sản phẩm nào cũng có thể nói mình ngon. Nơi nào cũng có thể nói mình sạch. Điều làm người mua nhớ đến là những điều chỉ vùng đất ấy mới có.

Câu chuyện thương hiệu không cần quá lớn lao. Đôi khi chỉ là tên một con rạch chảy quanh khu vườn, lớp phù sa sau mùa nước nổi, cây nhãn được người cha trồng vào năm người con đầu tiên ra đời, hay một giống lúa bản địa được cả xóm cùng giữ lại.

Những chi tiết nhỏ ấy tạo nên căn cước. Căn cước giúp nông sản không bị lẫn giữa một thị trường đầy những sản phẩm tương tự.

Nhưng kể chuyện không có nghĩa là tô vẽ.

Một câu chuyện hay không thể cứu được một sản phẩm kém chất lượng. Bao bì đẹp không thể che đi sự thất thường. Một đoạn phim xúc động không thể thay thế cho quy trình sản xuất an toàn.

Thương hiệu chỉ bền khi câu chuyện và chất lượng đi cùng nhau.

Nếu kể rằng sản phẩm được làm theo phương pháp tự nhiên, thì cách sản xuất phải đúng như vậy. Nếu nói đó là sản phẩm của cộng đồng, lợi ích phải được chia sẻ cho cộng đồng. Nếu nhấn mạnh yếu tố truyền thống, phải biết gìn giữ những giá trị cốt lõi.

Người kể chuyện nông sản trước hết phải là người giữ lời. Mỗi lần người tiêu dùng mở một gói hàng, nếm một sản phẩm, là một lần câu chuyện được kiểm chứng. Nếu sản phẩm đúng như điều đã kể, lòng tin sẽ dày thêm. Nếu không đúng, câu chuyện sẽ trở thành lời quảng cáo rỗng.

Thương hiệu không được tạo nên bằng một chiến dịch ngắn hạn. Nó được vun đắp qua từng mùa vụ, từng đơn hàng. Có khi mất nhiều năm để một cái tên được nhớ đến, nhưng chỉ cần một lần gian dối, niềm tin có thể mất đi rất nhanh.

Người kể chuyện nông sản cũng không thể đứng một mình.

Nông dân hiểu khu vườn. Doanh nghiệp hiểu thị trường. Người thiết kế hiểu hình ảnh. Người già giữ ký ức làng quê. Người trẻ biết dùng công nghệ. Khi những hiểu biết ấy gặp nhau, câu chuyện sẽ đầy đặn và chân thật hơn.

Thương hiệu của một vùng nông sản không nên thuộc riêng một người. Đó là tài sản chung được nhiều thế hệ bồi đắp.

Trong thời đại số, một chiếc điện thoại có thể ghi lại hành trình từ lúc cây ra hoa đến ngày thu hoạch. Một mã nhỏ trên bao bì có thể dẫn người mua về tận khu vườn. Nhưng công nghệ chỉ là phương tiện.

Không phải cứ đưa nông sản lên mạng là có thương hiệu. Không phải nhiều người xem là nhiều người tin. Thương hiệu số vẫn phải bắt đầu từ chất lượng thật, con người thật và trách nhiệm thật.

Chiều xuống, người bán hàng thu dọn chiếc sạp nhỏ. Ngày mai, chợ lại họp. Những câu hỏi cũ lại được cất lên: Trái này ở đâu, ai trồng, có gì khác với nơi khác? Có lẽ, đã đến lúc mỗi người làm nông biết trả lời những câu hỏi ấy không chỉ bằng giá bán.

Hãy kể về mảnh đất. Kể về giống cây. Kể về những đổi thay trong cách làm. Kể về người đã giữ nghề, giữ vườn, giữ hạt giống qua bao mùa khó khăn. Kể bằng sự chân thành, nhưng cũng phải làm bằng kỷ luật và trách nhiệm. Bởi mỗi

nông sản khi rời khu vườn đều mang theo một phần hình ảnh của quê hương.

Một trái xoài được nhớ đến, vùng đất sẽ được nhớ đến. Một hạt gạo được tin yêu, người nông dân phía sau nó cũng được trân trọng hơn.

Sức mạnh của thương hiệu không chỉ nằm ở chỗ bán được giá cao hơn. Sức mạnh lớn hơn là giúp sản phẩm có tên, người làm ra sản phẩm có vị trí, và miền quê có một câu chuyện để bước ra thế giới.

Người kể chuyện nông sản không làm thay đổi vị ngọt của trái cây.

Nhưng có thể làm cho vị ngọt ấy được nhớ lâu hơn.

BÀI 28

TỪ QUÊ NHÀ ĐẾN SIÊU THỊ

Hành trình tạo niềm tin

Buổi sáng, người nông dân mang mấy giỏ rau ra điểm tập kết của hợp tác xã. Rau còn đọng sương, được bó gọn, xếp ngay ngắn. Người phụ trách kiểm tra từng lô, đối chiếu sổ ghi chép rồi đặt riêng một giỏ sang bên.

“Lô này chưa đủ thời gian cách ly”.



Người trồng rau thoáng ngáp ngừng. Nếu mang ra chợ, có lẽ vẫn bán được. Rau xanh, đẹp, nhìn bằng mắt thường không ai nhận ra điều gì khác biệt. Nhưng rồi ông lặng lẽ đưa giỏ rau trở về. Một giỏ rau bị giữ lại. Một khoản thu

nhập bị chậm đi. Nhưng cũng từ khoảnh khắc ấy, niềm tin được giữ lại.

Niềm tin thường bắt đầu từ những lựa chọn không ai nhìn thấy. Đó là khi người sản xuất vẫn làm đúng dù không có người kiểm tra. Là khi hợp tác xã chấp nhận loại một lô hàng chưa đạt chuẩn, dù đang thiếu hàng giao cho khách. Là khi doanh nghiệp thông báo rõ một sai sót thay vì tìm cách che giấu. Là khi người bán không gọi một sản phẩm bình thường bằng những lời quá đẹp đẽ.

Niềm tin không đến từ lời khẳng định rằng mình đáng tin. Niềm tin đến từ cách người ta hành xử trong những lúc hoàn toàn có thể chọn làm khác đi.

Ở miền quê, nhiều cuộc mua bán từng bắt đầu bằng một cái bắt tay. Người mua quen mặt người bán. Người bán biết nhà người mua ở đâu. Con gà, mớ rau, bao lúa được trao đi trong một mối quan hệ đã được vun đắp qua nhiều năm. Có khi chưa cần trả tiền ngay.

Người ta tin nhau vì sống cùng một làng, biết tính nết và hoàn cảnh của nhau. Nhưng khi nông sản đi xa hơn khỏi lũy tre, niềm tin không còn chỉ dựa vào sự quen biết.

Người tiêu dùng ở thành phố không biết ai trồng mớ rau. Doanh nghiệp ở nước ngoài chưa từng bước chân vào khu vườn. Người mua chỉ nhìn thấy sản phẩm, nhãn hàng, thông tin truy xuất và những cam kết được in trên bao bì.

Khoảng cách càng xa, niềm tin càng phải được tạo dựng bằng những cách rõ ràng hơn.

Một mã truy xuất có thể cho biết sản phẩm đến từ đâu. Một chứng nhận có thể xác nhận quy trình. Một thương hiệu giúp người mua nhận diện. Một hợp đồng làm rõ trách nhiệm giữa các bên. Nhưng giấy tờ, mã số hay chứng nhận tự thân chưa tạo ra niềm tin. Chúng chỉ có ý nghĩa khi phản ánh đúng những gì đang diễn ra trong thực tế.

Niềm tin không nằm trên tấm bảng treo trước cổng.

Niềm tin nằm trong từng việc làm phía sau tấm bảng ấy.

Hành trình tạo niềm tin bắt đầu từ sự nhất quán.

Người tiêu dùng có thể chấp nhận một trái cam không thật tròn, một củ khoai không thật đều, một quả cà chua có vài vết xước nhỏ. Nhưng rất khó chấp nhận hôm nay sản phẩm tốt, ngày mai lại kém; hôm nay được chăm sóc đúng quy trình, ngày mai vì thiếu hàng mà trộn thêm sản phẩm không rõ nguồn gốc.

Chất lượng không nhất thiết phải hoàn hảo, nhưng phải ổn định.

Sự ổn định ấy không thể chỉ dựa vào sự cẩn thận của một người. Nó cần một cách tổ chức từ giống, vật tư đầu vào, canh tác, thu hoạch, sơ chế, bảo quản đến vận chuyển. Mỗi mắt xích đều phải hiểu rằng sơ suất của mình có thể làm ảnh hưởng đến uy tín của cả chuỗi.

Một người nông dân làm đúng chưa đủ để tạo dựng niềm tin cho cả vùng nguyên liệu. Một doanh nghiệp giữ chữ tín cũng chưa đủ nếu những mắt xích còn lại làm việc tùy tiện. Niềm tin là kết quả của một cộng đồng cùng giữ lời.

Vì vậy, hợp tác xã không chỉ là nơi gom sản phẩm. Hợp tác xã cần trở thành nơi tổ chức sự tin cậy. Ở đó, mỗi thành viên biết mình phải làm gì, vì sao phải làm đúng và hậu quả sẽ ra sao nếu một người phá vỡ cam kết chung.

Có khi phải nhắc nhau ghi nhật ký sản xuất. Có khi phải kiểm tra chéo giữa các vườn. Có khi phải từ chối sản phẩm của chính người quen. Những việc ấy dễ làm mất lòng trong chốc lát, nhưng lại giữ được niềm tin lâu dài. Giữ niềm tin đôi khi phải bắt đầu từ việc dám nói “không”.

Niềm tin cũng cần sự minh bạch.

Trong sản xuất, không phải lúc nào mọi việc cũng diễn ra suôn sẻ. Một mùa mưa kéo dài có thể làm chất lượng trái cây giảm. Một chuyến hàng có thể bị chậm. Một lô sản phẩm có thể phát sinh sai sót.

Điều làm người mua mất niềm tin không hẳn chỉ là sai sót. Đó còn là cách người bán đối diện với sai sót ấy.

Che giấu làm cho một sự cố nhỏ trở thành một khủng hoảng lớn. Né tránh trách nhiệm làm cho khoảng cách giữa các bên ngày càng xa. Ngược lại, thông tin kịp thời, giải

thích rõ ràng và chủ động khắc phục có thể giữ lại mối quan hệ ngay cả trong lúc khó khăn.

Người tiêu dùng không đòi hỏi người sản xuất không bao giờ mắc lỗi. Người tiêu dùng cần thấy rằng khi có lỗi, người sản xuất không bỏ chạy. Một thương hiệu đáng tin không phải là thương hiệu chưa từng gặp sự cố. Đó là thương hiệu biết chịu trách nhiệm đến cùng.

Trong hành trình ấy, lời hứa luôn phải đi cùng khả năng thực hiện. Nhiều sản phẩm nông thôn được giới thiệu bằng những lời rất lớn: tinh khiết nhất, ngon nhất, hoàn toàn tự nhiên, tốt nhất cho sức khỏe. Những lời ấy có thể gây chú ý trong chốc lát, nhưng cũng dễ trở thành gánh nặng nếu sản phẩm không chứng minh được.

Niềm tin không được tạo nên bằng cách nói lớn hơn sự thật. Đôi khi, chỉ cần kể đúng điều mình làm được: sản phẩm được trồng ở vùng đất nào, thu hoạch vào mùa nào, áp dụng quy trình gì, có điểm mạnh và giới hạn ra sao.

Sự chân thật không làm sản phẩm nhỏ đi. Trái lại, sự chân thật tạo ra cảm giác gần gũi và bền vững.

Người mua ngày nay không chỉ mua một món hàng. Người mua muốn biết mình đang đặt niềm tin vào ai. Khi cảm nhận được sự chân thành, họ có thể trở thành khách hàng lâu dài, thậm chí trở thành người kể tiếp câu chuyện về sản phẩm.

Công nghệ có thể giúp hành trình ấy rõ ràng hơn.

Một mã nhỏ trên bao bì có thể dẫn người mua về tận khu vườn. Một hệ thống dữ liệu có thể ghi lại quá trình canh tác. Một đoạn phim có thể giúp người tiêu dùng nhìn thấy người thật, việc thật phía sau sản phẩm.

Nhưng công nghệ không thể thay thế đạo đức nghề nghiệp. Dữ liệu chỉ có giá trị khi được ghi đúng. Hình ảnh chỉ có sức thuyết phục khi phản ánh đúng thực tế. Truy xuất nguồn gốc chỉ có ý nghĩa khi người ta thực sự có thể truy đến nơi chịu trách nhiệm.

Nếu sự gian dối đi vào hệ thống số, công nghệ chỉ làm cho sự gian dối được trình bày đẹp hơn.

Gốc rễ của niềm tin vẫn nằm ở con người.

Chiều xuống, người nông dân trở lại điền tập kết. Giỏ rau buổi sáng được mang về làm thức ăn cho gia đình và vật nuôi. Ông tiếc công, tiếc của, nhưng không trách người kiểm tra.

“Lần sau phải tính kỹ hơn”.

Một câu nói đơn giản, nhưng cho thấy tư duy đã khác.

Khi người sản xuất hiểu rằng loại bỏ một lô hàng chưa đạt chuẩn không phải là mất mát vô ích, mà là bảo vệ thị trường cho những mùa sau, niềm tin bắt đầu có nền móng.

Niềm tin không được tạo ra trong một ngày. Nó được góp nhặt qua từng lần giao hàng đúng hẹn, từng sản phẩm

đạt chất lượng, từng lời hứa được thực hiện. Nó lớn lên chậm rãi, giống như một cái cây phải qua nhiều mùa mưa nắng mới đủ bóng mát cho người khác dừng chân.

Nhưng niềm tin cũng rất mong manh.

Một lần gian dối có thể làm mất đi những gì nhiều người đã vun đắp. Một sản phẩm không rõ nguồn gốc có thể kéo cả thương hiệu vùng miền đi xuống. Một quyết định vì lợi ích trước mắt có thể đóng lại cánh cửa thị trường trong nhiều năm. Bởi vậy, hành trình tạo niềm tin không chỉ là việc của người bán đối với người mua.

Đó còn là niềm tin giữa nông dân với hợp tác xã, giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với thị trường, giữa cộng đồng hôm nay với những thế hệ sẽ tiếp tục sống bằng nghề nông ngày mai.

Có niềm tin, một cái bắt tay có thể trở thành hợp đồng dài hạn. Một sản phẩm nhỏ có thể tìm được thị trường lớn. Một vùng quê có thể được nhớ đến bằng sự tử tế. Không có niềm tin, mọi lời quảng bá chỉ là âm thanh thoáng qua.

Hành trình của nông sản có thể bắt đầu từ hạt giống.

Nhưng hành trình của thương hiệu luôn bắt đầu từ lòng tin.

Và lòng tin chỉ ở lại với những ai biết giữ lời, kể cả khi không có ai đứng đó để chứng kiến.

BÀI 29

ĐIỀU CÒN LẠI SAU MÙA THU HOẠCH

Giá trị không nằm ở sản lượng

Mùa thu hoạch đi qua, cánh đồng bỗng rộng hơn.

Những bông lúa đã rời khỏi thân cây. Chiếc máy gặt không còn chạy dọc bờ ruộng. Tiếng người gọi nhau, tiếng ghe chở lúa, tiếng xe tải ngoài đường làng cũng thưa dần. Trên đồng chỉ còn gốc rạ, vài đàn cò đáp xuống và mùi rơm mới phơi trong nắng.



Người nông dân ngồi trước hiên nhà, tính lại một mùa vụ. Bao nhiêu công đất. Bao nhiêu tấn lúa. Giá bán được bao

nhiều. Chi phí giống, phân bón, thuốc, máy móc, thuê nhân công còn lại thế nào.

Mùa màng thường được kết thúc bằng một phép tính. Nhưng sau phép tính ấy vẫn còn một câu hỏi khác: Điều gì thực sự còn lại sau mùa thu hoạch? Có phải chỉ là những bao lúa đã bán, số tiền vừa nhận và vài đồng rơm nằm lại trên đồng?

Nếu chỉ nhìn vào sản lượng, mùa vụ kết thúc khi nông sản rời khỏi ruộng vườn. Nhưng nếu nhìn bằng tư duy phát triển, thu hoạch không phải là điểm cuối. Đó là lúc nhiều giá trị khác bắt đầu lộ ra.

Bao lâu nay, người làm nông thường tự hào về số tấn thu được trên mỗi héc-ta. Nơi nào năng suất cao hơn thì được xem là làm giỏi hơn. Cánh đồng nào cho nhiều lúa, khu vườn nào sai trái, ao nuôi nào thu được nhiều cá thì được coi là thành công. Sản lượng là quan trọng.

Không có sản lượng thì khó bảo đảm thu nhập, khó đáp ứng thị trường, khó tổ chức chế biến. Nhưng sản lượng chỉ là một phần của giá trị.

Một ruộng lúa đạt năng suất cao chưa chắc mang lại lợi nhuận cao nếu chi phí đầu vào quá lớn. Một vườn cây sai trái chưa chắc giúp người trồng khá lên nếu đến mùa phải bán tháo. Một chuyến cá đầy khoang chưa chắc là mùa biển vui nếu nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt.

Làm ra nhiều hơn nhưng đất bạc màu hơn, nước ô nhiễm hơn, người làm vất vả hơn và thu nhập vẫn bấp bênh thì sản lượng ấy chưa thể gọi là thành công trọn vẹn. Giá trị của một mùa vụ phải được nhìn từ điều còn lại.

Còn lại bao nhiêu lợi nhuận sau khi trừ chi phí. Còn lại độ màu mỡ nào trong đất. Còn lại niềm tin nào giữa người trồng và doanh nghiệp. Còn lại kinh nghiệm gì cho vụ sau. Còn lại sự gắn kết nào trong hợp tác xã. Và còn lại một miền quê có đủ sức giữ người trẻ ở lại hay không.

Sau mùa gặt, rơm rạ thường bị xem là phần thừa.

Có thời, người ta đốt rơm ngay trên đồng cho nhanh. Khói phủ kín đường làng, tro bay lên mái nhà, đất mất đi một phần chất hữu cơ. Nhưng rồi có nơi bắt đầu cuộn rơm làm thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, phủ gốc, ủ phân. Trấu được làm chất đốt, vật liệu. Cám gạo trở thành nguyên liệu thực phẩm.

Phụ phẩm không còn là thứ phải vứt bỏ mà trở thành đầu vào của một vòng sản xuất mới. Khi ấy, giá trị không kết thúc ở hạt gạo.

Một cánh đồng có thể tạo ra lúa, rơm, trấu, phân hữu cơ, năng lượng, tín chỉ carbon, cảnh quan và cả trải nghiệm mùa vàng. Một khu vườn không chỉ cho trái tươi mà còn có thể tạo ra nước ép, mứt, tinh dầu, sản phẩm thủ công và dịch vụ tham quan.

Điều quan trọng không chỉ là thu hoạch được bao nhiêu, mà là nhìn thấy được bao nhiêu lớp giá trị trong cùng một tài nguyên. Nếu chỉ bán trái xoài, giá trị dừng lại ở cân xoài. Nếu biết phân loại, chế biến, kể chuyện, tổ chức trải nghiệm và xây dựng thương hiệu, giá trị có thể đi xa hơn nhiều lần.

Nông nghiệp vì thế không chỉ là nghệ thuật làm ra sản lượng. Đó còn là năng lực không để giá trị bị bỏ lại trên đồng.

Sau mùa thu hoạch còn lại dữ liệu.

Mỗi mùa vụ đều để lại dấu vết: giống nào phù hợp, thời tiết thay đổi ra sao, sâu bệnh xuất hiện lúc nào, loại vật tư nào hiệu quả, chi phí nào có thể giảm, khách hàng phản hồi điều gì.

Nếu những thông tin ấy chỉ nằm trong trí nhớ của từng người, vụ sau lại bắt đầu gần như từ đầu. Nhưng nếu được ghi chép, chia sẻ và phân tích, một mùa vụ sẽ trở thành bài học cho nhiều mùa tiếp theo.

Nhật ký canh tác không chỉ để đối phó với kiểm tra. Đó là trí nhớ của khu vườn, của cánh đồng.

Dữ liệu giúp người nông dân biết mình lời ở khâu nào, lỗ ở khâu nào. Giúp hợp tác xã dự báo sản lượng và tổ chức

thị trường. Giúp doanh nghiệp chuẩn bị chế biến, vận chuyển. Giúp chính quyền nhận diện sớm rủi ro mùa vụ.

Một mùa thu hoạch đáng giá không chỉ để lại nông sản, mà còn để lại tri thức.

Sau mùa thu hoạch còn lại các mối quan hệ.

Có những hợp đồng kết thúc ngay khi chuyển hàng cuối cùng được giao đi. Nhưng cũng có những mối liên kết được bồi đắp qua từng vụ mùa. Người trồng giữ đúng quy trình. Doanh nghiệp mua đúng cam kết. Hợp tác xã phân chia minh bạch. Khi giá cả biến động, các bên vẫn ngồi lại với nhau.

Điều còn lại sau những lần mua bán ấy là lòng tin.

Lòng tin có thể không được ghi vào bảng sản lượng, nhưng lại quyết định một vùng nguyên liệu có tồn tại lâu dài hay không. Có lòng tin, người nông dân dám đầu tư cho chất lượng. Doanh nghiệp dám ký hợp đồng dài hạn. Hợp tác xã có thể tổ chức sản xuất theo kế hoạch thay vì chờ thương lái đến hỏi mua.

Một mùa vụ chỉ tạo ra sản phẩm. Nhiều mùa vụ giữ đúng lời mới tạo ra thương hiệu.

Sau mùa thu hoạch còn lại đất.

Đất đã cho đi dinh dưỡng để tạo ra hạt, củ, trái. Nếu sau mỗi mùa, con người chỉ lấy đi mà không bù đắp, đất sẽ dần mệt mỏi. Đến một lúc, muốn giữ năng suất phải sử dụng

nhiều phân bón hơn, nhiều thuốc hơn, nhiều chi phí hơn. Người xưa nói đất lành nuôi người. Nhưng đất chỉ lành khi con người biết nuôi lại đất.

Một mùa vụ tốt không chỉ là mùa thu được nhiều. Đó còn là mùa đất được bảo vệ, nguồn nước không bị đầu độc, hệ sinh thái không bị tổn thương quá mức. Khi rom rạ được trả lại cho đất, khi phân hữu cơ được sử dụng hợp lý, khi hóa chất được tiết giảm, người nông dân đang dành lại một phần mùa màng cho tương lai.

Và sau mùa thu hoạch còn lại con người.

Một mùa vụ có giúp người nông dân tự tin hơn không? Có học thêm được kỹ năng mới không? Có biết tính toán chi phí, đọc tín hiệu thị trường, sử dụng công nghệ và làm việc cùng cộng đồng không? Nếu mỗi vụ mùa qua đi, người nông dân vẫn chỉ chờ giá, chờ thương lái, chờ hỗ trợ, thì dù sản lượng có tăng, sức mạnh bên trong vẫn chưa tăng.

Nhưng nếu sau mùa thu hoạch, người trồng biết mình đã làm đúng điều gì, cần thay đổi điều gì, thị trường đang cần gì, thì mùa vụ đã để lại một tài sản quý hơn sản lượng: năng lực.

Một nền nông nghiệp bền vững không chỉ tạo ra nhiều nông sản. Nó phải tạo ra những người nông dân ngày càng chuyên nghiệp, những hợp tác xã ngày càng minh bạch,

những doanh nghiệp ngày càng trách nhiệm và những cộng đồng ngày càng biết hợp tác.

Chiều xuống, gió đưa mùi thơm mới đi qua xóm nhỏ. Cánh đồng sau thu hoạch trông có vẻ trống trải, nhưng thật ra không hề trống. Ở đó còn đất, còn thơm, còn dũ liệu, còn kinh nghiệm, còn những lời hẹn cho mùa sau. Còn niềm vui của một vụ được giá, nỗi buồn của một chuyến hàng chưa trọn vẹn và cả những bài học không thể đo bằng cân, bằng tấn.

Sản lượng cho biết chúng ta đã lấy được bao nhiêu từ một mùa vụ. Còn giá trị cho biết sau mùa vụ ấy, đất đai, con người và cộng đồng đã tốt lên được bao nhiêu.

Đừng chỉ hỏi năm nay thu được bao nhiêu tấn. Hãy hỏi người nông dân còn lại bao nhiêu lợi nhuận, mảnh đất còn lại bao nhiêu sức sống, hợp tác xã còn lại bao nhiêu niềm tin, miền quê còn lại bao nhiêu cơ hội cho tương lai. Bởi mùa thu hoạch nào rồi cũng đi qua. Những bao lúa rồi sẽ được bán. Những trái cây rồi sẽ rời khu vườn. Những con số sản lượng rồi sẽ được thay bằng một mùa vụ mới.

Điều ở lại lâu hơn chính là cách con người đối xử với đất, giữ lời với nhau và biết biến từng mùa màng thành nền móng cho những mùa sau.

Đó mới là vụ mùa lớn nhất.

PHẦN VI. NÔNG THÔN NGÀY MAI

BÀI 30

MỘT LÀNG QUÊ ĐÁNG SỐNG

Khái niệm mới về phát triển nông thôn

Buổi chiều, con đường làng vừa lên đèn. Mấy đứa trẻ đạp xe quanh sân nhà văn hóa. Ngoài bờ kênh, vài người lớn tuổi trò chuyện dưới hàng cây. Ở cuối xóm, một người trẻ dùng điện thoại giới thiệu trái cây vừa hái trong vườn nhà.

Ngôi làng ấy không phải một đô thị thu nhỏ.



Vẫn còn ruộng, còn vườn, còn tiếng chim buổi sớm và mùi thơm sau mùa gặt. Nhưng cuộc sống đã khác. Người dân có việc làm ngay tại quê. Trẻ em được học hành. Người lớn

tuổi được chăm sóc. Nông sản có nơi tiêu thụ. Môi trường được gìn giữ. Những cuộc họp làng không chỉ để nghe thông báo mà còn để cùng bàn chuyện chung.

Bao lâu nay, phát triển nông thôn thường được nhìn qua những gì có thể đo đếm: đường, cầu, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa. Những công trình ấy rất cần thiết. Một con đường tốt rút ngắn khoảng cách đến chợ, trường học và bệnh viện. Điện, nước, internet mở ra nhiều cơ hội mới.

Nhưng một ngôi làng có đường rộng, nhà cao mà người trẻ vẫn lần lượt rời đi, người già ở lại trong cô quạnh, ruộng vườn bị bỏ hoang thì chưa hẳn đã đáng sống. Hạ tầng làm cho làng quê thuận tiện hơn. Điều khiến người ta muốn ở lại là chất lượng của đời sống.

Một làng quê đáng sống không chỉ trả lời câu hỏi “có gì”, mà còn phải trả lời được “sống ở đó như thế nào”. Người dân có sinh kế ổn định không? Môi trường có trong lành không? Có nơi để gặp gỡ, học tập không? Mỗi người có tiếng nói trong những việc chung hay không?

Phát triển nông thôn vì thế không chỉ là làm cho làng quê đầy đủ hơn. Đó là làm cho cuộc sống của con người tốt đẹp hơn. Một làng quê đáng sống trước hết phải là nơi người dân sống được bằng nghề nghiệp của mình.

Không thể nói đến hạnh phúc khi thu nhập luôn bấp bênh, nông sản đến mùa lại rớt giá, người lao động phải đi xa tìm việc và gia đình thường xuyên chia cách.

Nông thôn ngày nay không thể chỉ dựa vào một mùa lúa hay một vụ trái cây. Cần tạo ra nhiều lớp sinh kế từ sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch, nghề thủ công và kinh tế số. Khi giá trị được tạo ra nhiều hơn, người dân có thêm việc làm, người trẻ có lý do để trở về, phụ nữ và người lớn tuổi cũng có thể tham gia vào những công việc phù hợp.

Một làng quê đáng sống không phải là nơi tất cả mọi người đều làm nông. Đó là nơi nghề nông được kết nối với nhiều nghề khác để tạo thành một nền kinh tế nông thôn đa dạng và bền vững. Một người có thể kiếm được thu nhập khá mà vẫn muốn rời quê nếu môi trường ô nhiễm, cộng đồng rời rạc và tiếng nói của mình không được coi trọng.

Phát triển không có nghĩa là xóa hết dấu vết của làng quê để thay bằng những khối bê tông giống nhau. Một dòng sông sạch, một giống cây bản địa, một nghề truyền thống, một ký ức cộng đồng khi mất đi đều khó phục hồi. Làng quê đáng sống phải là nơi con người biết hưởng lợi từ tự nhiên mà không làm tự nhiên kiệt quệ.

Ngày nay, mỗi nhà có một chiếc cổng cao hơn, một màn hình riêng, một môi bận tâm riêng. Người ta sống gần nhau nhưng đôi khi ít gặp nhau hơn. Bởi vậy, phát triển nông thôn còn là kiến tạo lại không gian cộng đồng.

Nhà văn hóa không nên chỉ mở cửa vào ngày hội họp. Đó có thể là nơi trẻ em đọc sách, người lớn học kỹ năng số, nông dân trao đổi kinh nghiệm, người cao tuổi truyền lại ký ức làng quê.

Một hợp tác xã không chỉ gom hàng hóa mà còn tập hợp niềm tin. Một hội quán không chỉ là nơi uống trà mà còn là nơi người dân chia sẻ ý tưởng và quyết định việc chung. Cộng đồng mạnh không phải là cộng đồng không có khác biệt. Đó là cộng đồng biết đối thoại và cùng hành động.

Trong ngôi làng đáng sống, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng. Người dân phải là chủ thể kiến tạo.

Một công trình được quyết định từ bên ngoài có thể hoàn thành nhanh, nhưng chưa chắc phù hợp với nhu cầu thật. Khi người dân được tham gia từ đầu, cùng xác định điều cần làm trước, cùng góp ý và giám sát, công trình ấy sẽ được gìn giữ lâu hơn.

Phát triển nông thôn không thể chỉ là chính quyền làm cho dân. Phải từng bước trở thành chính quyền cùng làm với dân. Cán bộ xã phải biết lắng nghe, kết nối nguồn lực và khơi dậy khả năng tự tổ chức của cộng đồng. Một làng quê đáng sống cần một chính quyền gần dân, minh bạch và biết giữ lời.

Một làng quê thông minh không phải là nơi có thật nhiều thiết bị. Đó là nơi công nghệ giải quyết được những vấn đề thật: Giúp người dân học tập, bán hàng, quản lý mùa vụ, tiếp cận dịch vụ và làm thủ tục thuận tiện hơn. Nếu công nghệ tạo thêm thủ tục hoặc làm người yếu thế bị bỏ lại, đó chưa phải là tiến bộ trọn vẹn.

Làng quê hiện đại không nhất thiết phải đánh mất tiếng quê, nếp sống và bản sắc. Công nghệ có thể giúp những giá trị ấy được lưu giữ, kể lại và lan tỏa xa hơn. Đến tối, ánh đèn trong xóm lần lượt sáng lên. Người trẻ khép lại buổi bán hàng trực tuyến. Máy đưa trẻ được gọi về ăn cơm. Ngoài nhà văn hóa, nhóm người lớn tuổi vẫn còn câu chuyện chưa dứt.

Một làng quê đáng sống có lẽ không cần phải thật giàu có hay hoàn hảo. Chỉ cần ở đó, người dân cảm thấy mình có tương lai. Người trẻ có thể đi xa để học hỏi nhưng vẫn muốn trở về. Người già không cảm thấy bị bỏ lại. Trẻ em lớn lên trong môi trường an toàn, tử tế và có cơ hội. Người làm nông được tôn trọng vì tri thức và giá trị mình tạo ra.

Phát triển nông thôn không phải là biến làng quê thành thành phố. Đó là làm cho làng quê có đủ tiện nghi của đời sống hiện đại mà vẫn giữ được sự gần gũi, không gian xanh, bản sắc văn hóa và tinh thần cộng đồng.

Một con đường mới có thể đưa người dân đi xa hơn.

Nhưng một làng quê đáng sống phải khiến người ta muốn quay về.

Và thước đo cuối cùng của phát triển nông thôn không chỉ là số công trình được xây dựng, mà là sau những đổi thay ấy, con người có sống tốt hơn, gắn bó hơn và tin tưởng hơn vào ngày mai hay không.

BÀI 31

THANH NIÊN LÀNG VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Nông thôn trong kỷ nguyên số

Buổi chiều, dưới mái hiên một ngôi nhà ven đồng, người thanh niên đặt điện thoại hướng về những luống rau. Người xem hỏi cách trồng, chuyện giao hàng, khả năng tham quan khu vườn. Ngoài kia, người cha vẫn cúi nhìn từng chiếc lá. Ông quen nhìn màu cây để đoán thiếu chất, quen sờ đất để biết ruộng khô hay ẩm. Người con chụp một chiếc lá có đốm lạ, đưa hình ảnh vào công cụ trí tuệ nhân tạo để tham khảo nguyên nhân và cách xử lý.



Hai thế hệ đứng trong cùng một khu vườn. Một người mang theo kinh nghiệm của nhiều mùa vụ. Một người mang

theo công cụ của thời đại số. Nếu biết ngồi lại với nhau, khu vườn ấy có thể mở ra một cách làm mới.

Nói đến trí tuệ nhân tạo, nhiều người nghĩ đến phòng thí nghiệm hiện đại, doanh nghiệp công nghệ lớn hay thành phố thông minh. Ít ai nghĩ công nghệ ấy cũng có thể hiện diện trong một khu vườn, một hợp tác xã hoặc một cửa hàng nhỏ giữa làng quê. Nó không nhất thiết bắt đầu từ máy móc đắt tiền. Đôi khi, chỉ từ một câu hỏi trên điện thoại: Giống cây này hợp đất nào, sâu bệnh này là gì, viết bài giới thiệu sản phẩm ra sao, khách hàng đang quan tâm điều gì?

Với thanh niên nông thôn, trí tuệ nhân tạo có thể trở thành trợ lý học tập, gợi ý ý tưởng, xử lý thông tin và tiết kiệm thời gian. Người trẻ có thể dùng công cụ số để tính chi phí, lập kế hoạch mùa vụ, soạn nội dung quảng bá, dịch thông tin hoặc phân tích phản hồi khách hàng. Những việc trước đây phải đi xa mới tìm được người hỗ trợ, nay có thể bắt đầu từ chiếc điện thoại trong túi áo.

Nhưng công nghệ không tự động làm cho nông thôn phát triển. Một chiếc điện thoại chỉ dùng để giải trí sẽ khác với chiếc điện thoại được dùng để tìm kiếm tri thức, kết nối thị trường và giải quyết vấn đề của cộng đồng. Điều quan trọng không chỉ là có công nghệ, mà là biết đặt câu hỏi gì cho công nghệ.

Trí tuệ nhân tạo có thể trả lời nhanh, nhưng không phải lúc nào cũng đúng. Lời khuyên về sâu bệnh phải được đối chiếu với điều kiện thực tế và ý kiến chuyên môn. Số liệu phải được kiểm chứng. Nội dung quảng bá phải dựa trên chất lượng thật của sản phẩm. Người trẻ cần dùng trí tuệ nhân tạo như một trợ lý, không phải người quyết định thay mình. Công nghệ có thể giúp kể chuyện nông sản hay hơn, nhưng không được dùng để kể một câu chuyện không có thật.

Thanh niên làng có lợi thế mà nhiều người ở xa không có: hiểu đất, hiểu người, hiểu tập quán và những khó khăn thật của quê mình. Người trẻ biết mùa nào nước lên, con đường nào thường ngập, loại trái cây nào ngon nhưng khó bảo quản, nghề truyền thống nào đang thiếu người nối tiếp. Khi những hiểu biết ấy kết hợp với công nghệ, nhiều sáng kiến thiết thực có thể hình thành.

Một nhóm mạng xã hội có thể nối người mua với người trồng. Một bản đồ số có thể giới thiệu khu vườn và câu chuyện của làng. Một hệ thống đơn giản có thể giúp hợp tác xã ghi nhật ký sản xuất, quản lý đơn hàng và truy xuất nguồn gốc. Công nghệ không cần bắt đầu từ dự án lớn. Có thể bắt đầu từ một việc mất nhiều thời gian, một khâu thường sai sót, một sản phẩm ngon nhưng chưa được biết đến.

Ngày nay, một người có thể sống ở quê nhưng bán hàng cho khách ở thành phố, học trực tuyến hoặc điều hành cửa

hàng trên nền tảng số. Nhưng để người trẻ trở về, làng quê không thể chỉ kêu gọi bằng tình cảm. Cần có hạ tầng số, nơi thử nghiệm ý tưởng và một cộng đồng sẵn sàng chấp nhận cái mới. Người trẻ cần được trao cơ hội, không chỉ được giao việc.

Tuy vậy, chuyển đổi số không có nghĩa là phủ nhận kinh nghiệm của thế hệ trước. Trí tuệ nhân tạo có thể phân tích dữ liệu thời tiết, nhưng người nông dân lâu năm vẫn nhận ra những dấu hiệu nhỏ trên bầu trời, mặt nước hay côn trùng. Công nghệ có thể gợi ý kỹ thuật, nhưng không thay thế được tri thức về đất đai tích lũy qua nhiều thế hệ.

Điều cần thiết không phải là chọn giữa cái cũ và cái mới, mà là kết nối kinh nghiệm bản địa với tri thức hiện đại. Người cha biết vì sao giống cây này hợp với mảnh đất sau nhà. Người con biết cách ghi lại và chia sẻ kinh nghiệm ấy. Người già nhớ câu chuyện của làng. Người trẻ có thể biến câu chuyện đó thành hình ảnh, bản đồ hoặc đoạn phim.

Khi kinh nghiệm được số hóa, tri thức không mất đi cùng người đang nắm giữ nó. Khi công nghệ được đặt trên nền văn hóa bản địa, đổi mới không làm làng quê xa lạ với chính mình.

Trong kỷ nguyên số, cán bộ xã và các tổ chức cộng đồng phải giúp người dân dùng công nghệ để giải quyết nhu cầu thật. Chuyển đổi số không nên để ai bị bỏ lại phía sau.

Tối xuống, người thanh niên kết thúc buổi giới thiệu sản phẩm trực tuyến. Vài đơn hàng đã được ghi lại. Người cha mang vào một nhánh cây có dấu hiệu lạ. Hai cha con cùng ngồi trước màn hình, xem thông tin, so sánh với kinh nghiệm rồi bàn cách xử lý vào sáng hôm sau.

Trí tuệ nhân tạo không thay người cha hiểu khu vườn. Cũng không thay người con bước ra đồng. Nó chỉ mở thêm một cánh cửa để kinh nghiệm và tri thức gặp nhau.

Nông thôn trong kỷ nguyên số không phải nơi mọi người đều trở thành chuyên gia công nghệ. Đó là nơi công nghệ trở thành công cụ sản xuất, phương tiện học tập và chiếc cầu nối thị trường. Thanh niên làng có thể trở thành người nối tri thức mới với kinh nghiệm cũ, giúp những sản phẩm quen thuộc tìm được con đường mới.

Một miền quê có thể thiếu những tòa nhà cao tầng. Nhưng không nên thiếu những người trẻ dám nghĩ, dám học và dám bắt đầu.

Bối tương lai của nông thôn không chỉ nằm trong những cánh đồng được số hóa. Tương lai ấy nằm trong những con người biết dùng trí tuệ nhân tạo để làm giàu thêm trí tuệ cộng đồng, giữ lại giá trị quê hương và mở ra những cơ hội mới cho làng mình.

KHI NÔNG DÂN TRỞ THÀNH DOANH NHÂN

Tương lai nghề nông

Buổi sáng, người nông dân bước ra vườn khi mặt trời chưa lên khỏi hàng cây. Vẫn đôi dép lấm đất, chiếc nón đã bạc màu, vẫn thói quen nhìn lá, xem trái, đoán nắng mưa bằng những dấu hiệu rất nhỏ của trời đất.

Nhưng trong túi áo hôm nay có thêm một chiếc điện thoại. Trên màn hình là dự báo thời tiết, giá vật tư, đơn đặt hàng, nhật ký canh tác và tin nhắn của khách hàng. Trước khi thu hoạch, người trồng không chỉ nhìn độ chín của trái mà còn tính thời điểm giao hàng, chi phí đóng gói và nhu cầu thị trường.



Người ấy vẫn là nông dân.

Nhưng cách nghĩ đã mang dáng dấp của một doanh nhân.

Bao lâu nay, nghề nông thường được hiểu là làm ra thật nhiều sản phẩm. Đến mùa thu hoạch, nông sản được bán cho thương lái, rồi người nông dân chờ xem giá cả sẽ đưa mình đến đâu. Trong cách làm ấy, người nông dân làm chủ đồng ruộng nhưng chưa chắc làm chủ được sinh kế. Vì vậy, tương lai của nghề nông không chỉ nằm ở việc trồng tốt hơn, nuôi giỏi hơn. Còn nằm ở khả năng tính toán, tổ chức và kết nối thị trường.

Khi nông dân trở thành doanh nhân, điều thay đổi đầu tiên không phải là danh xưng. Đó là cách đặt câu hỏi.

Không chỉ hỏi cây này cho năng suất bao nhiêu, mà còn hỏi thị trường cần loại nào. Không chỉ hỏi bán được giá bao nhiêu, mà còn hỏi sau khi trừ mọi chi phí còn lại bao nhiêu. Không chỉ hỏi mùa này thu hoạch được bao nhiêu tấn, mà còn hỏi có bao nhiêu khách hàng sẽ quay lại vào mùa sau.

Người sản xuất thường nhìn vào sản lượng.

Người kinh doanh phải nhìn vào giá trị.

Tư duy doanh nhân bắt đầu từ việc biết tính đúng. Tính cả công lao động của gia đình, khấu hao máy móc, chi phí vật tư, vận chuyển và rủi ro. Khi không tính đủ chi phí, một

vụ mùa nhìn có vẻ có lời nhưng thực chất chỉ đang lấy công nhà bù vào khoản thiếu hụt. Làm nông bằng kinh nghiệm là cần thiết. Nhưng kinh nghiệm phải được soi sáng bằng những con số.

Người nông dân mang tư duy doanh nhân cũng không bắt đầu mùa vụ chỉ bằng câu hỏi “mình có thể trồng gì”, mà bằng câu hỏi “người mua đang cần gì”.

Thị trường cần sản phẩm đúng chất lượng, đúng thời điểm, có nguồn gốc rõ ràng và được giao đúng hẹn. Người tiêu dùng không chỉ mua nông sản. Còn mua sự an toàn và cảm giác tin cậy.

Người nông dân tương lai phải biết lắng nghe thị trường như lắng nghe đất. Đất cho biết cây có thể lớn lên thế nào. Thị trường cho biết sản phẩm cần được tạo ra theo cách nào. Nếu chỉ hiểu đất mà không hiểu thị trường, nông sản có thể nhiều nhưng khó bán. Nếu chỉ chạy theo thị trường mà bỏ quên đất đai, sản xuất có thể có lợi trước mắt nhưng không còn nền tảng cho tương lai.

Doanh nhân cũng không đứng một mình.

Một hộ nông dân có thể làm ra sản phẩm ngon, nhưng khó bảo đảm sản lượng, thương lượng với doanh nghiệp hay xây dựng thương hiệu chung. Muốn đi xa, người nông dân phải học cách hợp tác.

Hợp tác xã phải là nơi cùng lập kế hoạch, thống nhất quy trình, bán chung sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng. Muốn hùn thì phải hạp: hạp cách nghĩ, cách làm và cách giữ lời. Khi cùng bảo vệ tiêu chuẩn và thương hiệu chung, những mảnh vườn nhỏ có thể tạo thành một năng lực lớn.

Tư duy doanh nhân còn là khả năng nhìn thấy giá trị bên ngoài sản phẩm thô. Một trái bưởi có thể bán theo ký, nhưng cũng có thể tạo ra tinh dầu, mứt, trà, quà tặng và trải nghiệm khu vườn. Một cánh đồng lúa không chỉ cho hạt gạo mà còn có rơm, trấu, phân hữu cơ và câu chuyện văn hóa.

Người sản xuất nhìn thấy một sản phẩm.

Người kinh doanh nhìn thấy một hệ sinh thái giá trị. Nhưng đa tầng giá trị không có nghĩa là làm thật nhiều thứ cùng lúc. Một sản phẩm nhỏ nhưng làm đến nơi đến chốn vẫn tốt hơn một danh mục dài mà chất lượng không ổn định.

Trong thời đại số, điện thoại và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ ghi chép, quản lý đơn hàng, tính toán và kết nối khách hàng. Nhưng công nghệ không thể thay thế sự đàng hoàng.

Một hình ảnh đẹp không cứu được sản phẩm kém chất lượng. Một gian hàng trực tuyến có thể giúp bán chuyển hàng đầu tiên, nhưng chỉ chữ tín mới giúp có đơn hàng tiếp theo.

Người nông dân làm doanh nhân trước hết phải là người biết giữ lời. Giữ lời với khách hàng về chất lượng. Giữ lời với đối tác về sản lượng. Giữ lời với cộng đồng về quy trình chung. Và giữ lời với mảnh đất rằng sẽ không khai thác đến kiệt cùng chỉ để có thêm lợi nhuận trong một mùa vụ.

Tư duy kinh doanh không đối lập với sự tử tế. Kinh doanh bền vững chính là biến sự tử tế thành một cam kết có thể kiểm chứng: Làm thật, nói thật, bán đúng và chịu trách nhiệm đến cùng. Nếu một mùa vụ có lợi nhuận nhưng đất đai suy kiệt, đó chỉ là lấy tương lai trả cho hiện tại.

Tương lai nghề nông cần những người biết làm giàu mà không làm nghèo đất, biết cạnh tranh mà vẫn hợp tác, biết đi ra thị trường mà không đánh mất căn cước quê hương.

Chiều xuống, người nông dân khép lại sổ ghi chép. Ngoài vườn, những trái non đang lớn dần. Trên màn hình điện thoại, một khách hàng vừa hỏi về mùa thu hoạch sắp tới.

Ngày mai, người ấy vẫn bước ra đồng từ sớm. Vẫn xem trời, thăm đất, nhìn cây bằng kinh nghiệm của người làm nông. Nhưng đồng thời cũng tính chi phí, đọc tín hiệu thị trường và bàn kế hoạch với hợp tác xã.

Người nông dân không mất đi khi trở thành doanh nhân.

Ngược lại, nghề nông được nâng lên một vị thế mới. Từ người làm ra nguyên liệu thành người tạo ra giá trị. Từ người chờ giá thành người cùng kiến tạo thị trường. Từ sản xuất riêng lẻ thành hợp tác có tổ chức. Từ bán một mùa vụ thành xây dựng một thương hiệu lâu dài.

Tương lai ấy nằm trong những người nông dân biết làm chủ tri thức, làm chủ thị trường và làm chủ lựa chọn của mình. Khi ấy, người nông dân không chỉ hỏi: “Mùa này thu được bao nhiêu?”, mà biết hỏi một câu xa hơn: “Sau mùa này, mình đã tạo thêm được giá trị gì cho đất, cho người và cho quê hương?”.

NGÔI TRƯỜNG TƯƠNG LAI Ở NÔNG THÔN

Giáo dục cho cộng đồng học tập suốt đời

Buổi chiều, sân trường làng vẫn còn tiếng trẻ con chạy nhảy. Trong một căn phòng, vài người nông dân học ghi nhật ký canh tác bằng điện thoại. Phòng bên cạnh, mấy chị phụ nữ tập chụp ảnh sản phẩm. Ngoài hiên, người lớn tuổi được hướng dẫn tra cứu thông tin sức khỏe và làm thủ tục trực tuyến.



Ngôi trường sau giờ tan học vẫn chưa đóng cửa.

Nơi ấy không chỉ dành cho trẻ em.

Đó có thể là hình ảnh của ngôi trường tương lai ở nông thôn: một ngôi trường thuộc về cả cộng đồng, nơi người ta

có thể học ở bất kỳ tuổi nào và học những điều cần thiết cho cuộc sống.

Bao lâu nay, việc học thường được nghĩ là bắt đầu từ lớp một và kết thúc khi nhận tấm bằng cuối cùng. Nhưng thế giới thay đổi quá nhanh để một lần học có thể đủ cho cả đời.

Một cách sản xuất từng quen thuộc có thể không còn phù hợp trước biến đổi khí hậu, yêu cầu mới của thị trường và sự xuất hiện của công nghệ. Người nông dân phải học đọc dữ liệu. Người bán hàng phải học giao tiếp trên môi trường số. Cán bộ xã phải học phục vụ bằng công cụ mới. Người cao tuổi cũng cần học để không bị tách khỏi đời sống đang đổi thay.

Vì vậy, giáo dục không thể chỉ là chuyện của nhà trường. Đó phải là năng lực học tập của cả cộng đồng.

Một làng quê biết học là một làng quê biết tự làm mới mình. Ngôi trường tương lai không chỉ là một tòa nhà. Đó là một không gian học tập mở.

Lớp học có thể diễn ra trong phòng học, nhưng cũng có thể ở hợp tác xã, khu vườn, nhà văn hóa, trạm y tế, xưởng nghề hay ngay trên cánh đồng. Người dạy không chỉ là giáo viên. Có thể là một nông dân nhiều kinh nghiệm, một nghệ nhân, một kỹ thuật viên, một bác sĩ, một doanh nhân hay một người trẻ biết sử dụng công nghệ.

Tri thức không chỉ đi từ sách giáo khoa đến người học. Tri thức còn đi từ kinh nghiệm của người già sang người trẻ, từ phòng thí nghiệm về khu vườn, từ thị trường trở lại cánh đồng. Khi ấy, ngôi trường làng không chỉ dạy chữ. Còn giúp con người hiểu đất, hiểu nghề, hiểu thị trường, hiểu công nghệ và hiểu nhau hơn.

Ở nông thôn, việc học phải gắn với những vấn đề thật.

Người nông dân cần biết giảm chi phí, quản lý sâu bệnh, sử dụng nước hợp lý và tìm hiểu nhu cầu thị trường. Người bán hàng cần học cách tính giá, đóng gói, chăm sóc khách hàng. Người trẻ cần biết khởi nghiệp bằng kỹ luật và năng lực hợp tác. Người lớn tuổi cần được hướng dẫn những thao tác đơn giản để tiếp cận dịch vụ số.

Một chương trình học chỉ có ý nghĩa khi người học có thể dùng ngay điều vừa học để giải quyết một việc cụ thể.

Sau một buổi học, một hộ dân biết tạo mã truy xuất. Một hợp tác xã biết theo dõi chi phí. Một người cao tuổi biết đăng ký khám bệnh. Một thanh niên biết kiểm chứng thông tin do trí tuệ nhân tạo cung cấp.

Đó là những kết quả nhỏ nhưng thật.

Giá trị của giáo dục nằm ở những thay đổi diễn ra sau lớp học. Ngôi trường tương lai cũng phải dạy con người cách học. Trong thời đại số, thông tin có ở khắp nơi. Chỉ cần một chiếc

điện thoại, người ta có thể tìm thấy hàng nghìn câu trả lời. Nhưng nhiều thông tin không đồng nghĩa với nhiều hiểu biết.

Người học cần biết đặt câu hỏi, kiểm chứng nguồn tin, phân biệt điều đúng với điều có vẻ đúng. Cần biết sử dụng trí tuệ nhân tạo như công cụ hỗ trợ, không phải như người quyết định thay mình.

Học suốt đời là khả năng nhận ra mình đang thiếu điều gì, biết tìm nơi học, biết thử nghiệm, sửa sai và tiếp tục học từ thực tế.

Một cộng đồng có nhiều người biết tự học sẽ không phải chờ mọi giải pháp từ bên ngoài. Khi gặp vấn đề mới, cộng đồng có thể cùng tìm hiểu, cùng thử và cùng điều chỉnh.

Trong ngôi trường ấy, trẻ em cũng học theo một cách khác. Các em không chỉ học để rời quê. Còn phải được học để hiểu quê hương mình có gì, đang đối diện điều gì và có thể tạo ra giá trị gì.

Một bài học sinh học có thể bắt đầu từ con kênh. Một bài toán có thể gắn với chi phí mùa vụ. Một giờ lịch sử có thể bắt đầu từ câu chuyện hình thành làng. Một dự án công nghệ có thể giúp lưu giữ cây cổ thụ hay nghề truyền thống. Khi nhà trường kết nối với đời sống, trẻ em sẽ hiểu rằng tri thức không đứng ngoài quê hương.

Tri thức có thể làm cho quê hương tốt lên.

Người trẻ có thể đi xa để học hỏi. Nhưng nếu từ nhỏ đã hiểu giá trị nơi mình sinh ra, một ngày nào đó có thể trở về với kiến thức mới, cách làm mới và tình yêu quê hương được nuôi dưỡng bằng hiểu biết.

Để trở thành trung tâm học tập của cộng đồng, cánh cửa nhà trường phải được mở rộng hơn. Không chỉ mở cho người dân bước vào, mà còn mở chương trình theo nhu cầu cộng đồng, mở sự hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác xã, trường đại học, nhà khoa học và người có kinh nghiệm thực tế.

Giáo viên không thể một mình đáp ứng mọi nhu cầu. Nhưng nhà trường có thể kết nối người cần học với người có tri thức. Chuyên gia có thể hướng dẫn trực tuyến, doanh nghiệp chia sẻ tiêu chuẩn thị trường, nghệ nhân truyền nghề, nông dân giỏi kể lại bài học trên đồng ruộng.

Công nghệ giúp lớp học vượt ra khỏi bốn bức tường. Nhưng công nghệ chỉ có ý nghĩa khi làm việc học dễ tiếp cận hơn, không tạo thêm khoảng cách giữa người biết dùng và người chưa biết dùng.

Một cộng đồng học tập suốt đời cũng cần một văn hóa không ngại học. Có người lớn tuổi sợ mình chậm. Có người nông dân ngại hỏi vì sợ bị cho là không biết. Có người trẻ ngại thử vì sợ thất bại. Không biết không phải là điều đáng ngại. Đáng ngại là không biết nhưng không muốn học.

Trong cộng đồng biết học, người biết nhiều giúp người biết ít. Người học nhanh hướng dẫn người học chậm. Một câu hỏi đơn giản vẫn được lắng nghe. Một lần làm chưa đúng được xem là cơ hội điều chỉnh.

Tối xuống, lớp kỹ năng số kết thúc. Người nông dân cất điện thoại vào túi. Mấy chị phụ nữ vẫn trao đổi cách chụp hình sản phẩm. Một người lớn tuổi nán lại hỏi cách mở ứng dụng vừa được hướng dẫn.

Ngoài sân, những phòng học đã tắt bớt đèn. Nhưng ngôi trường vẫn còn sáng trong những câu chuyện người ta mang về nhà.

Một ngôi trường tương lai ở nông thôn không nhất thiết phải có kiến trúc thật hiện đại. Điều quan trọng là ở đó, mọi người đều có cơ hội học và đều có thể biến điều đã học thành thay đổi trong cuộc sống.

Khi trẻ em học cùng quê hương, người lớn học cùng công việc, người cao tuổi học để tiếp tục kết nối và cả cộng đồng cùng học để giải quyết những vấn đề chung, ngôi trường không còn nằm riêng sau một hàng rào.

Ngôi trường trở thành chính ngôi làng.

Và một làng quê biết học hôm nay sẽ là một làng quê có khả năng tự tạo ra tương lai cho mình ngày mai.

BÀI 34

BỆNH VIỆN CÁCH NHÀ VÀI CÚ CHẠM MÀN HÌNH

Khi khoảng cách không còn tính bằng cây số

Có những miền quê, từ nhà đến bệnh viện huyện là vài chục cây số. Lên bệnh viện tỉnh có khi mất cả buổi. Với người trẻ, đó chỉ là một chuyến đi. Với người già, người mang bệnh mạn tính, người neo đơn hay một gia đình còn khó khăn, mỗi lần đi khám có thể là cả một câu chuyện.



Phải thức dậy từ lúc trời chưa sáng. Phải nhờ con cháu đưa đi. Phải bỏ một ngày làm đồng, một buổi bán hàng. Có

khi đến nơi chỉ để bác sĩ xem lại vài chỉ số, điều chỉnh toa thuốc, dặn thêm mấy câu rồi quay về.

Vậy nên, khi nói đến chuyển đổi số trong y tế, có lẽ đừng bắt đầu bằng những thuật ngữ lớn. Hãy bắt đầu từ một câu hỏi rất đời thường:

Có cách nào để người dân ở quê bớt phải đi xa mà vẫn được chăm sóc sức khỏe tốt hơn không?

Nếu câu trả lời là có, thì công nghệ bắt đầu có ý nghĩa.

Một chiếc điện thoại thông minh không thể thay thế bác sĩ. Một cuộc gọi video không thể thay thế mọi cuộc thăm khám. Trí tuệ nhân tạo càng không thể thay thế sự thấu cảm của người thầy thuốc. Nhưng công nghệ có thể rút ngắn khoảng cách giữa người bệnh và hệ thống y tế, giúp người dân được tư vấn sớm hơn, theo dõi đều hơn, phát hiện nguy cơ nhanh hơn.

Khi ấy, “bệnh viện gần nhà” không nhất thiết là một tòa nhà mới.

Đôi khi, bệnh viện có thể gần hơn chỉ bằng vài cú chạm trên màn hình.

Từ chuyển xe lên huyện đến cuộc hẹn trên điện thoại

Hãy hình dung một bác nông dân hơn sáu mươi tuổi bị tăng huyết áp và tiểu đường. Trước đây, mỗi tháng bác phải lên bệnh viện tái khám. Con trai nghỉ việc một buổi đưa cha

đi. Đến nơi lấy số, chờ khám, xét nghiệm, lấy thuốc rồi trở về.

Nếu dữ liệu cơ bản như huyết áp, đường huyết, lịch sử dùng thuốc đã được lưu trong hồ sơ sức khỏe điện tử; nếu trạm y tế xã có thể kết nối với bác sĩ tuyến trên; nếu những trường hợp ổn định được tư vấn từ xa, thì không phải tháng nào bác cũng cần đi hàng chục cây số.

Những cuộc đi lại không cần thiết giảm xuống. Người bệnh tiết kiệm thời gian. Bệnh viện tuyến trên bớt quá tải. Cán bộ y tế cơ sở có thêm chỗ dựa chuyên môn.

Đó là một cách nhìn khác về hiệu quả của chuyển đổi số. Không phải bao nhiêu phần mềm đã được cài đặt, mà là bao nhiêu phiền hà của người dân đã được giảm đi.

Mỗi người dân cần một “cuốn sổ sức khỏe” đi cùng suốt đời

Ngày trước, nhiều gia đình có một túi nylon đựng đủ loại giấy tờ khám bệnh: phiếu xét nghiệm, toa thuốc, phim chụp, giấy ra viện. Đi khám lần sau lại mang theo cả xấp hồ sơ, đôi khi thiếu mất một tờ quan trọng.

Người bệnh kể lại bệnh sử bằng trí nhớ. Bác sĩ lại hỏi từ đầu. Có những xét nghiệm phải làm lại vì thông tin cũ không còn hoặc không thể truy cập.

Trong một hệ thống y tế số đúng nghĩa, mỗi người dân cần có một hồ sơ sức khỏe liên tục từ lúc sinh ra, trưởng thành đến khi về già.

Không phải để “số hóa cho đủ chỉ tiêu”, mà để mỗi lần gặp bác sĩ, lịch sử sức khỏe của người bệnh đã hiện diện trước mặt. Đã từng dị ứng thuốc gì? Có bệnh nền nào? Đang dùng thuốc gì? Lần xét nghiệm gần nhất ra sao?

Chỉ một vài thông tin ấy, nếu được kết nối đầy đủ, có thể giúp người thầy thuốc quyết định nhanh hơn và an toàn hơn. Quan trọng hơn, hồ sơ sức khỏe số giúp thay đổi tư duy từ **chữa bệnh sang quản lý sức khỏe**.

Người dân không cần chờ đến lúc đau mới tìm bác sĩ. Các chỉ số bất thường có thể được phát hiện sớm. Người mắc bệnh mạn tính được nhắc tái khám. Người cao tuổi được theo dõi định kỳ. Trẻ em được quản lý tiêm chủng. Thai phụ được theo dõi thai kỳ.

Y tế lúc ấy không chỉ xuất hiện khi con người mắc bệnh.

Y tế hiện diện trong cả hành trình giữ gìn sức khỏe.

Trạm y tế xã không còn là “tuyến cuối cùng”

Lâu nay, chúng ta thường hình dung hệ thống y tế như một chiếc thang: Xã ở dưới, huyện ở trên, tỉnh cao hơn nữa.

Trong thế giới kết nối số, có lẽ nên nhìn khác. Trạm y tế xã tuy gần dân nhất nhưng không nhất thiết là nơi có ít tri thức nhất. Một bác sĩ ở xã có thể hội chẩn với bác sĩ chuyên khoa ở tỉnh. Một điều dưỡng có thể gửi kết quả điện tim để được hỗ trợ đọc từ xa. Một ca bệnh khó có thể được tham vấn trước khi quyết định chuyển tuyến.

Khi tri thức y khoa có thể di chuyển qua mạng, khoảng cách địa lý không còn đồng nghĩa với khoảng cách chuyên môn.

Vậy thì trạm y tế xã cần được nhìn lại. Không chỉ là nơi tiêm chủng, sơ cứu, cấp thuốc hay làm những công việc hành chính y tế. Đó có thể trở thành **điểm kết nối sức khỏe của cộng đồng**: Vừa chăm sóc ban đầu, vừa quản lý sức khỏe người dân, vừa kết nối chuyên môn với tuyến trên. Khi niềm tin ở tuyến cơ sở tăng lên, áp lực lên tuyến trên cũng giảm xuống.

Công nghệ không được tạo thêm một khoảng cách mới

Ở quê, không phải ai cũng sử dụng điện thoại thông minh thành thạo.

Có những cụ già chỉ biết nghe và gọi. Có người không nhớ mật khẩu. Có người nhìn màn hình nhỏ không rõ. Có người không biết tải ứng dụng.

Nếu mọi dịch vụ y tế đều được đưa lên môi trường số mà thiếu người hướng dẫn, một nghịch lý có thể xảy ra: Công nghệ được tạo ra để rút ngắn khoảng cách, nhưng lại tạo thêm khoảng cách giữa người biết sử dụng và người không biết sử dụng. Vì vậy, chuyển đổi số y tế ở nông thôn không thể chỉ là câu chuyện của ngành y tế.

Đoàn thanh niên có thể giúp người cao tuổi cài đặt và sử dụng ứng dụng. Tổ công nghệ số cộng đồng có thể hướng dẫn đăng ký khám bệnh. Hội phụ nữ có thể hỗ trợ các gia đình tiếp cận kiến thức chăm sóc sức khỏe. Nhân viên y tế thôn, bản có thể trở thành chiếc cầu nối giữa công nghệ và người dân.

Một nền y tế số tử tế phải luôn chừa một cánh cửa cho những người chưa thành thạo công nghệ. Không để ai phải đứng ngoài chỉ vì họ không biết bấm vào đâu trên màn hình.

Dữ liệu sức khỏe là chuyện riêng tư nhất của một con người

Càng số hóa nhiều, càng phải nghĩ đến an toàn dữ liệu.

Bởi hồ sơ sức khỏe không phải một tập dữ liệu bình thường. Trong đó có bệnh sử, kết quả xét nghiệm, thuốc đang sử dụng và rất nhiều thông tin riêng tư.

Nếu dữ liệu bị lộ hoặc bị sử dụng sai mục đích, niềm tin của người dân vào hệ thống y tế số sẽ bị tổn thương.

Vì vậy, chuyển đổi số y tế không chỉ cần công nghệ tốt. Còn cần quy trình chặt chẽ, phân quyền rõ ràng, bảo vệ quyền riêng tư và giúp người dân hiểu dữ liệu của mình được sử dụng ra sao.

Công nghệ càng tiến xa, đạo đức dữ liệu càng phải đi cùng.

AI là người trợ lý, không phải người phán quyết

Trí tuệ nhân tạo có thể đọc hình ảnh y khoa nhanh hơn, cảnh báo sớm nguy cơ, hỗ trợ bác sĩ phân tích dữ liệu, nhắc người bệnh uống thuốc hay gợi ý những trường hợp cần ưu tiên khám.

Ở những vùng còn thiếu bác sĩ chuyên khoa, đó là một cơ hội đáng quý.

Nhưng AI chỉ nên là công cụ hỗ trợ. Người đưa ra quyết định cuối cùng vẫn phải là người thầy thuốc. Bởi phía sau mỗi chỉ số là một con người.

Một kết quả xét nghiệm giống nhau nhưng đặt trong hai hoàn cảnh sống khác nhau có thể cần hai cách tư vấn khác nhau. Máy có thể nhìn thấy dữ liệu. Người thầy thuốc còn phải nhìn thấy nỗi lo của người bệnh.

Đừng bắt đầu bằng công nghệ, hãy bắt đầu bằng vấn đề

Chuyển đổi số không nên bắt đầu bằng câu hỏi: Mua phần mềm nào, trang bị thiết bị gì, xây dựng ứng dụng ra sao.

Hãy bắt đầu bằng những câu hỏi khác: Người dân đang mất thời gian nhất ở khâu nào? Người mắc bệnh mạn tính đang gặp khó khăn gì? Trạm y tế xã đang thiếu thông tin gì? Người cao tuổi khó tiếp cận dịch vụ số ở điểm nào?

Khi vấn đề được nhận diện đúng, công nghệ mới có chỗ để phát huy giá trị.

Bởi cuối cùng, người dân không quan tâm hệ thống phía sau có bao nhiêu máy chủ, bao nhiêu nền tảng hay bao nhiêu thuật toán.

Người dân chỉ cảm nhận rất đơn giản: Hôm nay đi khám có bớt chờ không? Có bớt phải đi xa không? Bác sĩ có biết bệnh sử của mình không? Khi cần có hỏi được ai không? Có được chăm sóc tốt hơn không?

Đó mới là thước đo cuối cùng của y tế số.

Để người ở quê được an tâm sống ở quê

Một miền quê đáng sống không chỉ có đường đẹp, trường học tốt, cảnh quan xanh hay sinh kế ổn định. Còn cần một cảm giác rất căn bản: **khi đau bệnh, mình được chăm sóc.**

Nhiều người lớn tuổi muốn ở lại quê nhà. Họ quen mảnh vườn, con sông, hàng xóm, tiếng gà sáng và phiên chợ nhỏ. Nhưng con cháu đôi khi muốn đón cha mẹ lên thành phố chỉ vì một nỗi lo: Ở quê, nếu có chuyện sức khỏe thì làm sao?

Nếu y tế số giúp bác sĩ đến gần người dân hơn, nếu trạm y tế xã được kết nối tốt hơn, nếu người cao tuổi được theo dõi sức khỏe thường xuyên hơn, thì công nghệ không chỉ thay đổi một dịch vụ.

Nó còn góp phần giữ con người ở lại với quê hương. Có thể một ngày nào đó, trong căn nhà giữa một xóm nhỏ, một cụ già đo huyết áp rồi dữ liệu được gửi đến trạm y tế. Nhân viên y tế thấy chỉ số bất thường, gọi điện hỏi thăm. Nếu cần, bác sĩ tuyến xã kết nối với tuyến trên. Con cháu ở xa cũng được thông báo.

Không ai phải hốt hoảng. Không phải chuyển xe nào cũng cần vội vã lên thành phố. Khi ấy, khoảng cách từ một căn nhà ở làng quê đến bệnh viện không còn tính bằng cây số.

Nó có thể chỉ còn vài cú chạm màn hình. Nhưng phía sau vài cú chạm ấy phải là cả một hệ sinh thái y tế biết kết nối, biết chia sẻ và biết đặt con người ở trung tâm. Và có lẽ, ý nghĩa đẹp nhất của chuyển đổi số không nằm ở chỗ công nghệ đi xa đến đâu.

Mà ở chỗ nhờ công nghệ, sự chăm sóc có thể đi gần đến từng người đến đâu.

BÀI 35

MỘT NGÔI LÀNG THÔNG MINH

Công nghệ phục vụ con người

Buổi sáng, một người phụ nữ lớn tuổi đứng trước cổng, đưa điện thoại lên xem thông báo của xã. Hôm nay có lịch khám bệnh từ xa tại trạm y tế, chiều có lớp hướng dẫn bán hàng trực tuyến, ngày mai họp tác xã họp về lịch xuống giống.



Bên kia đường, một người nông dân mở ứng dụng xem mực nước ngoài kênh. Người con làm việc ở thành phố gọi về, dặn cha chiều nay có mưa lớn. Trong nhà văn hóa, mấy thanh niên chuẩn bị chiếu đoạn phim ghi lời kể của những người cao tuổi về lịch sử làng.

Không có thiết bị nào quá xa lạ. Nhưng trong cái bình thường ấy, một cách sống mới đang dần hình thành. Người ta gọi đó là làng thông minh.

Nói đến thông minh, nhiều người nghĩ ngay đến camera, cảm biến, dữ liệu lớn hay trí tuệ nhân tạo. Vì thế, người ta dễ hỏi: cần mua thiết bị gì, lắp hệ thống nào, xây phần mềm ra sao? Nhưng câu hỏi đầu tiên phải là: người dân trong làng đang gặp khó khăn gì?

Người lớn tuổi đi làm thủ tục có phải chờ lâu không? Người nông dân có biết lúc nào nên tưới nước, thu hoạch không? Sản phẩm làm ra có tìm được người mua không? Công nghệ chỉ có ý nghĩa khi trả lời được những câu hỏi rất đời thường ấy.

Một ngôi làng không trở nên thông minh chỉ vì có nhiều thiết bị. Nó trở nên thông minh khi con người biết dùng công nghệ để giảm khó khăn, kết nối với nhau và đưa ra quyết định tốt hơn. Thông minh không nằm trong chiếc máy. Thông minh nằm trong cách con người dùng chiếc máy ấy để chăm lo cho nhau.

Ở một ngôi làng thông minh, dữ liệu thời tiết, sâu bệnh và nhu cầu thị trường được cập nhật. Hợp tác xã biết vùng nào sắp thu hoạch, sản lượng bao nhiêu, đơn hàng cần tiêu chuẩn gì. Bà con nhờ đó điều chỉnh kế hoạch, hạn chế cảnh trồng quá nhiều rồi chờ thương lái đến định giá.

Nhưng dữ liệu không thay thế được kinh nghiệm. Cảm biến có thể báo độ ẩm của đất, còn người nông dân lâu năm biết vì sao mỗi mảnh ruộng giữ nước khác nhau. Phần mềm có thể dự báo thời tiết, nhưng người sống lâu bên dòng sông vẫn nhận ra những đổi thay nhỏ của con nước.

Làng thông minh không phủ nhận tri thức bản địa. Công nghệ cần giúp ghi lại và truyền những kinh nghiệm ấy cho thế hệ sau. Một đoạn phim, bản đồ số hay thư viện cộng đồng có thể lưu giữ cách chọn giống, xem con nước, làm món ăn truyền thống và những câu chuyện về làng. Khi ấy, chuyển đổi số không chỉ để phát triển kinh tế. Chuyển đổi số còn để giữ lại căn cước của một miền quê.

Một ngôi làng thông minh cũng phải là nơi việc học không dừng lại sau cánh cổng trường. Người nông dân học cách đọc thông tin thị trường. Người trẻ hướng dẫn người lớn tuổi làm thủ tục trực tuyến. Người già kể cho trẻ nhỏ nghe chuyện đất, chuyện nghề, chuyện làng.

Điều đáng lo không chỉ là thiếu công nghệ. Đáng lo hơn là công nghệ làm khoảng cách trong làng rộng thêm. Người trẻ sử dụng thành thạo, còn người lớn tuổi đứng ngoài. Họ có điều kiện tiếp cận thị trường mới, còn hộ khó khăn tiếp tục bị bỏ lại. Vì vậy, ngôi làng thông minh phải bắt đầu từ tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

Mỗi tiện ích mới cần được hướng dẫn bằng ngôn ngữ dễ hiểu. Mỗi dịch vụ trực tuyến cần có người hỗ trợ. Mỗi lớp học công nghệ phải gắn với việc cụ thể: đăng ký khám bệnh, tra cứu thủ tục, bán sản phẩm hay nhận biết một vụ lừa đảo.

Công nghệ càng hiện đại, cách tiếp cận càng phải gần gũi. Một ngôi làng thông minh cũng không thể chỉ trông chờ vào dự án từ bên ngoài. Thiết bị có thể được tài trợ, phần mềm có thể được bàn giao, nhưng nếu người dân không thấy cần thiết, mọi thứ rồi sẽ nằm im.

Sự thông minh của làng phải được nuôi dưỡng từ bên trong cộng đồng. Có thể bắt đầu bằng một vấn đề nhỏ: Con đường thường ngập, rác chưa được thu gom đúng giờ, nông sản chưa có đầu ra, người già khó tiếp cận dịch vụ y tế. Người dân cùng xác định vấn đề, người trẻ đề xuất công cụ, cán bộ kết nối nguồn lực.

Mỗi vấn đề được giải quyết sẽ tạo thêm niềm tin. Từ một sáng kiến nhỏ, cộng đồng dần hình thành thói quen dùng công nghệ để cùng nhau giải quyết công việc.

Làng thông minh vì thế không phải một đích đến hoàn thành bằng lễ khánh thành. Đó là một quá trình học tập, thử nghiệm và điều chỉnh không ngừng.

Buổi chiều, tại nhà văn hóa, một nhóm thanh niên hướng dẫn người dân đưa sản phẩm lên nền tảng số. Ở góc phòng, mấy em nhỏ xem bản đồ số về cây cỏ thụ, ngôi đình

và dòng kênh. Ngoài sân, người lớn tuổi kể lại tên gọi của từng xóm nhỏ để nhóm thanh niên ghi chép.

Công nghệ và ký ức đang ngồi cạnh nhau. Có lẽ, hình ảnh ấy chính là dáng hình gần gũi nhất của một ngôi làng thông minh. Đó không phải nơi máy móc làm thay mọi việc. Đó là nơi con người có thêm công cụ để hiểu nhau, hỗ trợ nhau và cùng kiến tạo tương lai.

Một ngôi làng thông minh có thể bắt đầu từ việc người già làm thủ tục thuận tiện hơn, người bệnh được tư vấn kịp thời, người nông dân biết trước nhu cầu thị trường và câu chuyện làng được lưu giữ cho trẻ nhỏ.

Công nghệ không phải để làm cho làng quê trở thành thành phố. Công nghệ phải giúp làng quê sống tốt hơn với những giá trị riêng của mình.

Vẫn là con đường ấy, dòng sông ấy, mái nhà ấy, nhưng con người được kết nối gần nhau hơn. Vẫn là ruộng vườn ấy, nghề truyền thống ấy, nhưng được tiếp thêm tri thức và cơ hội mới.

Một ngôi làng chỉ thực sự thông minh khi công nghệ không đứng cao hơn con người, mà lặng lẽ đứng bên cạnh con người. Để mỗi bước tiến của thời đại cũng là một bước tiến của cộng đồng. Để không ai bị bỏ lại phía sau.

Và để giữa một thế giới ngày càng hiện đại, làng quê vẫn giữ được sự ấm áp của một nơi con người biết gọi tên nhau, biết lắng nghe nhau và biết cùng nhau đi tới.

PHẦN VII. NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ ĐO ĐỂM

BÀI 36

GIÁ CỦA MỘT LỜI CHÀO

Niềm tin như một nguồn vốn

Ở làng quê, người ta thường nhận ra nhau từ xa. Chưa cần nhìn rõ khuôn mặt, chỉ nghe tiếng xe, dáng đi ngoài ngõ cũng đoán được người quen. Gặp nhau, một cái gật đầu, một câu “đi đâu đó?”, “bữa nay khỏe không?” tưởng như chỉ là phép xã giao. Nhưng nhiều khi, chính những lời ngắn ngủi ấy giữ cho một xóm làng còn gần nhau.



Lời chào không làm ra hạt lúa, không dựng được căn nhà, không trả được món nợ. Nhưng thiếu lời chào, khoảng

cách giữa người với người có thể lớn dần lên lúc nào không hay. Có những thứ không nhìn thấy, không cân đong được, nhưng lại quyết định một cộng đồng bền chặt hay rời rạc. Niềm tin là một thứ như vậy. Và niềm tin cũng là một nguồn vốn.

Ngày nhỏ, người lớn thường dạy trẻ con gặp người lớn phải khoanh tay chào, đi ngang nhà hàng xóm phải lên tiếng. Khi ấy, nhiều đứa trẻ chỉ làm theo vì sợ bị rầy. Lớn lên mới hiểu, lời chào không chỉ là phép lễ nghĩa. Đó còn là cách xác nhận sự hiện diện của người khác: tôi thấy bác, tôi nhớ bác, bác không phải người xa lạ đối với tôi.

Một lời chào không giải quyết được mọi việc, nhưng có thể mở cánh cửa đầu tiên để người ta bước đến gần nhau. “Bữa nay thấy chú hơi mệt?”, “Nhà có chuyện gì không?”, “Cần phụ một tay thì nói nghen”. Từ lời chào, người ta nhận biết hoàn cảnh của nhau. Từ sự nhận biết, một bàn tay có thể được đưa ra đúng lúc. Giá trị của lời chào không nằm ở âm thanh, mà ở sự quan tâm ẩn phía sau.

Công nghệ giúp con người kết nối nhanh hơn, nhưng không mặc nhiên làm con người gần nhau hơn. Có thể biết một người vừa đăng điều gì, đang đi đâu, nhưng không nhận ra nhiều ngày rồi nhà bên cạnh không mở cửa. Có thể gửi hàng trăm lời chúc trong vài phút, nhưng không dừng trước ngõ để hỏi một câu thật lòng.

Khi lời chào thưa dần, những mối liên hệ nhỏ cũng yếu đi. Một lời góp ý dễ bị hiểu thành soi mói. Một chuyện chưa rõ dễ thành lời đồn. Một việc chung khó tìm người đứng ra. Cộng đồng không tan rã trong một ngày. Nó rạn nứt từ những điều rất nhỏ: Ít gặp nhau hơn, ít hỏi han hơn, ít tin nhau hơn.

Niềm tin là tài sản không nhìn thấy. Người cần vay tiền mua giống được hàng xóm cho mượn vì biết làm ăn đàng hoàng. Gia đình có việc đột xuất có thể gửi con sang nhà bên cạnh. Hợp tác xã kêu gọi góp vốn, thành viên đồng thuận vì tin ban quản trị minh bạch. Doanh nghiệp đến liên kết, nông dân giữ cam kết vì hiểu rằng thất hứa hôm nay sẽ mất cơ hội ngày mai.

Bởi vậy, niềm tin không chỉ là một giá trị đạo đức mà còn là nguồn lực phát triển. Một nơi có đất đai, lao động, tiền vốn nhưng thiếu niềm tin vẫn khó làm việc lớn. Một cộng đồng chưa giàu vật chất nhưng biết tin cậy, chia sẻ và giữ lời vẫn có thể tạo nên nhiều cơ hội. Nguồn vốn ấy nằm trong cách người ta đối xử với nhau mỗi ngày.

Niềm tin không sinh ra từ khẩu hiệu. Nó được tạo nên bằng những việc nhỏ lặp lại trong thời gian dài: đã hẹn thì đến, đã mượn thì trả, đã hứa thì làm; không biết thì nói không biết, làm sai thì nhận sai; việc chung phải công khai, tiền bạc phải rõ ràng.

Niềm tin đi lên từng bậc rất chậm, nhưng có thể sụp xuống chỉ sau một lần gian dối. Một vụ cân thiếu có thể khiến nông dân nghi ngờ doanh nghiệp. Một khoản thu không rõ ràng có thể làm thành viên mất lòng tin vào hợp tác xã. Một lời hứa nhiều lần không thực hiện có thể khiến người dân thờ ơ với những cuộc vận động sau đó.

Ở miền quê, người ta nhớ rất lâu cách một người cư xử lúc khó khăn. Khi mùa màng thuận lợi, ai cũng có thể vui vẻ. Nhưng đến lúc thất mùa, giá xuống, hợp đồng trục trặc, niềm tin mới được thử thách: Doanh nghiệp có chia sẻ rủi ro, người sản xuất có giữ cam kết, người đứng đầu có dám nhận trách nhiệm không?

Niềm tin không được xây bằng những lời nói đẹp trong ngày thuận lợi. Nó được xây bằng cách người ta không bỏ nhau trong lúc khó khăn. Có khi giữ niềm tin phải chấp nhận thiệt trước mắt. Nhưng chính những lựa chọn ấy tạo nên uy tín, mà uy tín lại mở ra những cơ hội lâu dài hơn. Lời nói có thể gây ấn tượng. Giữ lời mới tạo dựng niềm tin.

Mỗi người đều góp một phần vào vốn niềm tin chung. Một người làm ăn gian dối có thể làm cả làng nghề mang tiếng. Một hộ phá vỡ quy trình có thể ảnh hưởng đến mã vùng trồng của nhiều hộ khác. Ngược lại, một nhà vườn tử tế, một hợp tác xã minh bạch, một sản phẩm giữ chất lượng ổn định đều có thể nâng giá trị cho cả vùng quê. Thương

hiệu của một vùng đất được tạo nên từ hàng nghìn hành vi nhỏ.

Làng quê đáng sống không chỉ vì có đường rộng, nhà đẹp, mạng nhanh. Đáng sống còn vì khi mình gặp khó, sẽ có người hỏi thăm; khi mình làm đúng, sẽ có người ghi nhận; khi mình thành thật sửa chữa sai lầm, cộng đồng vẫn cho một cơ hội.

Buổi chiều, có người đi làm về, chạy xe chậm qua con ngõ. Một cụ già đang tưới mấy chậu cây trước sân. Người trên xe cất tiếng: “Bác Tư, bữa nay khỏe không?” Cụ già ngẩng lên, cười: “Khỏe. Mới về đó hả con?”

Cuộc trò chuyện chỉ có vài câu. Không có việc lớn nào được giải quyết, không có khoản tiền nào được tạo ra. Nhưng giữa hai con người, một sợi dây vừa được nối lại. Một lời chào hôm nay đôi khi mở đường cho một sự giúp đỡ ngày mai.

Ngồi xuống giữa một miền quê, mới thấy những nguồn vốn quý nhất không phải lúc nào cũng hiện lên trên sổ sách. Có nguồn vốn từ đất đai, tri thức, văn hóa. Và có một nguồn vốn được bồi đắp bằng từng ánh mắt, từng cái bắt tay, từng lời hứa được giữ trọn.

Đó là vốn niềm tin. Nguồn vốn ấy không cạn đi khi được chia sẻ. Trái lại, càng được trao đi, nó càng sinh sôi.

Có lẽ, để gây dựng lại niềm tin trong một cộng đồng, không nhất thiết phải bắt đầu bằng một chương trình lớn.

Hãy bắt đầu bằng việc bước chậm lại khi đi qua một mái nhà quen.

Nhìn nhau.

Mỉm cười.

Và cất lên một lời chào.

BÀI 37

QUÊ HƯƠNG LÀ GÌ?

Khái niệm tưởng đơn giản nhưng không dễ trả lời

Có lần, giữa một chuyến đi xa, ai đó hỏi: “Quê anh ở đâu?”.

Câu hỏi nghe thật dễ. Chỉ cần nói tên một tỉnh, một xã. Chỉ cần chỉ vào một điểm trên bản đồ. Vậy mà đôi khi, người được hỏi lại chần chừ. Quê là nơi mình sinh ra, nơi cha mẹ đang sống, nơi có căn nhà cũ, hay nơi đã nuôi mình trưởng thành, cho mình một công việc, một gia đình và những năm tháng không thể tách rời?



Có người sinh ra ở miền Trung, lớn lên ở miền Tây, lập nghiệp ngoài Bắc. Có người mang trong giấy tờ một quê

quán nhưng chưa từng sống ở đó. Có người rời làng từ thuở nhỏ, vài chục năm sau trở lại vẫn nhận mình là người quê ấy. Cũng có người sống cả đời tại một nơi nhưng trong lòng luôn nhớ về vùng đất của cha ông. Hóa ra, quê hương không chỉ là một địa danh. Quê hương còn là ký ức, là mối dây liên hệ, là cảm giác thuộc về.

Vậy đâu mới là quê?

Có lẽ, quê còn được tạo nên bởi thời gian sống, những mối quan hệ và những điều đã âm thầm thấm vào tâm hồn. Có người nhớ quê bằng một con đường đất nhỏ, mùi rơm sau vụ gặt, tiếng mái chèo khua trong đêm, vị trái cây vừa hái trong vườn. Có người chỉ cần nghe một giọng nói quen cũng thấy cả tuổi thơ trở về.

Ký ức về quê thường không phải những điều lớn lao. Đó là buổi trưa nằm trên chiếc võng dưới mái hiên, bữa cơm có chén mắm, đĩa rau luộc, buổi sáng theo mẹ ra chợ, buổi chiều tắm sông, tối ngồi học bên ngọn đèn. Khi còn nhỏ, người ta nghĩ những điều ấy quá bình thường. Chỉ đến lúc đi xa mới nhận ra chính những điều bình thường đã tạo nên cảm giác quê nhà.

Ký ức thì không đứng yên. Con đường đất ngày nào có thể đã được trải nhựa. Bến sông cũ có thể không còn. Cánh đồng có thể trở thành khu dân cư. Người từng chờ ta trước cửa có thể đã đi xa mãi mãi. Ta trở về một nơi vẫn mang tên

cũ nhưng cảnh vật đã khác. Khi ấy mới hiểu, điều mình nhớ nhiều khi không chỉ là quê hương, mà còn là một thời của quê hương.

Quê hương cũng không chỉ là thứ được thừa hưởng. Quê hương có thể được tạo dựng bằng lao động, sự gắn bó và trách nhiệm. Một người đến sống tại một ngôi làng, cùng góp công sửa con đường, giữ gìn dòng kênh, sẻ chia với hàng xóm, thì đang từng ngày trở thành một phần của làng. Đến một lúc nào đó, không cần ai công nhận, trong lòng đã thấy đây là nơi mình thuộc về.

Điều làm nên quê hương không hẳn là thời gian dài hay ngắn, mà là cách con người sống với vùng đất. Có người ở một nơi rất lâu nhưng chỉ xem đó là chỗ tạm trú. Cũng có người mới đến vài năm đã thương từng hàng cây, lo từng mùa nước, vui buồn cùng cộng đồng. Quê hương bắt đầu khi một vùng đất không còn chỉ là nơi để ở, mà trở thành nơi khiến ta thấy mình có trách nhiệm.

Dòng sông quê có thể đang ô nhiễm. Ngôi trường làng có thể thiếu điều kiện. Người trẻ có thể rời đi vì không tìm thấy cơ hội. Nghề truyền thống có thể mai một. Người già có thể sống cô quạnh trong những căn nhà rộng hơn trước nhưng ít tiếng cười hơn. Thương quê không chỉ là xúc động mỗi khi nghe một bài hát. Thương quê còn là giữ gìn môi

trường, trân trọng văn hóa, làm ăn tử tế, tạo thêm sinh kế, góp một ý tưởng, một việc làm để vùng đất ấy tốt hơn.

Dẫu vậy, quê hương không thể đứng yên để chờ những người đi xa. Người ở lại cũng cần đường tốt hơn, trường học đầy đủ hơn, công việc thuận lợi hơn. Sự thay đổi là điều tự nhiên. Vấn đề không phải giữ nguyên mọi thứ, mà là trong quá trình đổi thay, quê hương có còn giữ được phần hồn của mình hay không.

Một con đường có thể mở rộng, nhưng hàng cây có nhất thiết phải biến mất? Một ngôi chợ có thể khang trang, nhưng cách ứng xử thân tình có còn được giữ lại? Một làng quê có thể tiếp nhận công nghệ, nhưng những câu chuyện, phong tục và tri thức bản địa có được truyền cho thế hệ sau? Giữ quê không có nghĩa là từ chối phát triển. Giữ quê là để sự phát triển không xóa mất ký ức, không làm con người xa nhau, không biến một vùng đất có bản sắc thành nơi giống hệt mọi nơi khác.

Có người trở về nhưng căn nhà xưa đã bán, cha mẹ không còn, anh em mỗi người một nơi, mảnh vườn tuổi thơ đã thuộc về người khác. Khi ấy, quê hương còn lại gì? Có lẽ, quê hương vẫn còn trong cách ta nói một tiếng quê, trong món ăn ta tìm nấu, trong câu chuyện kể cho con cháu, trong những giá trị được truyền từ cha mẹ. Một ngôi nhà có thể

mất đi, một địa giới có thể thay đổi, nhưng cảm giác thuộc về không dễ biến mất.

Quê hương đôi khi không còn là nơi ta có thể trở về ở lại. Quê hương trở thành nơi ta mang theo. Ngồi xuống giữa một miền quê, nhìn khói bếp chiều bay lên, nghe tiếng trẻ nhỏ gọi nhau ngoài ngõ, mới thấy câu hỏi “quê hương là gì?” không có một đáp án duy nhất.

Điều quan trọng không phải tranh luận nơi nào mới là quê thật sự. Điều quan trọng hơn là ta đã sống thế nào với những vùng đất từng đi qua. Có giữ lại một kỷ niệm đẹp không? Có để lại một điều tử tế không? Có xem niềm vui, nỗi buồn của cộng đồng là một phần trách nhiệm của mình không?

Quê hương không chỉ hỏi ta sinh ra ở đâu. Quê hương còn hỏi ta thuộc về nơi nào, và nơi nào đã trở nên tốt đẹp hơn vì có phần đóng góp của ta.

Có lẽ, quê hương là nơi mỗi lần nhắc đến, lòng chợt mềm lại. Là nơi dù trở về hay chưa thể trở về, ta vẫn muốn gìn giữ một điều gì đó cho mai sau. Là nơi không chỉ nằm phía sau cuộc đời, mà còn âm thầm đi cùng ta trên mọi nẻo đường.

BÀI 38

VÌ SAO NGƯỜI TA TRỞ VỀ?

Sức hút của nguồn cội

Có một buổi sáng, chiếc xe khách dừng lại bên con đường đầu làng. Một người trẻ bước xuống, vai đeo ba lô, tay kéo chiếc va-li đã theo mình qua nhiều thành phố. Con đường vẫn đó, hàng cây vẫn đó, chỉ có người trở về đã khác.



Ngày rời quê, trong hành trang thường có nhiều hào hứng hơn lưu luyến. Thành phố hiện ra như một cánh cửa lớn, nhiều cơ hội, nhiều con đường để lựa chọn. Còn quê nhà dường như quá quen thuộc, đến mức người ta dễ nghĩ nơi ấy chẳng còn điều gì mới.

Rồi năm tháng đi qua. Giữa dòng người hối hả, có lúc bất chợt nhớ tiếng gà gáy buổi sớm, mùi thơm sau mùa gặt, bữa cơm có chén nước mắm giữa mâm. Những điều từng bị xem là bình thường bỗng trở thành ký ức quý giá.

Người trẻ trở về, nhiều khi không phải vì thành phố hết cơ hội, cũng không hẳn vì quê nhà đã đủ đầy. Họ trở về vì trong lòng bắt đầu xuất hiện một câu hỏi: mình thuộc về đâu?

Nguồn cội có một sức hút lạ lùng. Khi còn ở gần, ít ai nhận ra. Chỉ đến lúc đi xa mới hiểu có những sợi dây không nhìn thấy nhưng chưa bao giờ đứt. Đó là giọng nói của mẹ qua điện thoại, dáng cha ngoài sân, ngôi nhà cũ, con đường ngày nhỏ từng đi chân trần.

Quê hương không giữ người bằng lời kêu gọi. Quê hương giữ người bằng ký ức.

Có người trở về chăm sóc cha mẹ đã già. Có người muốn con mình lớn lên gần ông bà, biết cây lúa, con cá, phiên chợ quê. Có người nhận ra điều mình tìm kiếm không chỉ là thu nhập, mà còn là một đời sống có ý nghĩa.

Nhưng tình cảm, dù sâu đậm, chưa đủ để người trẻ ở lại lâu dài. Không thể chỉ nói: “Quê hương cần các con”, rồi để người trẻ về tự xoay sở trong thiếu thốn cơ hội, thiếu không gian sáng tạo, thiếu một cộng đồng biết lắng nghe. Người trẻ trở về không phải để quay lại quá khứ. Họ trở về để cùng quê hương bước tới tương lai.

Người học công nghệ có thể giúp hợp tác xã quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, bán hàng trên nền tảng số. Người học thiết kế có thể làm mới bao bì nông sản. Người từng làm du lịch có thể biến khu vườn, làng nghề, món ăn quê thành trải nghiệm.

Khi đó, trở về không còn là lựa chọn giữa thành phố và nông thôn. Đó là cách mang tri thức, kinh nghiệm tích lũy từ bên ngoài trở lại làm giàu cho nơi mình sinh ra.

Một miền quê đáng trở về không nhất thiết phải có mọi thứ giống thành phố. Nếu cố làm làng quê thành phiên bản thu nhỏ của đô thị, có khi lại đánh mất điều làm người trẻ nhớ thương. Sức hút của quê hương nằm ở thiên nhiên, nhịp sống vừa phải, quan hệ cộng đồng, ký ức gia đình và cảm giác mình không phải người xa lạ.

Nhưng bản sắc ấy cần được đặt trong một môi trường sống văn minh hơn. Người trẻ cần internet đủ mạnh để làm việc, trường học đủ tốt cho con, dịch vụ y tế đủ gần để chăm sóc gia đình. Họ cần cộng đồng cởi mở và những người sẵn sàng tiếp nhận ý tưởng mới. Họ cần được nhìn nhận như những người đồng kiến tạo.

Nhiều người mang ý tưởng trở về rồi lại rời đi, không phải vì thiếu tình yêu quê hương, mà vì ý tưởng ấy chưa tìm được mảnh đất để nảy mầm. Có người muốn làm nông nghiệp sạch nhưng không thể tổ chức vùng nguyên liệu. Có người muốn phát triển du lịch cộng đồng nhưng chẳng ai

chịu ngồi lại. Có người muốn mở xưởng chế biến nhỏ nhưng vướng vốn và thủ tục. Có người đem cách làm mới về nhưng lại nghe: “Xưa giờ có ai làm vậy đâu?”

Một câu nói tưởng vô tình có thể khép lại cả một dự định trở về. Nguồn cội tạo ra sức hút, nhưng cộng đồng mới quyết định người trẻ có ở lại hay không.

Một cộng đồng biết mở lòng sẽ không buộc người trẻ lặp lại cách làm cũ. Cộng đồng ấy biết trao cơ hội thử nghiệm, kể cả quyền được thất bại; biết kết nối kinh nghiệm của người đi trước với tri thức của người trở về; biết rằng cái mới đôi khi vụng về lúc bắt đầu nhưng có thể mở ra một con đường khác.

Người già giữ ký ức. Người trẻ mang theo tương lai. Khi hai thế hệ ngồi lại, quê hương có cơ hội vừa giữ được căn cốt, vừa tạo ra giá trị mới.

Người trẻ trở về không chỉ để tìm một công việc. Họ còn tìm một vị trí trong câu chuyện của quê hương. Khi trở về, họ có thể khởi xướng một thay đổi, kết nối những hộ sản xuất, mở ra sản phẩm mới, tạo thêm việc làm cho hàng xóm. Được góp phần làm thay đổi nơi mình thuộc về cũng là một loại thành công.

Dĩ nhiên, trở về không phải câu chuyện màu hồng. Làm lại từ đầu ở quê có khi khó hơn lập nghiệp nơi xa. Thị trường nhỏ, nguồn lực ít, thói quen cũ bền. Người trở về phải kiên

nhân, phải biết nói điều mới bằng ngôn ngữ mà cộng đồng có thể đón nhận.

Không phải ai đi xa cũng cần trở về sinh sống. Có người ở lại thành phố nhưng đầu tư về quê, mở thị trường cho sản phẩm quê hoặc chia sẻ tri thức. Trở về không nhất thiết là một chuyến đi theo nghĩa địa lý. Đôi khi, đó là lúc một người bắt đầu hướng năng lực của mình về nơi đã nuôi mình lớn lên. Có người trở về bằng đôi chân. Có người trở về bằng một dự án, một đơn hàng, một ý tưởng. Điều quan trọng là giữ cho cánh cửa quê hương luôn mở.

Chiều xuống, người trẻ kéo chiếc va-li qua cổng nhà. Người mẹ từ trong bếp bước ra, hỏi: “Lần này về được bao lâu?”

Người trẻ nhìn khu vườn, mái nhà cũ, con đường dẫn ra cánh đồng. Có lẽ chưa thể trả lời ngay. Bởi trở về là một quyết định lớn, không chỉ của riêng một người. Đó còn là câu chuyện của cơ hội, gia đình, cộng đồng và cách quê hương đón nhận điều mới.

Ngồi xuống giữa một miền quê, mới hiểu nguồn cội không phải sợi dây níu giữ bước chân. Nguồn cội là điểm tựa để người ta có thể đi xa mà không lạc mất mình.

Khi quê hương biết trân trọng ký ức, mở ra cơ hội, bao dung với thử nghiệm và tin tưởng người trẻ, sức hút của nguồn cội sẽ không chỉ gọi người ta trở về trong nỗi nhớ.

Nó sẽ gọi người ta trở về để bắt đầu.

BÀI 39

ĐỂ LẠI MỘT MIỀN QUÊ CHO CON CHÁU

Trách nhiệm liên thế hệ

Có một buổi chiều, người ông dẫn đứa cháu đi dọc con đường làng. Ông chỉ về phía cánh đồng, kể nơi ấy ngày trước cò bay trắng trời. Chỉ xuống dòng kênh, kể hồi nhỏ từng tắm, từng đặt lờ bắt cá. Chỉ vào cây cổ thụ bên đình, kể bao vui buồn của xóm làng đã diễn ra dưới tán cây ấy.

Đứa cháu hỏi: “Sau này những thứ này còn không ông?”



Người ông im lặng. Có những câu hỏi của trẻ nhỏ khiến người lớn phải nghĩ rất xa. Đến một ngày mình không còn

hiện diện, con cháu sẽ nhận được gì từ thế hệ đi trước? Một căn nhà, một mảnh đất, một khoản tiền? Hay một miền quê còn có thể sống, có thể nhớ, có thể trở về?

Người ta thường nghĩ đến gia tài bằng những thứ có thể cân đong, đo đếm. Cha mẹ vất vả cả đời cũng mong để lại cho con cái một căn nhà, một thửa ruộng, chút vốn làm ăn. Điều đó đáng quý. Nhưng có những tài sản lớn hơn không nằm trong giấy chứng nhận, không cất trong tủ, không chia được thành từng phần.

Đó là nguồn nước còn sạch để uống, đất còn đủ màu mỡ để gieo trồng, không khí còn lành để hít thở. Là cây xanh còn bóng mát, dòng sông chưa bị bức tử, xóm làng còn người hỏi thăm nhau. Là tiếng nói, món ăn, phong tục và ký ức chưa biến mất.

Con cháu không chỉ thừa hưởng những gì chúng ta sở hữu. Chúng còn phải gánh chịu những gì chúng ta đã sử dụng cạn kiệt, làm hư hỏng hoặc bỏ quên. Một cánh đồng bạc màu hôm nay có thể thành món nợ của nhiều mùa vụ sau. Một dòng kênh đầy rác có thể lấy đi nguồn nước của thế hệ mai sau. Một nghề truyền thống mất đi chưa chắc phục dựng được bằng tiền. Một cộng đồng đã thôi tin nhau cũng không dễ nối lại.

Bởi vậy, câu hỏi không chỉ là để lại cho con cháu bao nhiêu tài sản, mà là để lại một miền quê như thế nào.

Mỗi thế hệ đều có quyền sống tốt hơn. Người dân quê cũng cần đường rộng, nhà vững, trường học khang trang, việc làm ổn định. Không thể nhân danh bảo tồn để giữ làng quê trong cảnh nghèo khó và ít cơ hội. Nhưng phát triển không có nghĩa là sử dụng hết mọi thứ trong hôm nay.

Phát triển bền vững không phải khái niệm xa xôi. Đó là cách sống sao cho nhu cầu hôm nay không lấy mất cơ hội ngày mai. Nói cách khác, đừng tiêu dùng hết tương lai của con cháu.

Trong gia tài ấy, đất đai luôn giữ một vị trí đặc biệt. Nhưng giữ đất không có nghĩa là giữ nguyên cách sản xuất cũ. Nếu người làm nông quanh năm vất vả mà thu nhập vẫn thấp, con cháu khó lòng ở lại. Muốn giữ đất, phải làm cho đất sinh ra nhiều lớp giá trị hơn.

Cánh đồng không chỉ làm ra lúa mà còn gìn giữ cảnh quan và văn hóa canh tác. Khu vườn không chỉ bán trái cây mà còn kể câu chuyện về người trồng và vùng đất. Dòng sông không chỉ dẫn nước mà còn nuôi dưỡng sinh kế, ký ức và bản sắc. Khi đất được nhìn bằng tư duy đa giá trị, người ta không còn xem đất chỉ là món hàng để bán. Đất trở thành một phần tương lai cần được gìn giữ và làm giàu thêm.

Một miền quê có thể đổi thay rất nhanh. Đường đất thành đường bê tông. Mái lá thay bằng mái ngói. Chợ cũ trở nên khang trang. Đó là dấu hiệu của đời sống đi lên. Nhưng

giữa những đôi thay ấy, cần tự hỏi: Phần hồn của làng còn lại bao nhiêu?

Di sản không phải lúc nào cũng là công trình lớn. Nhiều khi, di sản là một nếp sống. Những nếp sống ấy dễ mất vì mỗi ngày người ta quên đi một ít. Người già không còn ai hỏi chuyện. Trẻ nhỏ không được nghe kể. Nghề cũ không có người học. Một tên đất dần biến mất khỏi cách gọi.

Giữ phần hồn của làng không có nghĩa là đóng cửa trước cái mới. Đó là biết điều gì cần thay đổi và điều gì nên được mang theo. Một đứa trẻ có thể sử dụng công nghệ thành thạo mà vẫn biết tên cây ngoài vườn, hiểu nguồn gốc ngôi đình, biết vì sao dòng sông ấy quan trọng với quê mình.

Phát triển không nên làm cho mọi miền quê trở nên giống nhau. Cái mới phải giúp cái cũ có thêm sức sống, chứ không xóa đi dấu vết của quá khứ. Muốn người trẻ trở về, quê hương không thể chỉ gọi bằng tình cảm. Quê hương phải mở ra cơ hội: công việc giúp họ sống được bằng tri thức, hạ tầng số để thu hẹp khoảng cách, không gian để khởi nghiệp và một cộng đồng biết lắng nghe ý tưởng mới.

Người trẻ không nhất thiết phải làm lại đúng những gì cha ông từng làm. Họ có thể tổ chức lại hợp tác xã, thiết kế sản phẩm, kể câu chuyện quê hương, xây dựng du lịch cộng đồng, bảo tồn giống bản địa hoặc kết nối thị trường. Điều quý nhất không phải giữ chân tất cả người trẻ. Điều quý nhất

là để dù đi đâu, họ vẫn thấy quê hương là nơi đáng quay về, đáng góp sức và đáng gửi gắm tương lai của con mình.

Cha mẹ nào cũng muốn con cháu đủ đầy. Nhưng sự đủ đầy không chỉ đến từ những gì được trao sẵn. Nếu để lại nhiều tài sản mà không trao cách lao động, tài sản có thể vơi đi. Nếu để lại đất đai mà không trao tình yêu đối với đất, đất có thể bị bán. Nếu kể nhiều về truyền thống mà không dạy cách sáng tạo, truyền thống có thể thành gánh nặng.

Điều cần truyền lại không chỉ là cái đang có, mà còn là khả năng tạo ra giá trị mới. Dạy con cháu biết quý giọt nước, hiểu mùa màng, tôn trọng người lao động. Dạy cách giữ lời, biết hợp tác và sống có trách nhiệm với cộng đồng. Dạy rằng thành công của một người không thể xây trên sự cạn kiệt của đất đai hay thiệt thòi của người khác.

Tương lai không bắt đầu vào ngày mai. Tương lai được tạo ra từ những quyết định hôm nay. Mỗi việc làm có trách nhiệm đều là một lời nhắn gửi đến tương lai. Ngược lại, mỗi lần xả rác xuống sông, khai thác đất đến kiệt quệ, làm hàng gian dối hoặc thờ ơ với việc chung, chúng ta cũng đang để lại một di sản. Chỉ khác đó là loại di sản không ai mong muốn được nhận.

Buổi chiều, người ông và đứa cháu vẫn đi chậm trên con đường làng. Có thể nhiều năm sau, khi người ông không còn, đứa trẻ ấy sẽ dẫn con mình đi qua con đường này. Cây

có thể lớn hơn. Cánh đồng có thể được canh tác theo cách khác. Ngôi làng có thể hiện đại hơn.

Nhưng mong rằng dòng nước vẫn còn trong. Đất vẫn có thể sinh sôi. Người trong làng vẫn còn chào nhau. Trẻ nhỏ vẫn biết quê mình có câu chuyện gì. Người đi xa vẫn có một nơi để trở về.

Ngôi xuống giữa một miền quê, mới hiểu điều lớn nhất một thế hệ có thể để lại không phải là một quê hương nguyên vẹn như trong quá khứ. Điều đó không thể, bởi cuộc sống luôn vận động.

Điều có thể để lại là một miền quê đủ sức bước vào tương lai mà không đánh mất mình. Một miền quê biết phát triển nhưng không tận dụng đến cạn kiệt; biết làm mới nhưng không xóa bỏ ký ức; biết mở cửa với thế giới nhưng vẫn giữ được tình làng nghĩa xóm; biết trao cho con cháu không chỉ đất đai, mà cả niềm tin, tri thức và trách nhiệm.

Rồi một ngày, chúng ta cũng trở thành người xưa trong câu chuyện của thế hệ sau. Khi ấy, điều đáng mong nhất không phải con cháu nhớ tên từng người, mà là chúng có thể sống bình an trên mảnh đất này, uống được dòng nước này, nghe lại câu chuyện này và tự hào nói: “Đây là quê hương của mình”.

Có lẽ, đó là gia tài sâu xa nhất mà một đời người có thể để lại.

BÀI CUỐI

MIỀN QUÊ KHÔNG ĐỨNG NGOÀI TƯƠNG LAI

Ba mươi chín câu chuyện đã đi qua.

Đi qua con đường bê tông và con đường trong lòng người. Đi qua phiên chợ quê, bóng cây đầu làng, bữa cơm đám giỗ. Đi qua người nông dân, người thương lái, bà bán hàng ngoài chợ, ông chủ nhiệm hợp tác xã, người thầy giáo làng, người trẻ rời quê rồi tìm đường trở về.



Đi qua cánh đồng không còn chỉ để trồng lúa, dòng sông không thể chỉ được nhìn như dòng nước, mùa nước nổi đang lùi dần vào ký ức. Đi qua hành trình của hạt gạo, trái xoài bước ra thị trường. Đi qua ngôi trường tương lai, bệnh

viện cách nhà vài cú chạm màn hình, ngôi làng thông minh và những câu hỏi mới trong thời đại trí tuệ nhân tạo.

Mỗi câu chuyện là một lát cắt. Đặt cạnh nhau, những lát cắt ấy hiện ra thành một miền quê vừa thân thuộc, vừa khác trước. Vẫn mái nhà, bờ ruộng, dòng kênh, hàng cây, nhưng phía sau đó là biết bao chuyển động. Có điều đang mất đi. Có điều đang hồi sinh. Có điều chưa kịp gọi tên đã trở thành một phần của đời sống.

Khép lại ba mươi chín câu chuyện, vẫn còn một câu hỏi ở lại: Nông thôn sẽ đứng ở đâu trong tương lai?

Câu hỏi ấy từng được trả lời bằng những con đường dài hơn, những căn nhà kiên cố hơn, những cánh đồng năng suất cao hơn. Những điều đó đều cần thiết. Không ai có thể lãng mạn hóa cảnh đường lầy, trường xa, bệnh viện cách trở, mùa màng phập phồng. Phát triển trước hết phải làm cho cuộc sống bớt nhọc nhằn, để người dân có thêm cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe, làm ăn và mưu cầu hạnh phúc.

Nhưng khi đường đã mở, điện đã sáng, sóng đã phủ, lại cần hỏi thêm: **Rồi sao nữa?** Con đường ấy đưa hàng hóa đi xa hơn, hay chỉ đưa người trẻ rời quê nhanh hơn? Nhà văn hóa có trở thành nơi cộng đồng học cùng nhau, bàn việc chung? Công nghệ có giúp người dân quyết định tốt hơn, sống an toàn hơn hay chỉ tạo thêm những thao tác trên màn hình?

Phát triển nông thôn không thể chỉ là làm cho nông thôn giống đô thị. Một miền quê không nên trở thành bản sao thu nhỏ của thành phố để được xem là hiện đại. Nông thôn có nhịp sống riêng, ký ức riêng và những giá trị mà đô thị nhiều khi đang tìm cách khôi phục.

Nơi ấy còn khoảng trời rộng để con người nhìn thấy mùa đang đổi. Còn dòng sông, cánh đồng, khu vườn nối con người với tự nhiên. Còn những mối quan hệ được vun đắp bằng lời chào, chén trà, bữa cơm và lòng tin. Còn những tri thức không nằm trong giáo trình nhưng đã được thử thách qua bao mùa nắng mưa.

Đó không phải là phần dư của phát triển. Đó là **tài sản**.

Điều cần làm không phải là quay về quá khứ. Quá khứ có những giá trị cần gìn giữ, nhưng cũng có những giới hạn cần vượt qua. Tương lai không nằm ở việc giữ nguyên một khung cảnh để ngắm nhìn, mà ở khả năng làm mới những giá trị cũ bằng tri thức mới, công nghệ mới và cách tổ chức mới.

Một cánh đồng tương lai vẫn có mùi đất sau cơn mưa, nhưng người trồng lúa có thể đọc dữ liệu thời tiết, quản lý nước chính xác, giảm giống, giảm phân, giảm phát thải. Một khu vườn vẫn giữ giống cây cũ và câu chuyện gia đình, nhưng sản phẩm được truy xuất nguồn gốc, chế biến, kể chuyện và kết nối với người tiêu dùng ở nơi xa.

Một ngôi làng tương lai vẫn có tiếng trẻ con gọi nhau, tiếng người lớn hỏi thăm trước ngõ, nhưng người dân có thể khám bệnh từ xa, học tập suốt đời và giao dịch với thị trường qua vài cú chạm. Công nghệ hiện diện mà không phô trương. Công nghệ lùi về phía sau để con người bước lên phía trước.

Ngôi làng thông minh không phải là ngôi làng có nhiều thiết bị nhất, mà là nơi biết dùng công nghệ để giải quyết đúng vấn đề của mình, kết nối tri thức bên ngoài với kinh nghiệm bên trong, biến dữ liệu thành quyết định và biến quyết định thành cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ở đó, người nông dân không còn chỉ được nhìn như người trồng trọt, chăn nuôi. Người nông dân là người quản trị tài nguyên, rủi ro, chất lượng và niềm tin. Khi người nông dân trở thành doanh nhân, điều quan trọng không phải là danh xưng, mà là tư thế: biết thị trường cần gì trước khi sản xuất; biết tính chi phí, hợp tác, tiêu chuẩn hóa; biết không chạy theo mọi cơn sốt; biết một mùa lời lớn không bằng một con đường dài có **niềm tin**.

Nhưng không ai có thể chuyên nghiệp một mình. Một hộ nhỏ khó đủ sức tiếp cận công nghệ, thị trường, tín dụng và tiêu chuẩn ngày càng cao. Tương lai của nghề nông vì vậy cũng là tương lai của sự hợp tác. Hợp tác không bắt đầu từ điều lệ hay con dấu. Phải có ‘hợp’ rồi mới có thể ‘hùn’:

Hạp cách nghĩ, hạp cách làm, hạp lời hứa và hạp trách nhiệm.

Giữa những chuyển động ấy, vẫn có một điều cần được đặt ở trung tâm: **Cộng đồng**.

Nông thôn không chỉ được tạo nên bởi đất đai và nhà cửa, mà bởi những mối quan hệ. Một bữa cơm đám giỗ, một phiên chợ, một hội quán dưới gốc cây, một lần góp đất mở đường tưởng là những câu chuyện nhỏ, nhưng ở đó hình thành **vốn xã hội**.

Vốn xã hội không nằm trong kết sắt. Đó là khả năng con người tin nhau đủ để cùng làm một việc; người biết chỉ cho người chưa biết; một khác biệt được đem ra đối thoại thay vì âm thầm trở thành chia rẽ. Một làng quê có thể chưa nhiều tiền, nhưng sẽ không nghèo nếu còn niềm tin. Ngược lại, có nơi nhà cửa khang trang mà người sống cạnh nhau không thể ngồi lại giải quyết một việc chung, nơi ấy vẫn thiếu một nền móng quan trọng.

Bởi vậy, phát triển nông thôn cần được nhìn như quá trình đánh thức năng lực cộng đồng. Không chỉ hỏi địa phương còn thiếu gì để đầu tư thêm, mà cần hỏi cộng đồng đang có gì, ai đang biết gì, điều gì có thể kết nối lại.

Trong lựa chọn ấy, người trẻ giữ một vị trí đặc biệt. Không thể chỉ kêu gọi người trẻ trở về bằng tình yêu quê hương. Tình yêu cần một nơi để gửi gắm. Người trẻ trở về

khi nhìn thấy cơ hội làm việc, sáng tạo, khởi nghiệp, nuôi dạy con cái và sống một cuộc đời có phẩm giá. Một miền quê đáng sống không giữ chân người trẻ bằng sự ràng buộc, mà đủ rộng để những ước mơ mới bén rễ.

Ngôi trường tương lai ở nông thôn vì thế không chỉ dành cho trẻ nhỏ. Đó có thể là không gian học tập của cả cộng đồng. Người nông dân học thị trường và công nghệ. Người cao tuổi học sử dụng dịch vụ số. Người trẻ học từ tri thức bản địa. Cán bộ học cách lắng nghe. Khi một cộng đồng còn học, cộng đồng ấy còn khả năng tự đổi mới.

Tương lai của nông thôn cũng được quyết định bởi cách con người đối xử với tự nhiên. Đất không chỉ là tư liệu sản xuất. Đất là một cơ thể sống. Dòng sông không chỉ mang nước mà còn mang sinh kế, văn hóa, ký ức và sự cân bằng của cả vùng đất. Rơm rạ, vỏ trái cây, phụ phẩm sau thu hoạch không mặc nhiên là phế phẩm. Trong một vòng tuần hoàn được tổ chức tốt, thứ bỏ đi của quá trình này có thể trở thành đầu vào của quá trình khác.

Nhưng thiên nhiên có giới hạn. Đất cần được nghỉ. Nước cần được phục hồi. Hệ sinh thái cần có khoảng thở. Không thể gọi một mùa vụ là thành công nếu năng suất tăng lên nhưng đất yếu đi, nước bẩn hơn và người trồng phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn. Sự phát triển chỉ thật sự có ý nghĩa khi thế hệ sau còn cơ hội tiếp tục.

Để lại một miền quê cho con cháu không chỉ là để lại mảnh đất hay căn nhà. Cần để lại cả khả năng sống được trên mảnh đất ấy; để lại nguồn nước, bóng cây, sức khỏe đất, ký ức cộng đồng và niềm tin giữa người với người.

Rồi một ngày, một đứa trẻ có thể hỏi: “Ngày trước quê mình như thế nào?”

Mong rằng câu trả lời không chỉ nằm trong những bức ảnh cũ. Có thể dắt đứa trẻ đi trên con đường rợp bóng cây, qua cánh đồng được canh tác tử tế, ghé khu vườn còn tiếng chim, bước vào ngôi trường mở cửa cho cả làng, đến hợp tác xã nơi người nông dân làm chủ công nghệ và ngôi xuống bên dòng sông vẫn còn trong lành.

Có thể nói rằng quê hương đã đổi thay rất nhiều, nhưng những điều tốt đẹp nhất không mất đi. Chúng được gìn giữ bằng một cách mới, trao truyền trong một hình hài mới và tiếp tục sinh sôi trong đời sống mới.

Không có một mô hình duy nhất cho mọi miền quê. Mỗi nơi cần tìm ra phiên bản tốt đẹp nhất của chính mình. Có nơi mạnh về nông nghiệp. Có nơi sống cùng sông nước, rừng, biển. Có nơi lưu giữ nghề thủ công, lễ hội, ẩm thực và ký ức lâu đời. Điều quan trọng không phải là giống nhau, mà là nhận ra **bản sắc** để làm nên khác biệt.

Tương lai không đến với nông thôn như một chuyến tàu mà người dân chỉ đứng chờ ở sân ga. Tương lai được

gieo từ hôm nay, trong từng thửa ruộng, khu vườn, lớp học, hợp tác xã và cuộc họp cộng đồng. Được gieo bằng tri thức mới, bằng niềm tin cũ được làm mới, bằng sự dấn thân của người trẻ và sự từng trải của người già. Được vun bồi bằng khoa học, công nghệ, nhưng cũng bằng lòng tử tế và tinh thần cùng nhau.

Khép cuốn sách lại, có lẽ điều còn đọng lại không phải là một định nghĩa hoàn chỉnh về nông thôn.

Chỉ là một lời mời.

Mời ngồi xuống chậm hơn bên một miền quê để nhìn thấy những điều lâu nay bị che khuất bởi sự vội vàng. Mời lắng nghe người dân trước khi nói về những chương trình dành cho người dân. Mời nhìn cánh đồng bằng con mắt của kinh tế, sinh thái, văn hóa và tương lai. Mời nhìn người nông dân không bằng sự thương cảm, mà bằng sự tôn trọng đối với một chủ thể kiến tạo.

Và rồi, sau khi đã ngồi xuống đủ lâu, cùng đứng lên.

Đứng lên để nói những điều riêng lẻ thành sức mạnh chung. Đứng lên để nông thôn không phải chạy theo tương lai của một nơi khác, mà tự tạo ra tương lai từ chính đất đai, con người và bản sắc của mình.

Miền quê không đứng ngoài tương lai.

Miền quê đang ở ngay trong những câu hỏi lớn nhất của tương lai: con người sẽ sống thế nào với thiên nhiên, sản xuất thế nào mà không làm cạn kiệt nguồn lực, phát triển thế nào mà không đánh mất căn cước, sử dụng công nghệ thế nào mà vẫn giữ được tình người.

Một tương lai có đất lành, người lành. Có những cánh đồng tạo ra không chỉ nông sản mà còn niềm tin. Có những ngôi làng hiện đại mà vẫn ấm tiếng chào. Có những người trẻ đi xa để lớn lên, rồi quay về để cùng quê hương lớn lên. Có những đứa trẻ mai này vẫn nhận ra quê mình, dù quê hương đã đổi thay.

Ba mươi chín câu chuyện dừng lại ở trang sách.

Còn câu chuyện của miền quê, xin được tiếp tục ngoài cuộc đời.

Lê Minh Hoan

ĐỌC SÁCH CÙNG
XÍCH LÔ



LÊ MINH HOÀN